

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 212... /QĐ - UBND, ngày 20... tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường mầm non xã Thanh Luồng										
1	Lường Thị Thu Thủy		2019	MG Lớn A	Thái	Lò Thị Kẹo	Bản Hua Pe- xã Thanh Luồng	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
2	Hoàng Vũ Huy Hoàng	2019		MG Lớn A	Thái	Vũ Quý Hạnh	Bản Phi Nhừ xã Phi Nhừ- tỉnh Điện biên	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
3	Vì Nhật Tân	2019		MG Lớn B	Thái	Vì Trung Tính	Bản Giới B xã Luân Giới, ĐBĐ	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
4	Vì Hương Giang		2019	MG Lớn C	Thái	Vì Thị Phong	Bản Lọng Tóng xã Thanh Luồng	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
5	Mùa Tuệ Lâm		2019	MG Lớn C	Hmong	Thảo Thị Sĩa	xã Hua Thanh Huyện Điện Biên	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
6	Lò Thị Duyên		2020	MG Nhỡ C	Thái	Lò Thị Thương	Bản Lọng Tóng xã Thanh Luồng	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
7	Lường Ngọc Ly		2021	MG Bé A	Thái	Lường Thị Ánh	Bản Hua Pe- xã Thanh Luồng	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
8	Lò Minh Khuê		2021	MG Bé B	Thái	Lò Văn Sơn	Bản Hua Pe- xã Thanh Luồng	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
9	Đỗ Anh Đức	2021		MG Bé C	Kinh	Đỗ Thị Yến	An Thịnh, Đông Lợi, Sơn Dương, Tuyên Quang	Xã ĐBK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

Kiểm theo Quyết định số: 212/QĐ - UBND, ngày 20... tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ							
	Trường MN xã Thanh Hưng									12.000.000
1	Phạm Vy Bảo Hân		2019	Kinh	Phạm Tiến Quân	Thôn Hưng Thịnh xã Thanh Hưng	Khuyết tật	150.000	5	750.000
2	Lò Ngọc Nhi		2019	Thái	Lò Thị Hiền	Thôn Hồng Thái xã Thanh Hưng	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
3	Tòng Thanh Tú	2019		Thái	Quảng Thị Mai	Bản Noong Pét xã Thanh Hưng	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
4	Phạm Mai Linh		2019	Kinh	Phạm Thanh Tâm	Bản phiêng Muông A, xã Pú Hồng, Điện Biên Đông	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
5	Vì Bảo Minh	2019		Thái	Lương Thị Dịu	Bản Pa Tản, xã Pa Tản, huyện Nậm Pồ	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
6	Đỗ Gia Hưng	2019		Kinh	Đỗ Kim Diệp	Bản Suối Lư - Keo Lôm Điện Biên Đông	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
7	Cà Ánh Dương		2020	Thái	Cà Văn Thủy	Tổ 3 - Thị trấn ĐB Đông	Thôn/bản hoặc xã ĐBKK	150.000	5	750.000
8	Nguyễn Lò Ngọc Hà		2020	Kinh	Nguyễn Xuân Mến	Bản Che Phai - Luân Giới - ĐBD	Thôn/bản hoặc xã ĐBKK	150.000	5	750.000
9	Quảng Thị Khánh Ngọc		2020	Thái	Quảng Văn Phương	Đội 16 (Bản Na Khénh)	Khuyết tật	150.000	5	750.000
10	Phạm Vũ Hoàng Hải	2020		Kinh	Vũ Thị Lư	Thôn Hưng Thịnh- Thanh Hưng	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
11	Tòng Mạnh Tùng	2020		Lớp MGG Thanh Bình	Thái	Lò Thị Minh	Bản Mé xã Thanh Hưng	Khuyết tật Thôn/bản hoặc xã DBKK	150.000	5	750.000
12	Nguyễn Hoài An		2020	Lớp MGG Thanh Bình	Thái	Lò Thị Ngân	Bản Xẻ xã Phú Lương	Thôn/bản hoặc xã DBKK	150.000	5	750.000
13	Nguyễn Bình An		2020	Lớp MGG Thanh Bình	Thái	Lò Thị Ngân	Bản Xẻ xã Phú Lương	Thôn/bản hoặc xã DBKK	150.000	5	750.000
14	Lại Thanh Trúc		2020	Lớp MGG Thanh Bình	Kinh	Lại Quốc Doanh	Bản Mường Luồn 1 - xã Mường Luồn- DBĐ	Thôn/bản hoặc xã DBKK	150.000	5	750.000
15	Lò Hoài Nam		2021	Lớp MGG Lếch Cường	Thái	Lò Thị Thom	Bản Hồng Lếch Cường- Thanh Hưng	Hộ Nghèo Thôn/bản hoặc xã DBKK	150.000	5	750.000
16	Phạm Mai Anh		2021	Lớp mẫu giáo bé B	Kinh	Phạm Thanh Tâm	Bản phiêng Muông A, xã Pú Hồng, Điện Biên Đông		150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số: 922/QĐ - UBND, ngày 22... tháng 02... năm 2025 của UBND huyện Điện Biên

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Nam	Nữ							
	Trường MN xã Thanh Chấn									
1	Tòng Thị Kim Nhung		2019	Thái	Lò Thị Ánh	Bản Púng Nghịu - TC	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
2	Lò Thị Thảo Vân		2019	Thái	Quảng Thị Thăm	Bản Púng Nghịu - TC	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
3	Lường Thị Hồng Tâm		2019	Thái	Quảng Thị Thư	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
4	Nông Thị Ánh Huyền		2019	Hà Nhì	Lò Thị Thanh	Bản Xi Ma - xã Chung Chải, h.Mường Nhé	ĐKKT-XH ĐBK	150.000	5	750.000
5	Nông Ngọc Uy Vũ	2019		Nùng	Nông Ngọc Vĩnh	Bản Hồ Chim 1, xã Ma Thi Hồ, h.M.Chà	ĐKKT-XH ĐBK	150.000	5	750.000
6	Cà Duy Hoàng	2019		Thái	Lò Thị Tuyết	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
7	Hoàng Cẩm Lan		2019	Thái	Hoàng Văn Nam	Bản Pa Léch - TC	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
8	Cà Thị Quỳnh Anh		2019	Thái	Lò Thị Lan	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
9	Quảng Thị Diệp Anh		2019	Thái	Tòng Thị Hải	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
10	Tòng Tiến Dũng	2019		Thái	Quảng Thị Hoa	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
11	Cà Minh Quang	2020		Thái	Cà Đồng Tiến	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
12	Nông Tuấn Kiệt	2020		Nùng	Nông Ngọc Vĩnh	Bản Hồ Chim 1, xã Ma Thi Hồ, h.M.Chà	ĐKKT-XH ĐBK	150.000	5	750.000
13	Lò Văn Nhiệm	2020		Thái	Lò Văn Sơn	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
14	Vị Thị Thu Hà		2020	Thái	Vị Văn Sơn	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
15	Cà Mạnh Hùng	2020		Thái	Quảng Thị Thương	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
16	Đình Thị Hoài Thương		2020	Thái	Lò Thị Hiền	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
17	Cà Ngọc Ánh		2020	Thái	Lường Thị Diễm	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	4	600.000
18	Lường Văn Thương	2020		Thái	Tòng Thị Phong	Bản Na Khưa - TC	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
19	Điêu Bảo Quyên		2021	Thái	Lò Văn Hóa	Bản Na Khưa - TC	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
20	Tòng Thiên Phú	2021		Thái	Tòng Thị Thanh	Bản Nậm Nền 2, xã Nậm Nền, h.M.Chà	ĐKKT-XH ĐBK	150.000	5	750.000
21	Quảng Thị Hương Ly		2021	Thái	Quảng Thị Thăm	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
22	Lường Thị Thanh Trúc		2021	Thái	Lường Thị Hoa	Bản Púng Nghịu - TC	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
23	Tòng Minh Khôi	2021		Thái	Tòng Văn Duyên	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
24	Phạm Hồng Nhung		2021	Kinh	Hà Thị Xuân	Bản Púng Nghịu - TC	Thôn ĐBK	150.000	5	750.000
25	Nguyễn Như Ngọc		2021	Kinh	Khoảng Thị Nôi	Thôn Thanh Hồng 10 - TC	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
						Bản Na Khoa, xã Na Khoa, h.Nậm Pồ	ĐKKT-XH ĐBK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 212/QĐ - UBND, ngày 22.2.2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Thanh Yên										
1	Nguyễn Gia Hân		2019	MG lớn A	Kinh	Nguyễn Thị Thắm	xã Noong U -ĐBĐ	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
2	Phạm Bá Huy	2019		MG lớn A	Kinh	Phạm Bá Cường	Sa Long - Mường Chà	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
3	Đổng Gia Bảo	2020		MG nhỏ B	Thái	Đổng Văn Hà	Thanh Yên - Điện Biên	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
4	Nguyễn Đức Gia Hưng	2000		Mg bé A	Thái	Nguyễn Thị Thắm	xã Noong U -ĐBĐ	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
5	Lò Gia Linh		2021	MG bé B	Thái	Bùi Thị Hằng	Bản Chiềng Tông - xã TY	TĐBK	150.000	5	750.000

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021ND - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 912/QĐ - UBND, ngày 14. tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Năm sinh									
		Nam	Nữ								
	Trường MN số 2 xã Thanh Yên										
1	Quảng Duy Khang	2019		MG lớn A	Thái	Lường Thị Tươi	Bản phượn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
2	Lò Thùy Dương		2019	MG lớn A	Thái	Lò Thị Mến	Bản phượn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
3	Lường Hải Yên	2019		MG lớn A	Thái	Lò Thị Ngoan	Bản phượn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
4	Lò Tuấn Anh	2019		MG lớn A	Thái	Lò Thị Dương	Bản phượn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
5	Quảng T Kiều Oanh		2019	MG lớn A	Thái	Quảng Văn Ngọc	Bản phượn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
6	Lò Công Luận	2019		MG lớn A	Thái	Lò Thị Vân	Bản phượn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
7	Lò Thị Phương Vy	2019		MG lớn A	Thái	Lường Thị Ngọc	Bản phượn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
8	Lò Hà Nhã Uyên	2019		MG lớn A	Thái	Lò Thị Xuân	Bản Chiềng Tông	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
9	Lường Anh Dũng	2019		MG Lớn B	Thái	Vì Thị Hồng	Bản Chiềng Tông	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
10	Lò Mạnh Quyền	2019		MG Lớn B	Thái	Lò Thị Dung	Bản Chiềng Tông	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
11	Lò Thu Huyền		2019	MG Lớn B	Thái	Lò Thị Bích	Bản Chiềng Tông	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
12	Nguyễn Minh Khang	2019		MG Lớn B	Thổ	Lò Thị Thon	Bản Phú Yên	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
13	Hà Anh Hiếu	2020		MG Nhỡ A	Thái	Lò Thị Minh Hằng	Bản Pa bó	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
14	Lò Mạnh Hào	2020		MG Nhỡ A	Thái	Lò Văn Lai	Bản Phượn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
15	Lò Phương Anh		2020	MG Nhỡ A	Thái	Lò Văn Tiến	Bản Phượn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
16	Lò Bảo Khang	2020		MG Nhỡ A	Thái	Lò Thị Thu Trung	Bản Phượn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
17	Nguyễn Bảo Anh		2020	MG Nhỡ A	Kinh	Nguyễn Thị Bình	Bản Phú Yên	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
18	Nguyễn Trà My		2020	MG Nhỡ A	Thổ	Lò Thị Tiên	Bản Phú Yên	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
19	Lường Ngọc Diệp		2020	MG Nhỡ A	Thái	Vì Thị Ánh	Bản Púng Nghiu, xã Thanh Chấn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
20	Triệu Phúc Đại	2020		MG Nhỡ B	Nùng	Lò Thị Thoa	Bản Yên Sơn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
21	Trần Thị Thảo Vy		2020	MG Nhỡ B	Kinh	Ngô Thị Tô	xã Đại Sơn - Bắc Giang	Bản DBKK	150.000	5	750.000
22	Lò Thị Phương Anh		2020	MG Nhỡ B	Thái	Lò Văn Tươi	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
23	Lò Hoàng Diệu Hân		2020	MG Nhỡ B	Thái	Lò Văn Sinh	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
24	Lương Ngọc Thái		2020	MG Nhỡ B	Thái	Lương Văn Quyết	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
25	Lương Quỳnh Anh		2020	MG Nhỡ B	Thái	Lương Văn Kiên	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
26	Lò Như Quỳnh		2020	MG Nhỡ B	Thái	Lò Thị Thắm	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
27	Lò Đăng Khoa		2020	MG Nhỡ B	Thái	Lò Văn Chính	Bản Phươn	Bản DBKK	150.000	5	750.000
28	Lò Thị Thanh Trúc		2020	MG Nhỡ B	Thái	Lò Văn Toàn	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
29	Lò Thuý Dương		2020	MG Nhỡ B	Thái	Ngô Thị Thanh Mơ	Quài Cang, Tuần Giáo	Bản DBKK	150.000	5	750.000
30	Lương Trung Thành		2021	MG Bé A	Thái	Lương Văn Định	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
31	Lò Thị An Nhiên		2021	MG Bé A	Thái	Lò Thị Nguyễn	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
32	Quàng Đức Huy		2021	MG Bé A	Thái	Cà Thi Yên	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
33	Lò Cẩm Trung Kiên		2021	MG Bé A	Thái	Lò Văn Dũng	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
34	Lò Bảo Châu		2021	MG Bé A	Thái	Lò Văn Xiên	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
35	Nguyễn Quang Huy		2021	MG Bé A	Kinh	Lò Thị Hồng	Bản Chiềng Tông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
							Bản Huổi Khuong, xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ				
36	Lò Thị Khánh Ly		2021	MG Bé A	Thái	Lò Thị Bích	Pồ	Bản DBKK	150.000	5	750.000
37	Lò Thảo Vy		2021	MG Bé B	Thái	Lò Văn Hưng	Bản Chiềng Tông	Khuyết tật	150.000	5	750.000
38	Quàng Thị Minh Anh		2021	MG Bé B	Thái	Quàng Thị Thịch	Bản Phươn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
39	Lò Xuân Trường		2021	MG Bé B	Thái	Lò Thị Thuương	Bản Phươn	Bản DBKK	150.000	5	750.000
40	Ngọc Anh Thư		2021	MG Bé B	Tày	Lương Thị Lan	Bản Phú Yên	Bản DBKK	150.000	5	750.000
41	Quàng Quang Khải		2021	MG Bé B	Thái	Quàng Thị Thắm	Bản Pa Bói	Khuyết tật	150.000	5	750.000
42	Quàng Lò Đăng Khôi		2021	MG Bé B	Thái	Lò Thị Tâm	Bản Phươn	Bản DBKK	150.000	5	750.000



PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo: Quyết định số: 2.112 /QĐ - UBND, ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Điều kiện được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Thanh An										30.000.000
1	Tùng Đức Mạnh	2019		MG Lớn Púng Thanh	Thái	Tùng Thị Đới	Phiêng Ban - TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
2	Bùi Minh Nhật	2019		MG Lớn Púng Thanh	Kinh	Bùi Văn Kiên	Phiêng Ban - TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
3	Tùng Tấn Hào	2019		MG Lớn Púng Thanh	Thái	Lò Thị Tiên	Phiêng Ban - TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
4	Tùng Thị Phương Uyên		2019	MG Lớn Púng Thanh	Thái	Lò Thị Xuân	Bản Cha-TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
5	Cà Gia Hân		2019	MG Lớn Púng Thanh	Thái	Lò Thị Kiên	Bản Cha-TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
6	Vì Thị Như Quỳnh		2019	MG Lớn Púng Thanh	Thái	Quảng Thị Hương	Bản Cha-TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
7	Lò Thị Hoài An		2019	MG Lớn Púng Thanh	Thái	Lò Thị Phương	Phiêng Ban - TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
8	Lương Minh Đạt	2019		MG Lớn Púng Thanh	Thái	Lò Thị Khánh	Bản Huổi Púng - TA	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
9	Cà Bảo Cúc		2019	MG lớn A TT	Thái	Lò Thị Loan	Bản Ten Luống	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
10	Lò Văn Hoàng	2019		MGG Huổi Púng	Khơ Mú	Lò Văn Nam	Bản Huổi Púng - TA	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
11	Quảng Thị Thúy Mai		2019	MGG Huổi Púng	Khơ Mú	Lò Thị Mỹ	Bản Huổi Púng - TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
12	Quảng Gia Nghĩa	2019		MGG Huổi Púng	Khơ Mú	Quảng Văn Hương	Bản Huổi Púng - TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
13	Lương Anh Khôi		2020	MGG Huổi Púng	Khơ Mú	Lò Thị Chanh	Bản Huổi Púng - TA	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
14	Lò Mạnh Quân	2020		MGG Huổi Púng	Khơ Mú	Lò Văn Toàn	Bản Huổi Púng - TA	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
15	Lò Thanh Nhân		2020	MGG Noong Ứng	Thái	Cà Thị Hinh	Bản On - Noong Luống	Thôn bản ĐB - KK	150.000	5	750.000
16	Quảng Chí Kiệt	2020		Mẫu Giáo Ghép TT	Thái	Quảng Thị Khuyên	Bản púng giắt 2 xã Mường Mươn huyện Mường chà T. Điện Biên				
17	Lò Như Quỳnh	2020		MGN A Trung tâm	Thái	Lò Minh Sáng	Bản Chiềng An-TA	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
18	Lò Kim Ngân		2021	MG bé Noong Ứng	Thái	Lò Thị Phương	Bản xóm - Thanh An	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi T trạng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
19	Khoảng Anh Tuấn	2021		MG Bé TT	Thái	Lò Thị Hà	Xã Nậm Nèn, Huyện Mường Chà	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
20	Lò Thu Hoài		2021	MGB Púng Thanh	Thái	Quảng Thị Hương	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
21	Quảng Nguyệt Quế		2021	MGB Púng Thanh	Thái	Lò Thị Tâm	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
22	Lò Thị Linh Chi		2021	MGB Púng Thanh	Thái	Cà Thị Lai	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
23	Tòng Thị Anh Thư		2021	MGB Púng Thanh	Thái	Tòng Văn Thuận	Phiêng Ban -TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
24	Lò Tuấn Huy	2021		MGB Púng Thanh	Thái	Cà Thị Chính	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
25	Tòng Thị Gia Hân		2021	MGB Púng Thanh	Thái	Cà Thị Thư	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
26	Lò Đào Quỳnh Hương		2021	MGB Púng Thanh	Thái	Lò Thị Nga	Phiêng Ban -TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
27	Lò Thị Thanh Mai		2021	MGB Púng Thanh	Thái	Lò Thị Hương	Phiêng Ban -TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
28	Nguyễn Minh Anh	2021		MGB Púng Thanh	Kinh	Lương Thị Oanh	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
29	Thùng Duy Khải	2020		MG nhớ Púng Thanh	Thái	Đieu Thị Lệ	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
30	Quảng Mạnh Quân	2020		Lớp MGN Púng Thanh	Thái	Lương Thị Lan	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
31	Lò Hồng Quyền		2020	Lớp MGN Púng Thanh	Thái	Lương Thị Nam	Phiêng Ban -TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
32	Lò Thị An Nhiên		2020	Lớp MGN Púng Thanh	Thái	Tòng Thị Oanh	Phiêng Ban -TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
33	Lò Thị Trang Kiều		2020	Lớp MGN Púng Thanh	Thái	Cà Thị Hiền	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
34	Lương Thị Phương Anh		2020	Lớp MGN Púng Thanh	Thái	Lò Thị Khánh	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
35	Tòng Kiều Oanh		2020	Lớp MGN Púng Thanh	Thái	Lương Thị Thảo	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
36	Lò Đình San	2020		Lớp MGN Púng Thanh	Thái	Lò Thị Nhung	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
37	Cà Duy Thọ	2020		Lớp MGN Púng Thanh	Thái	Lương thị Chính	Bản Cha-TA	Thôn bản DB - KK	150.000	5	750.000
38	Hoàng Thị Ngọc Ánh		2020	Lớp MGN Púng Thanh	Kinh	Hoàng Văn Lực	Co Chai -TA	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
39	Hoàng Thị Ánh Ngọc		2020	Lớp MGN Púng Thanh	Kinh	Hoàng Văn Lực	Co Chai -TA	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
40	Quảng Thị Hoài My		2020	MGN B TT	Thái	Cà Thị Ưng	Chiêng chung -TA	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

Kiểm theo Quyết định số: 212/QĐ - UBND, ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng	Hộ khẩu thường trú	Đội Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Thanh Xương										
1	Bùi Tháo Chí		2019	MG Lớn B	Thái	Lường Thị Tiết	Hua Thanh, huyện Điện Biên	KV ĐBK	150.000	5	750.000
2	Bùi Ngọc Nhi		2019	MGLC	Kinh	Nguyễn Thị Hạnh	C17, xã Thanh Xương	Khuyết Tật	150.000	5	750.000
3	Bùi Hạnh Nhi		2019	MGLC	Kinh	Nguyễn Thị Hạnh	C17, xã Thanh Xương	Khuyết Tật	150.000	5	750.000
4	Trần Minh Trí	2019		MGLC	Tày	Nông Thị Tâm	Bản mới 2, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ	KV ĐBK	150.000	5	750.000
5	Đào Minh Khang	2019		MGL PT	Kinh	Đào Văn Tuấn	Bản Phiêng Muồng, Xã Pú Hồng, Huyện Điện Biên Đông	KV ĐBK	150.000	5	750.000
6	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	2019		MGG Đ2	Kinh	Lường Thị Thu	Bản Huổi chim 1, xã Ma thi hồ, Mường chà	KV ĐBK	150.000	5	750.000
7	Cà Thị Cẩm Anh	2020		MGN B	Thái	Cà Văn Lan	Bản Con Cang, Xã Na U, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên	KV ĐBK	150.000	5	750.000
8	Lò Thị Ánh Hồng	2020		MGN PT	Thái	Cà Thị Thích	Bản Long Quân xã Sam Mứn-Điện Biên-Điện Biên	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
9	Quảng Anh Thái	2020		MGN PT	Thái	Lò Thị Hồng	Bản Loọng Ngua, Phu Luồng, Điện Biên, Điện Biên	KV ĐBK	150.000	5	750.000
10	Lò Minh Hoàng	2020		MGN PT	Thái	Lò Thị Diên	Bản Tàu 2, Hua Thanh, Điện Biên- Điện Biên	KV ĐBK	150.000	5	750.000
11	Vì Thị Hải Âu	2020		MGN PT	Thái	Vì Văn Thương	Bản Pá Ban, Nong U, Điện Biên Đông-Điện Biên	KV ĐBK	150.000	5	750.000
12	Sùng Trung Kiên	2020		MGN PT	H'mông	Sùng A Nhè	Đê Đê Hu 2, Sính Phình, Tòa Chùa, Điện Biên	KV ĐBK	150.000	5	750.000
13	Lò Vương Quốc	2021		MGN PT	H'mông	Quảng Thị Chiêng	Bản Bang, Yên Hưng, Sông Mã, tỉnh Sơn La	KV ĐBK	150.000	5	750.000
14	Thào Ngọc Huy	2021		MGB A	Mông	Thào A Pó	Mường Toong 1 xã Mường Toong huyện Mường Nhé	KV ĐBK	150.000	5	750.000
15	Hoàng Trần Thanh Thư	2021		MGB A	Kinh	Hoàng Trần Thu Thủy	Đội 18- Thanh Xương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
16	Lò Thị Tuệ Lâm	2021		MGB B	Thái	Lò Văn Kiêm	Tổ dân phố 1 thị trấn Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	KV ĐBK	150.000	5	750.000
17	Đặng Minh Khang	2021		MGB PT	Kinh	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Bản Lói, xã Mường Lói	KV ĐBK	150.000	5	750.000
18	Lò Hải Đăng	2021		MGB Đ2	Thái	Lò Thị Thiên	Bản Noong Bua, Xã Noong Hết, huyện Điện Biên	TB ĐBK	150.000	5	750.000
19	Lò Thị Thu Hà	2020		MGB Đ2	Thái	Lường Thị Hồng	Pá Khoang, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên	KV ĐBK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số: 212 /QĐ - UBND, ngày 10 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
TRƯỜNG MÀM NON XÃ NOONG LUỐNG											
1	Tòng Minh Anh		2019	MG Lớn A1	Thái	Lò Thị Biên	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
2	Quàng Mai Ka		2019	MG Lớn A1	Thái	Lò Thị Thanh Thảo	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
3	Tòng Bảo Minh		2019	MG Lớn A1	Thái	Lường Thị Phụng	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
4	Quàng Bảo Châu		2019	MG Lớn A1	Thái	Lò Thị Loan	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
5	Trần Việt Hoàng		2019	MG Lớn A1	Kinh	Lò Thị Tâm	Bản Lún	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
6	Lò An Như	2019		MG Lớn A1	Thái	Lò Văn Thanh	Bản Lún	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
7	Lò Anh Kiệt	2019		MG Lớn A1	Thái	Lò Văn Khương	Bản Co Nôm	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
8	Lò Bảo Long	2019		MG Lớn A1	Thái	Tòng Thị Trung Oanh	Bản Co Nôm	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
9	Quàng Bảo Châu	2019		MG Lớn A1	Thái	Quàng Văn Thánh	Bản Co Nôm	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
10	Lường Khánh Huyền		2019	MG Lớn A1	Thái	Lò Thị Duân	Bản Co Nôm	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
11	Lò Gia Linh	2019		MG Lớn A1	Thái	Lò Văn Hạnh	Huổi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
12	Nguyễn Thuỳ Dương		2019	MG Lớn A1	Kinh	Tòng Thị Duyên	Huổi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
13	Lò Minh Khôi		2019	MG Lớn A1	Thái	Lò Văn Khiên	Chiềng Tông-T Yên	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
14	Lò Tường Vy		2019	MG Lớn A1	Thái	Lò Văn Thiện	Huổi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
15	Lò Lương Khải An	2019		MG Lớn A1	Thái	Lường Thu Nguyên	Huổi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
16	Lường Nhật Thảo	2019		MG Lớn A1	Thái	Lò Thị Kim	Bản Lún	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
17	Lường Duy Thành	2019		MG Lớn A1	Thái	Lường Thị Hương	Bản Lún	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
18	Lò Văn Minh	2019		MG Lớn A1	Thái	Quảng Thị Giót	Noong Luống	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
19	Lò Anh Thư		2019	MG Lón A1	Thái	Lò Thị Phương	Huổi Phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
20	Tòng Kim Ngân		2019	MG Lón A1	Thái	Quảng Thị Thu	Bản Liếng	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
21	Lò Thị Khánh Huyền		2019	MG Lón A2	Thái	Lò Thị Ngọc	Bản Lún	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
22	Quảng Minh Thư		2019	MG Lón A2	Thái	Quảng Thị Thắm	Có Luống	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
23	Lò Hải Đăng	2019		MG Lón A2	Thái	Lò Văn Lâm	Huổi phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
24	Lò Minh Tuấn	2019		MG Lón A2	Thái	Tòng Thị Thùy	Huổi phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
25	Lò Anh Tuấn	2019		MG Lón A2	Thái	Lò Thị Ngương	Huổi phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
26	Tòng Việt Hoàng	2019		MG Lón A2	Thái	Tòng Văn Hưng	Huổi phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
27	Quảng Ngọc Bích		2019	MG Lón A2	Thái	Quảng Thị Phương	Bản Liếng	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
28	Quảng Hoa Hùng	2019		MG Lón A2	Thái	Tòng Văn Nội	Noong Luống	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
29	Cả Minh Dũng	2019		MG Lón A3	Thái	Lò Thị Ngân	Bản On	Bản DBKK	150.000	5	750.000
30	Lò Minh Thư		2019	MG Lón A3	Thái	Lò Văn Tiến	Bản On	Bản DBKK	150.000	5	750.000
31	Đào Thị Bảo Uyên	2019		MG Lón A3	Kinh	Đào Thị Thủy Linh	thôn A1	Khuyết Tật	150.000	5	750.000
32	Quảng Khánh Linh	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Lò Thị Hà	Bản Liếng	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
33	Lò Thị Ngọc Mai		2020	MG Nhỡ B1	Thái	Quảng Thị Thịnh	Bản Liếng	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
34	Quảng Nhật Anh	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Lò Thị Hà	Bản Liếng	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
35	Quảng Gia Bảo	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Cả Thị Cương	Bản Liếng	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
36	Đoàn Đại Nghĩa	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Nguyễn Thị Thuyết	Bản Liếng	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
37	Tòng Thị Thiên Mỹ		2020	MG Nhỡ B1	Thái	Tòng Thị Hồng	Bản Lún	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
38	Tòng Minh Quân	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Tòng Thị Thanh Loan	Bản Lún	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
39	Quảng Thanh Trúc		2020	MG Nhỡ B1	Thái	Lò Thị Dung	Bản Lún	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
40	Quảng Trọng Phú	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Quảng Văn Phong	Huổi Phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
41	Lò Chấn Phong	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Lò Văn Hiến	Huổi Phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
42	Tòng Thị Thanh Nga	2020	2020	MG Nhỡ B1	Thái	Tòng Văn Hường	Huồi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
43	Quảng Gia Huy	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Quảng Văn Cường	Huồi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
44	Lò Đức Cường	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Lò Thị Lợi	Thanh Chính	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
45	Lò An Chi		2020	MG Nhỡ B1	Thái	Lò Văn Sương	Thanh Chính	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
46	Lò Vũ Hải Bình	2020		MG Nhỡ B1	Thái	Vũ Thị Thủy	Phu Lương	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
47	Đặng Anh Minh	2020		MG Nhỡ B1	Kinh	Ngô Thị Dung	Bản On	ĐKKT-XHĐBKK,CN	150.000	5	750.000
48	Vương Quốc Bảo	2020		MG Nhỡ B1	Kinh	Đinh Thị Lạp	Thanh Chính	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
49	Tòng Bảo Sang		2020	MG Nhỡ B2	Thái	Cà Thị Quảng	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
50	Tòng Thị Huyền Diệu		2020	MG Nhỡ B2	Thái	Quảng Thị Xuân	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
51	Lò Thị Hương Ly	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Tòn Thị Trang	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
52	Quảng Ngọc Lan	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Quảng Văn Tuấn	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
53	Quảng Mạnh Hùng	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Tòng Thị Xuân	Bản Lún	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
54	Quảng An Nhiên		2020	MG Nhỡ B2	Thái	Lò Thị Lan	Bản Lún	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
55	Quảng Thị Tường Vy	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Lò Thị Miên	Bản Lún	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
56	Lò Thị Bảo Trâm	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Lương Thị Thinh	Bản Lún	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
57	Lương Bảo Ngọc	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Quảng Thị Phụng	Bản Lún	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
58	Lò Thiên Trúc	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Lò Thị Đông	Bản Lún	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
59	Lương Thị Minh Vân		2020	MG Nhỡ B2	Thái	Vị Thị Thư	Co Luống	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
60	Tòng Bảo Trâm	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Lò Thị Biên	Huồi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
61	Lò Đức Anh	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Lò Thị Lả	Thanh Chính	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
62	Quảng Thanh Nhân		2020	MG Nhỡ B2	Thái	Lò Thị Soán	Thanh Chính	ĐKKT-XHĐBKK,CN	150.000	5	750.000
63	Lương Thục Nhi	2020		MG Nhỡ B2	Lào	Lò Thị Dương	Co Nôm	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
64	Tòng Bảo Châu	2020		MG Nhỡ B2	Thái	Tòng Văn Chính	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
65	Quàng Minh Phúc	2021		MGG Noong Luông	Thái	Lò Thị Xuân	Thanh Chính	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
66	Lò Đăng Khánh Huyền		2020	Lớp MG Ghep A1	Thái	Đăng Kim Quân	Bản On	Bản DBKK	150.000	5	750.000
67	Lò Gia Huy	2020		Lớp MG Ghep A1	Thái	Lò Thị Phương	Bản On	Bản DBKK	150.000	5	750.000
68	Lò Gia Long	2020		Lớp MG Ghep A1	Thái	Cà Thị Nhung	Bản On	Bản DBKK	150.000	5	750.000
69	Lò Đức Nguyễn	2020		Lớp MG Ghep A1	Thái	Lường Thị Hoa	Bản On	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
70	Quàng Bảo Khang	2020		Lớp MG Ghep A1	Thái	Quàng Thị Thoa	Bản On	Bản DBKK	150.000	5	750.000
71	Lò Đỗ Thảo Anh	2020		Lớp MG Ghep A1	Thái	Lò Thị Hoan	Bản On	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
72	Tòng Thị Khánh Ngân		2021	Lớp MG Ghep A1	Thái	Lò Thị Hồng Tuyền	Bản On	Bản DBKK	150.000	5	750.000
73	Lò Minh Nhất	2021		Lớp MG Ghep A1	Thái	Lò Văn Tiến	Bản On	Bản DBKK	150.000	5	750.000
74	Nguyễn Duy Anh	2021		Lớp MG Ghep A1	Kinh	Nguyễn Thị Huê	thôn A1	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
75	Quàng Thị Khánh Vy	2021		Lớp MG Ghep A1	Thái	Quàng Văn Diện	Bản Bông	Bản DBKK	150.000	5	750.000
76	Lò Việt Anh	2021		Lớp MGB C1	Thái	Quàng Thị Hương	Huổi Phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
77	Nguyễn Quỳnh Như		2021	Lớp MGB C1	Kinh	Tòng Thị Thương	Huổi Phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
78	Lò Nhã Uyên		2021	Lớp MGB C1	Thái	Tòng Thị Tinh	Huổi Phúc	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
79	Quàng Minh Đức	2021		Lớp MGB C1	Thái	Quàng Thị Thắm	Co Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
80	Vì Chi Công	2021		Lớp MGB C1	Thái	Lò Thị Minh	Bản Liếng	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
81	Quàng Bảo Lộc	2021		Lớp MGB C1	Thái	Lò Thị Huyền	Bản Lún	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
82	Tòng Phương Huyền		2021	Lớp MGB C1	Thái	Lò Thị Minh	Bản Lún	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
83	Đinh Khôi Nguyễn	2021		Lớp MGB C1	Kinh	Nguyễn Thị Gấm	Thanh Chính	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
84	Tòng Lương Huy Hoàng	2021		Lớp MGB C1	Thái	Lường Thị Cường	bản Lún	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
85	Tòng Thị Ngọc Diệp		2021	Lớp MGB C1	Thái	Tòng Thị Thanh Loan	Bản Lún	ĐKKT-XHDBKK.CN	150.000	5	750.000
86	Trần Đức Anh	2021		Lớp MGB C1	Kinh	Lò Thị Dung	Luân Giới-ĐBD	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
87	Lương Minh Quang	2021		Lớp MGB C1	Thái	Cầm Thị Hưng	ản Hôn TT Mường Ả	ĐKKT-XHDBKK.HN	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
88	Đặng Minh Châu		2021	Lớp MGB C1	Kinh	Ngô thị Dung	Bản on	ĐKKT-XHĐBKK.CN	150.000	5	750.000
89	Lò Đức Phúc	2021		Lớp MGB C1	Thái	Lường Thị Lịch	Bản Huồi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
90	Lò Quốc Việt	2021		Lớp MGB C2	Thái	Lò Văn Linh	Co Nôm	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
91	Lò Huyền Tâm		2021	Lớp MGB C2	Thái	Tòng Thị Xiển	Co Nôm	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
92	Lường Tú Bảo	2021		Lớp MGB C2	Thái	Lường Thị Minh	Huồi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
93	Lò Đức Hoàng	2021		Lớp MGB C2	Thái	Lò Thị Thắm	Huồi Phúc	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
94	Lường Bảo Lâm	2021		Lớp MGB C2	Thái	Quảng Thị Hà	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
95	Quảng Thị Thu Trang		2021	Lớp MGB C2	Thái	Lò Thị Tường	Bản Liếng	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
96	Lò Lan Chi		2021	Lớp MGB C2	Thái	Lò Văn Hiền	Bản Nôm	Khuyết Tật	150.000	5	750.000
97	Nguyễn Đình Thế Hợp	2021		Lớp MGB C2	Kinh	Nguyễn Thị Lan	Bản Liếng	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 222.../QĐ - UBND, ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Noong Hẹt										36.000.000
1	Hà Thái Sơn	2019		MG Lớn A1	Kinh	Lò Thị Thuý Hà	Bản Bông- Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
2	Cà Thị Quỳnh Chi		2019	MG Lớn A1	Thái	Lương Thị Kim	Bản Bông- Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
3	Lò Minh Tuấn	2019		MG Lớn A1	Thái	Vì Thị Thường	Bản Noong Bua	TBĐBK	150.000	5	750.000
4	Bùi Ánh Linh		2019	MG Lớn A1	Kinh	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Xóm yển Mu-Xả Lạc Lương-Yên Thủy -Hòa Bình	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000
5	Trần Gia Huy	2019		MG Lớn A1	Kinh	Lò Thị Thu	Áng Cang, Mường Ảng	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000
6	Quảng Bảo Ngân	2019		MG Lớn A2	Thái	Quảng Văn Thường	Bản Noong Bua-Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
7	Lò Thị Ngọc Huyền		2019	MG Lớn A2	Thái	Bạc Thị Mai	Bản Bông- Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
8	Lò Lâm Huệ	2019		MG Lớn A2	Thái	Lò Thị Khuyên	Bản Bông- Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
9	Vì Bảo An	2019		MG Lớn A2	Thái	Vì Thị Nguyệt	Bản Noong Bua-Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
10	Cà Diễm Trúc		2019	MG Lớn A2	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Bông- Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
11	Lò Thị Thanh		2019	MG Lớn A3	Thái	Lò Văn lang	Bản Bông- Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
12	Hà Huy Bình	2019		MG Lớn A3	Kinh	Tòng Thị Xuân	Bản Noong Bua-Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
13	Đào Thiên Hương		2019	MG Lớn A3	Kinh	Lò Thị Chiến	Bản Bông- Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
14	Lò Thị Ngọc Bích		2019	MG Lớn A3	Thái	Lò Văn Chính	Bản Noong Bua-Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
15	Lường Minh Khôi	2019		MG Lớn A3	kinh	Lường Văn Kiên	Bản Noong Bua-Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
16	Cà Minh Khôi	2019		MG Lớn A3	Thái	Cà Văn Thân	Bản Bông- Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000
17	Cà Diệu Anh		2019	MG Lớn A3	Thái	Điêu Thị Thanh Huyền	Bản Bông- Noong Hẹt	TBĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
18	Quảng Thủy Chi		2019	MG Lớn A3	Kinh	Lò Thị Hà	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
19	Cà Đình Phong	2019		MG Lớn A3	Thái	Quảng Thị Thanh	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
20	Lò Thị Như Quỳnh		2019	MG Lớn A3	Thái	Lò Thị Hoa	Bản Chiềng Tông- xã Thanh yên	TBDBKK	150.000	5	750.000
21	Nguyễn Linh Châu	2019		MG Lớn A3	Kinh	Quảng Thị Nguyên	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
22	Lò Phước Minh	2019		MG Lớn A3	Thái	Khà Thị Lợi	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
23	Lò Ngọc Diệp		2020	MG nhỏ B1	Thái	Lò Văn Nam	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
24	Cà Bảo Bình	2020		MG nhỏ B1	Thái	Quảng Thị Yên	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
25	Lò Thị Bảo Hân		2020	MG nhỏ B1	Thái	Cà Thị Thùy Dung	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
26	Cà Khánh Vân		2020	MG nhỏ B1	Thái	Lương Thị Phiên	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
27	Lò Gia Bảo	2020		MG nhỏ B1	Thái	Lò Thị Phong	Bản Noong Bua- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
28	Doãn Thanh Tùng	2020		MG nhỏ B1	Kinh	Vũ Thị Thanh Hoàn	Pìn Hồ - Nặm Pỏ	TBDBKK	150.000	5	750.000
29	Trần Nhất Thiên Phú	2020		MG nhỏ B1	Kinh	Lò Thị Thắm	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
30	Nguyễn Đình Đức Duy	2020		MG nhỏ B1	Kinh	Cà Thị Hương	Thôn 1	Khuyết tật	150.000	5	750.000
31	Lò Quốc Bảo	2020		MG nhỏ B2	Mường	Lò Văn Ơi	Thanh An	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
32	Lương Trường An	2020		MG nhỏ B2	Thái	Lò Thị Nội	Bản Noong Bua	TBDBKK	150.000	5	750.000
33	Lò Thị hương May		2020	MG nhỏ B2	Thái	Lò Thị Mai	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
34	Cà Hải An	2020		MG nhỏ B2	Thái	Lò Thị Lả	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
35	Lò Ngọc Tuệ Lâm		2020	MG nhỏ B2	Thái	Lò Thị Diên	Bản Bông- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
36	Lò Đức Toàn	2020		MG nhỏ B2	Thái	Quảng Thị Hằng	Bản Noong Bua	TBDBKK	150.000	5	750.000
37	Quảng Đức Thuận	2021		Bé C1	Thái	Quảng Văn Chiến	Bản Noong Bua- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000
38	Lò Duy Khải	2021		Bé C1	Thái	Lò Văn Định	Bản Noong Bua- Noong Hết	TBDBKK	150.000	5	750.000



STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
39	Lò Đăng Quang	2021		Bé C1	Thái	Lò Văn Phong	Bản Nà cái- Nà tấu	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000
40	Lò Kim Ngân		2021	Bé C1	Thái	Lò Thị Vân	Bản Ban Sam Mưn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
41	Lò Minh Hải	2021		Bé C1	Thái	Lò Văn Kim	Bản Bông- Noong Hệt	TBĐBKK	150.000	5	750.000
42	Cà Quỳnh Anh		2021	Bé C2	Thái	Cà Văn Thân	Bản Bông- Noong Hệt	TBĐBKK	150.000	5	750.000
43	Đoàn Duy long	2021		Bé C2	Kinh	Lường Thị Phượng	Bản Noong Bua	TBĐBKK	150.000	5	750.000
44	Cà Thị Khánh Thị	2021		Bé C2	Thái	Cà Văn Thành	Bản Bông- Noong Hệt	TBĐBKK	150.000	5	750.000
45	Cà Gia Khánh	2021		Bé C2	Thái	Cà Văn Quyền	Bản Bông- Noong Hệt	TBĐBKK	150.000	5	750.000
46	Cà Minh Khang	2021		Bé C2	Thái	Cà Văn Thân	Bản Bông- Noong Hệt	TBĐBKK	150.000	5	750.000
47	Lò Tường Vy		2021	Bé C2	Thái	Lò Văn Tuấn	Bản Bông- Noong Hệt	TBĐBKK	150.000	5	750.000
48	Lò Minh Khôi	2021		Bé C2	Thái	Lò Văn Xiên	Bản Bông- Noong Hệt	TBĐBKK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2.12/QĐ - UBND, ngày 2.12.2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt										
1	Quảng Bảo Duy	2020		MGN A	Thái	Quảng Thị Thắm	Bản On -Noong Luống	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
2	Trần Nguyên Bảo Vương	2019		MGL B	Kinh	Trần Văn Tam	Bản On Noong Luống	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
3	Trần Đăng Khởi	2019		MGL B	Kinh	Nguyễn Thị Tường Vi	Tia Ghềnh C- ĐBĐ	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
4	Lê Đỗ Gia Khánh	2019		MGL B	Kinh	Đỗ Thị Thắm	Tia Ghềnh C- ĐBĐ	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
5	Lò Thùy Chi		2021	MGB B	Thái	Lò Thị Phúc	Bản co Nôm -NL	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
6	Lò Kim Oanh		2021	MGB B	Thái	Lò Thị Phái	Huổi Tráng II xã Tủa chùa	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
7	Phạm Công Chính		2021	MGB B	Kinh	Nguyễn Thị Thư	Bản Công Bình - Hẹ Muống	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
8	Trần Thị Ngân Hà		2019	MGL A	Kinh	Lò Thị Minh	Quải cang Tuần Giáo	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
9	Trần Anh Thu		2019	MGL A	Kinh	Trần Trung Hưng	Bản On Noong Luống	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
10	Trần Anh Thư		2019	MGL A	Kinh	Trần Trung Hưng	Bản On Noong Luống	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
11	Phương Ánh Dương		2019	MGL A	Mường	Phương Chí Hạc	Mường Đun -Tủa Chùa	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
12	Phạm Thùy Dương		2019	MGL A	Kinh	Đào Thị Hiền Lương	Nậm nèn -Mường Chà	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
13	Quảng Việt Hà		2019	MGL A	Thái	Quảng Văn Hạnh	Bản Noong Hẹt xã Noong Hẹt	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 944 /QĐ - UBND, ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Pom Lót										22.500.000
1	Trần Hà Vy		2020	MGN A1	Kinh	Vương Thị Tươi	Bản on- NL	ĐBKK	150.000	5	750.000
2	Hứa Vũ Như Quỳnh		2020	MGN A2	Nùng	Vũ Thị Hà	Bản Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
3	Nguyễn Khánh Quỳnh		2020	MGN2	Kinh	Nguyễn Tuấn Linh	Bản Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
4	Đỗ Kỳ Anh		2021	MG bé 1	Kinh	Ngô Thị Dung	Tia Ghềnh c -ĐBĐ	ĐBKK	150.000	5	750.000
5	Vì Thiên Ân	2021		MG bé 1	Thái	Vì Văn Tuấn	Bản Càng - Càng	ĐBKK	150.000	5	750.000
6	Lò Thị Triệu Vy		2020	Lớp lớn thanh Xuân	Thái	Lò Thị Vân	Bản Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
7	Nguyễn Nhật Nam	2019		MG Lớn A2	Lào	Lò Thị Hồng	Bản Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
8	Nguyễn Lâm Phong Vũ	2019		MG Lớn A3	Kinh	Nguyễn Quang Lâm	Thôn 3-Pom Lót	Khuyết tật	150.000	5	750.000
9	Cà Thị Bích Phượng		2021	MGB A2	Thái	Cà Văn Sơn	Co Pục -Hua Thanh	ĐBKK	150.000	5	750.000
10	Mua Minh Khang	2021		MGB A2	H mông	Mùa Thị Nhung	Mùn Chum -TG	ĐBKK	150.000	5	750.000
11	Lường Thị Nhã Uyên		2020	MGG Na Hai	Thái	Lò Thị Nhâm	Bản Na Hai	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
12	Nguyễn Minh Khoa	2021		MGG Na Hai	Kinh	Lò Thị Diên	Bản Na Hai	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
13	Lò Thanh Trà		2021	MGG Na Hai	Thái	Quảng Thị Thắm	Bản Na Hai	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
14	Lò Thị Như Quỳnh		2021	MGG Na Hai	Thái	Lò Thị Biên	Bản Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
15	Lù Linh San		2020	MGG Na Hai	Thái	Lò Thị Định	Bản Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
16	Quảng Thái Bảo	2019		MGG Na Hai	Thái	Quảng Thị Chang	Bản Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
17	Lò Thanh Mẫn		2019	MGG Na Hai	Thái	Lò Văn Thắng	Bản Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
18	Nguyễn Văn Như		2020	MGG Na Hai	Kinh	Vì Thị Hương Chanh	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
19	Lò Thị Hà Vy		2019	MGG Na Hai	Thái	Lò Thị Ánh	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
20	Lò Thị An Nhiên		2021	MGG Na Hai	Thái	Cà Thị Thúy	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
21	Cà Thị Khánh Ngân		2021	MGG Na Hai	Thái	Quảng Thị Dung	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
22	Lường Hồng Diệp		2019	MGG Na Hai	Thái	Lường Văn Toàn	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
23	Lò Thảo Nhi		2020	MGG Na Hai	Thái	Quảng Thị Nhung	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
24	Lò Thu Chi		2019	MGG Na Hai	Thái	Lò Thị Tươi	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
25	Quảng Gia Hân		2020	MGG Na Hai	Thái	Quảng Văn Trung	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
26	Lò Thị Bảo Trang		2019	MGG Na Hai	Thái	Lò Văn Hương	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
27	Lường Hải Nguyên	2021		MGG Na Hai	Thái	Lường Văn Lanh	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
28	Lò Gia Bảo			MGG Na Hai	Thái	Lò Văn Tâm	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000
29	Quảng Anh Thư		2020	MGG Pá Nậm	Thái	Quảng Thị Xuân	Bán Pom Lót	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
30	Cà Trí Anh	2021		MGG Pá Nậm	Thái	Cà Thị Tiên	Bán Na Hai	ĐBKK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 212/QĐ - UBND, ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Thanh Nưa										
1	Tòng Khải An	2019		MG lớn A	Thái	Ngần Thị Nguyệt Nga	Bản Lế Xôm - Quai Tờ - T Giáo	Xã KV3	150.000	5	750.000
2	Hà Nam Phong	2019		MG lớn A	Thái	Hà Văn Chiềng	Bản Xôm - Nà Tấu - TPĐBP	BĐBKK	150.000	5	750.000
3	Lò Thị Khánh Chi		2019	MG lớn B	Thái	Lường Thị Thủy	Bản Cháng - Quai tờ - TG	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
4	Cả Việt Anh	2019		MG lớn B	Thái	Lò Thị Mai Xinh	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	Xã KV3	150.000	5	750.000
5	Lường T Bảo Ngư		2019	MG lớn B	Thái	Lò Thị Chân	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
6	Lò Thị Thu Nhân		2019	MG lớn B	Thái	Lò Văn Hùng	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
7	Lò Ngọc Ánh Dương		2019	MG lớn B	Thái	Lò Văn Ôn	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
8	Lò Minh Khôi	2019		MG lớn B	Thái	Lò Thị Hiền	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
9	Lò Cẩm Diệp		2019	MG lớn B	Thái	Lò Thị Thảo	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
10	Lò Đức Phúc	2019		MG lớn B	Thái	Quảng Thị Diên	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
11	Vĩ An Na Trà My		2019	MG lớn B	Thái	Lò Thị Phong	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
12	Quảng Tuấn Du	2019		MG lớn B	Thái	Lò Thị Phương	Bản Giảng - Co ké- Thanh Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
13	Vĩ Quốc Việt	2019		MG lớn B	Kơ Mú	Vĩ Văn Vắn	Bản Nậm Ma-Pủ Hồng- ĐBĐ	BĐBKK	150.000	5	750.000
14	Lò Thanh Mai		2019	MG lớn B	Thái	Lò Thị Vi	Bản Xôm, xã Nà Tấu, TP.ĐBP	Xã KV3	150.000	5	750.000
15	Hà Khánh Vân		2020	MG nhỡ A	Thái	Hà Văn Chiềng	Bản Xôm, Nà Tấu, Tp.ĐBP	ĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
16	Lò Minh Khôi	2020		MG nhỡ B	Thái	Lò Thị Tên (Bà ngoại)	B mừng pòn 2.Mường pòn	BĐBKK	150.000	5	750.000
17	Lò Ngọc Linh		'2021	Bé TT	Thái	Quảng Thị Diên	Bán giảng, co ké - Xã T. Nưa	BĐBKK	150.000	5	750.000
18	Quảng Minh Trang		'2021	Bé TT	Thái	Quảng Thu Thảo	Bán Tân- Xã Hua Thanh	Xã KV3	150.000	5	750.000
19	Lò Ngọc Tuấn Vĩ	'2021		Bé TT	Thái	Lường Thị Tiên	Bán Bông Ban, Tuấn Giáo	Xã KV3	150.000	5	750.000
20	Lường Văn Hoàng	'2021		Bé TT	Thái	Quảng Thị Hồng	Bán Miến - Thanh Nưa	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
21	Lò Minh Huệ	2021		Bé TT	Khơ mú	Lò Thị Vĩ	Bán Năm Mía, Pủ Hồng ĐBĐ	Xã KV3	150.000	5	750.000
22	Lò Thanh Trúc	2021		MG bé HT	Thái	Lường Ngọc Ánh	Bán Mường Lạn, xã Mường Lạn, sốp cốp, Sơn La	Xã KV3	150.000	5	750.000
23	Phạm Chấn Hưng	2021		MG bé HT	Kinh	Lò Thị Hương	Bán Nà Hỳ, xã Nà Hỳ, Huyện Nậm Pồ, Điện Biên	Xã KV3	150.000	5	750.000
24	Vĩ Thị Ngọc Uyên	2020		Ghép NL	Thái	Vĩ Văn Thuận	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
25	Quảng T Khánh An	2020		Ghép NL	Thái	Lường Thị Thu	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
26	Quảng Phúc Hưng	2020		Ghép NL	Thái	Lò Thị Kiên	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
27	Lò Nhật Vương	2020		Ghép NL	Thái	Cầm Thị Hiền	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
28	Lò Đức Dương	2020		Ghép NL	Thái	Lường Thị Thêm	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
29	Lường Minh Thư		2020	Ghép NL	Thái	Lò Thị Mai	Bán Xóm - Xã Phu Luông	Xã KV3	150.000	5	750.000
30	Quảng Minh Khải	2021		Ghép NL	Thái	Quảng Thị Hồng	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
31	Cà Nhật Minh	2021		Ghép NL	Thái	Quảng Thị Yên	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
32	Lò Quỳnh Trang		2021	Ghép NL	Thái	Lý Thị Hắc	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
33	Vĩ Bích Trần Anh		2021	Ghép NL	Thái	Lò Thị Loan	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000
34	Lò Gia Hưng	2021		Ghép NL	Thái	Lò Thị Tiết	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	ĐBKK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2.192-/QĐ - UBND, ngày 20... tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường Mầm Non xã Sam Mứn											
1	Lò Duy Khánh	2019		MG Lớn TT	Thái	Lò Thị Nhuồi	Bản yên - Xã Sam Mứn	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
2	Phạm Tường Vi		2019	MG Lớn TT	Thái	Dương Thị Liên	Bản Cang - Xã Sam Mứn	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
3	Lò Hải Yên		2019	MG Lớn TT	Thái	Lường Thị Quyết	Bản Cang - Xã Sam Mứn	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
4	Lò Hùng Mạnh	2019		MG Lớn TT	Thái	Cà Thị Tiên	Bản Na Lao - Xã Sam Mứn	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
5	Lò Hoàng Bảo Tài	2019		MG Lớn TT	Thái	Lò Thị Thiên	Bản Cang - Xã Sam Mứn	Khuyết tật	150.000	5	750.000
6	Nguyễn Minh Quang	2016		MG Lớn TT	Kinh	Nguyễn Thị Huệ	Bản tia ghénh C xã Keo nôm H ĐB đồng	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
7	Lò Anh Quân	2020		MG Nhỡ TT	Thái	Lò Thị Chương	Bản Yên - Xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
8	Nguyễn Như Ngọc	2020		MG Nhỡ TT	Thái	Nguyễn Hoàng Long	Bản Cang - Xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
9	Lường Bảo Nam	2020		MG Nhỡ TT	Thái	Lò Thị Hương	Bản Na Lao - Xã Sam Mứn	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
10	Lò Thị Phương Oanh		2020	MG Nhỡ TT	Thái	Lò Văn Phong	Bản Na Lao - Xã Sam Mứn	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
11	Lò Thuý Kiều		2020	MG Nhỡ TT	Thái	Lò Thị Ợi	Bản Na Lao - Xã Sam Mứn	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
12	Quảng Minh Vũ		2020	MG Nhỡ TT	Thái	Lò Thị Vân	Bản Na Lao - Xã Sam Mứn	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
13	Quảng Thị Ngân Hà		2021	MG Bé TT	Thái	Lò Thị Nguyên	Bản Na Lao - Xã Sam Mứn	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
14	Lò Nhật Tùng	2021		MG Bé TT	Thái	Lò Thị Hoa	Bản Na Lao - Xã Sam Mứn	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
15	Lù Lê Khang	2021		MG Bé TT	Thái	Lù Thị Nhung	Bản Na Lao - Xã Sam Mứn	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
16	Mùi Đình Ngọc	2021		MG Bé TT	Mường	Mùi Văn Anh	Bản Na Lao - Xã Sam Mứn	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
17	Lò Gia Hưng	2021		MG Bé TT	Thái	Quảng Thị Tâm	B. Cỏi Bính - xã Ảng Cang- M.Ả	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
18	Lò Bảo Nam	2019		MG Lớn Long Quân	Thái	Vi Thị Tương	Bản Long Quân - xã Sam Mứn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
19	Quảng Bảo Hưng	2019		MG Lớn Long Quân	Thái	Quảng Thị Thủy	Bản tin tức A-xã Pủ Hồng- Huyện Điện Biên Đông	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
20	Vi Hoàng Nam	2019		MG Lớn Long Quân	Thái	Lò Thị Tắm	Bản Xi Cơ - Xã Keo Lôm - Huyện Điện Biên	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
21	Lò T. Nhã Uyên		2019	MG Lớn Long Quân	Thái	Lò Thị Giang	Bản Ban - xã Sam Mứn	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
22	Quảng Văn Vinh	2019		MG Lớn Long Quân	Hà Nhi	Khàng Go xứ	Xã Sen Thương - Huyện Mường Nhé - Tỉnh Điện Biên	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
23	Lò Ngọc Quý	2019		MG Lớn Long Quân	Hà Nhi	Khàng Khò Xỏ	Xã Sen Thương - Huyện Mường Nhé - Tỉnh Điện Biên	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
24	Lò Gia Bảo	2019		MG Lớn Long Quân	Thái	Quảng Thị Thông	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
25	Lò T. Thủy Linh	2019	2019	MG Lớn Long Quân	Thái	Lò Văn Quyết	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
26	Tòng T. Q. Hương	2019	2019	MG Lớn Long Quân	Thái	Tòng Thị Thảo Huyền	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
27	Lò Tuấn Anh	2020		MG Nhỡ A LQ	Thái	Quảng Thị Quyết	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
28	Lò Thị Ngọc Lan	2020	2020	MG Nhỡ A LQ	Thái	Lò Văn Quyết	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
29	Lường Thị Hà Vy	2020	2020	MG Nhỡ A LQ	Thái	Lường Văn Hồng	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
30	Lò Khánh Vân	2020	2020	MG Nhỡ A LQ	Thái	Lò Thị Nhân	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
31	Tòng Gia Bảo	2020		MG Nhỡ A LQ	Thái	Vị Thị Hơi	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
32	Tòng Trọng Khang	2020		MG Nhỡ B LQ	Thái	Tòng Văn Nghiên	Bản Long Bon - xã Sam Mùn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
33	Lò Hoàng Kim Nhi	2020	2020	MG Nhỡ B LQ	Thái	Lò Thị Thuông	Bản Hồng Sắt - xã Sam Mùn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
34	Cà Xuân Phúc	2020		MG Nhỡ B LQ	Thái	Cà Văn Tuyền	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
35	Lường Thái Thịnh	2020		MG Nhỡ B LQ	Thái	Lường Văn Chính	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
36	Lò An Na	2020	2020	MG Nhỡ B LQ	Thái	Lò Thị Tinh	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
37	Lò Thị Như Quỳnh	2020	2020	MG Nhỡ B LQ	Thái	Lò Thị Chính	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
38	Lò Văn Tinh	2020		MG Nhỡ B LQ	Thái	Lò Thị Hoà	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
39	Lò Xuân Thắng	2020		MG Nhỡ B LQ	Thái	Lò Thị Hồng Nhung	Bản Ban - xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
40	Lò Quang Hải	2021		MG Bé LQ	Thái	Lò Thị Hiền	Bản Long Bon - Xã Sam Mùn	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
41	Lò Minh Nhật	2021		MG Bé LQ	Thái	Lò Văn Thiết	Bản Long Bon - Xã Sam Mùn	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
42	Lò Nguyệt Cát	2021	2021	MG Bé LQ	Thái	Lường Thủy Thư	Bản la lải xã luồn dới-HEBD	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
43	Lò Yến Nhi	2021	2021	MG Bé LQ	Thái	Lò Thị Huyền	Huổi Pung - xã Thanh An	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
44	Lò Bảo An	2021		MG Bé LQ	Thái	Lò Thị Thi	Bản Ban - Xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
45	Lò Thị Ngọc Linh	2021		MG Bé LQ	Thái	Cà Thị Hà	Bản Ban - Xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
46	Quảng Đức Phúc	2021		MG Bé LQ	Thái	Lường Thị Mai	Bản Ban - Xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
47	Lò Ngọc Thủy	2021	2021	MG Bé LQ	Thái	Lường Thị Phong	Bản Ban - Xã Sam Mùn	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
48	Hoàng Thanh Trúc	2021	2021	MG Bé Đội 10	Thái	Hoàng Thế Hà	Bản Yên Cang 2 - xã Sam Mùn	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
49	Quảng Bảo Ngọc	2021	2021	MG Bé Đội 10	Thái	Quảng Văn Tùng	Bản Pung- xã Pung Bành- Sơn La	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số: 244/QĐ - UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Năm sinh									
		Nam	Nữ								
Trường MN xã Mường Pồn											
1	Tòng Ngọc Hân		2019	MGL Trung tâm	Thái	Lù Thị Chinh	Cò Chạy 2	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
2	Lò Thị Hà Phương		2019	MGL Trung tâm	Thái	Lù Thị Lại	Cò Chạy 2	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
3	Lò Lâm Sung	2019		MGL Trung tâm	Thái	Quảng Thị Thiên	Cò Chạy 2	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
4	Lù Phúc Thiện	2019		MGL Trung tâm	Thái	Lù Văn Tuấn	Cò Chạy 2	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
5	Tòng Uyên Trang		2019	MGL Trung tâm	Thái	Quảng Thị Hương	Cò Chạy 2	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
6	Quảng Thị Thu Trang		2019	MGL Trung tâm	Thái	Quảng Văn Hoàn	Cò Chạy 2	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
7	Lò Tuệ Mẫn		2019	MGL Trung tâm	Thái	Lương Thị Lan	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
8	Lò Thị Thu Ngân		2019	MGL Trung tâm	Thái	Lò Văn Thiên	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
9	Lù Bích Ngọc		2019	MGL Trung tâm	Thái	Lò Thị Phương	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
10	Lò Phan Việt Trung	2019		MGL Trung tâm	Thái	Lò Thị Ánh	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
11	Quảng Thu Phương		2019	MGL Trung tâm	Thái	Quảng Văn Huân	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
12	Vì Thị Thanh Trà		2019	MGL Trung tâm	Thái	Vì Văn Ngươn	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
13	Vì Thị Thanh Trúc		2019	MGL Trung tâm	Thái	Vì Văn Ngươn	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
14	Quảng Duy Phúc	2019		MGL Trung tâm	Thái	Vũ Thị Thủy	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
15	Quảng Anh Đức	2019		MGL Trung tâm	Thái	Vũ Thị Thủy	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
16	Lương Thị Huyền		2019	MGL Trung tâm	Thái	Lò Thị Lả	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
17	Lương Thanh Mỹ		2019	MGL Trung tâm	Thái	Lò Thị Nghiên	Cò Chạy 1	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	756.000
18	Bùi Đức Anh	2020		MGG trung tâm	Thái	Vì Thị Hoa	Cò Chạy 1	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
19	Vì Ngọc Lan		2020	MGG trung tâm	Thái	Vì Văn Long	Cò Chạy 1	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
20	Lù Thị Kim Thu		2020	MGG trung tâm	Thái	Lù Văn Lún	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
21	Lò Hữu Thiên Ân		2020	MGG trung tâm	Thái	Quảng Thị Kim Loan	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
22	Lương Bảo Cúc		2020	MGG trung tâm	Thái	Cà Thị Thương	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
23	Lù Việt Dũng		2020	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Hồng	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
24	Quảng Thị Hương Ly		2020	MGG trung tâm	Thái	Lù Thị Duyên	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
25	Lù Thị Thảo Nguyễn		2020	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Thuý	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
26	Lò Phúc Thắng		2020	MGG trung tâm	Thái	Quảng Thị Hà	Cò chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
27	Lò Minh Đức		2020	MGG trung tâm	Thái	Lò Văn Thắng	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
28	Lò Quốc Đạt		2020	MGG trung tâm	Thái	Lù Thị Hà	Cò Nôm - Neong Luống	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
29	Lù Hữu Bằng		2021	MGG trung tâm	Thái	Lù Văn Chính	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
30	Lò Anh Chun		2021	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Tiến	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
31	Lò Hoàng Dương		2021	MGG trung tâm	Thái	Lù Thị Yến	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
32	Quảng Đức Duy		2021	MGG trung tâm	Thái	Quảng Văn Dũng	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
33	Lò Thị Như Ngọc		2021	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Lanh	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
34	Lò Minh Anh		2021	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Xuân	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
35	Lò Anh Dũng		2021	MGG trung tâm	Thái	Lù Thị Lại	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
36	Lò Anh Thu		2021	MGG trung tâm	Thái	Lù Thị Lại	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
37	Lương Nhật Hà		2021	MGG trung tâm	Thái	Lù Thị Định	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
38	Lương Gia Huy		2021	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Lan	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
39	Lò Việt Long		2021	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Tiếp	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
40	Lò Tuệ Nhi		2021	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Ngân	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
41	Lù Huy Hoàng		2021	MGG trung tâm	Thái	Lù Văn Chính	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
42	Lò Thị Ánh Tuyết		2021	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Phương	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
43	Lù Anh Phúc		2021	MGG trung tâm	Thái	Lù Văn Thanh	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
44	Lò Hiếu Hào	2019		MGL Mường Pồn	Thái	Lò Thị Phương	Mường Pồn 2	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
45	Lò Thị Ngọc Huệ		2019	MGL Mường Pồn	Thái	Chui Thị Hoa	Mường Pồn 2	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
46	Lò Đăng Khoa	2019		MGL Mường Pồn	Thái	Lò Văn Phan	Mường Pồn 2	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
47	Lù Thị Thủy Mỹ		2019	MGL Mường Pồn	Thái	Lù Thị Đào	Mường Pồn 2	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
48	Cà Thị Thủy Ngọc		2019	MGL Mường Pồn	Thái	Lò Thị Mai	Mường Pồn 2	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
49	Lý Thị Linh Nhi		2019	MGL Mường Pồn	Thái	Lý Văn Du	Mường Pồn 1	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
50	Cà Công Vinh	2019		MGL Mường Pồn	Thái	Cà Thị Thanh	Mường Pồn 1	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
51	Lò Hiếu Hào	2019		MGL Mường Pồn	Thái	Lò Thị Hải	Mường Pồn 1	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
52	Quảng Gia Tuệ Lâm		2019	MGL Mường Pồn	Thái	Quảng Văn Ngưu	Mường Pồn 1	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
53	Khoảng Văn Hiệu	2019		MGL Mường Pồn	Thái	Lương Thị Lan	Mường Pồn 1	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
54	Lương Đức Nhân	2019		MGL Mường Pồn	Thái	Lương Văn Thanh	Mường Pồn 2	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
55	Lò Anh Tuấn	2019		MGL Mường Pồn	Thái	Lò Văn Hương	Mường Pồn 2	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
56	Quảng Bích Chi		2019	MGL Mường Pồn	Thái	Quảng Văn Huân	Mường Pồn 1	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
57	Quảng Bảo Ngọc		2019	MGL Mường Pồn	Thái	Quảng Văn Kiên	Mường Pồn 1	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
58	Quảng Bảo Lộc	2019		MGL Mường Pồn	Thái	Quảng Văn Thương	Mường Pồn 1	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
59	Lò Diễm Quỳnh		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Lò Văn Thịnh	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
60	Quảng Bảo Lâm	2020		MGN Mường Pồn	Thái	Quảng Văn Hoàn	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
61	Lương Thị Thanh Tuyền		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Lương Văn Huân	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
62	Lương Khánh Linh		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Lương Thị Kim	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
63	Quảng Thị Bảo Ngọc		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Quảng Văn Thu	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
64	Lò Duy Khanh	2020		MGN Mường Pồn	Thái	Lò Văn Xuân	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
65	Quảng Nguyên Khang	2020		MGN Mường Pồn	Thái	Cà Thị Biên	Mường Pồn 1	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
66	Lò Hồ Sung	2020		MGN Mường Pồn	Thái	Lò Văn Tiến	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
67	Lù Minh Châu		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Lù Văn Bình	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng thưởng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
68	Quảng Phương Thùy		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Quảng Văn Hương	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
69	Lù Thị Diệu Anh		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Lù Thị Hiền	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
70	Lương Gia Hoàng	2020		MGN Mường Pồn	Thái	Lương Văn Phúc	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
71	Lò Ngọc Anh		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Lò Văn Lân	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
72	Lương Vì Văn Chi		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Lương Văn Thùy	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
73	Lò Anh Mạnh	2020		MGN Mường Pồn	Thái	Lò Văn Hồng	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
74	Lù Lan Hương		2020	MGN Mường Pồn	Thái	Lù Văn Tâm	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
75	Quảng Thái Thành	2020		MGN Mường Pồn	Thái	Quảng Thị Khương	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
76	Hà Đức Phúc	2020		MGN Mường Pồn	Thái	Lò Thị Út Thùy	Cò Chay 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
77	Lò Nam Cung	2021		MGB Mường Pồn	Thái	Lò Thị Xuân	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
78	Cao Việt Anh	2021		MGB Mường Pồn	Thái	Quảng Thị Thơm	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
79	Lò Thị Thanh Nga		2021	MGB Mường Pồn	Thái	Lò Thị Oí	Mường Pồn 1	Hộ nghèo ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
80	Vị Quỳnh Chi		2021	MGB Mường Pồn	Thái	Lương Thị Nguyên	Mường Pồn 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
81	Cà Thị Ngọc Danh		2021	MGB Mường Pồn	Thái	Lương Thị Hoa	Mường Pồn 1	Hộ nghèo ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
82	Lò Khánh Huy	2021		MGB Mường Pồn	Thái	Lò Văn Phương	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
83	Lù Bảo Long	2021		MGB Mường Pồn	Thái	Lù Văn Đức	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
84	Lò Thị Minh Anh		2021	MGB Mường Pồn	Thái	Lò Thị Toan	Cò Chay 1	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
85	Lò Hải Đăng	2021		MGB Mường Pồn	Thái	Nguyễn Thị Thảo	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
86	Bùi Ngọc Minh Khánh	2021		MGB Mường Pồn	Kinh	Quảng Thị Thu Huệ	Mường Pồn 2	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
87	Lầu Thị Ngọc Tuyết		2019	MGG Đình Đèo	H'Mông	Lầu A Chai	Bản Đình Đèo	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
88	Và Thị Xuân		2019	MGG Đình Đèo	H'Mông	Và A Phía	Bản Đình Đèo	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
89	Ly Thị Thảo Phương		2019	MGG Đình Đèo	H'Mông	Ly A Minh	Nậm Ty - Hua Thanh	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
90	Ly Hải Nam	2019		MGG Đình Đèo	H'Mông	Mùa Thị May	Nậm Ty - Hua Thanh	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
91	Sùng Minh Quý	2019		MGG Đình Đèo	H'Mông	Hờ Thị Chứ	Nậm Ty - Hua Thanh	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000



STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
92	Lâu Thị Bảo Ngân		2020	MGG Đình Đèo	H'Mông	Lâu A Hù	Bán Đình Đèo	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
93	Giảng Thị Sùng		2020	MGG Đình Đèo	H'Mông	Giảng A Hồng	Bán Đình Đèo	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
94	Sùng Minh Đức	2020		MGG Đình Đèo	H'Mông	Sùng A Tính	Nậm Ty - Hua Thanh	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
95	Sùng Nghi Lâm		2020	MGG Đình Đèo	H'Mông	Mùa Thị Vá	Nậm Ty - Hua Thanh	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
96	Sùng Mạnh Quân	2020		MGG Đình Đèo	H'Mông	Sùng A Tủa	Bán Đình Đèo	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
97	Giảng A Nam	2020		MGG Đình Đèo	H'Mông	Giảng Thị Ly	Cột Mốc - Sơn La	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
98	Giảng A Bảo	2021		MGG Đình Đèo	H'Mông	Giảng A Hồng	Bán Đình Đèo	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
99	Hờ Thành Công	2021		MGG Đình Đèo	H'Mông	Chá Thị Dợ	Bán Đình Đèo	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
100	Lầu Anh Vỡ	2021		MGG Đình Đèo	H'Mông	Lầu A Xỏ	Bán Đình Đèo	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
101	Ly Thị Tuệ Nhi		2021	MGG Đình Đèo	H'Mông	Mùa Thị May	Nậm Ty - Hua Thanh	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
102	Sùng Thị Nguyệt Ánh		2021	MGG Đình Đèo	H'Mông	Sùng A Tính	Nậm Ty - Hua Thanh	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
103	Ly Thị Trang		2021	MGG Đình Đèo	H'Mông	Ly A Minh	Nậm Ty - Hua Thanh	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
104	Hờ Gia Bảo	2019		MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Hù	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
105	Hờ Thùy Trang		2019	MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Dợ	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
106	Hờ Thị Phương Tấu		2019	MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Chá	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
107	Hờ Thị Dung Nhi		2019	MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Tháy	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
108	Hờ Thái Sơn	2019		MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Măng	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
109	Hờ A Long	2019		MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Nại	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
110	Hờ Thị Lan		2019	MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Lầu	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
111	Hờ Thị Pỏ		2019	MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Dợ	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
112	Hờ A Chừa	2019		MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ Sua Vừ	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
113	Hờ Thị Phương Trinh		2019	MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Chay	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
114	Hờ A Dành	2019		MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Tráng	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
115	Hờ A Vừ	2019		MGG Pá Chá	H'Mông	Hờ A Chu	Bán Pá Chá	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
116	Ly A Cống	2019		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ Thị Cánh	Bản Pá Chá	Trẻ 5T-DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
117	Hồ Thị Nhung		2020	MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Lầu	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
118	Hồ Thị Thu Phương		2020	MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Vàng	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
119	Hồ Nam Quân	2020		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Tháy	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
120	Hồ A Sênh	2020		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ Thị Mo	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
121	Hồ A Vàng	2020		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Sừ	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
122	Hồ A Đăng	2020		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Cờ	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
123	Hồ Thị Nhi		2020	MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Chia	Bản Pá Chá	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
124	Vàng A Tá	2020		MGG Pá Chá	H'Mông	Vàng A Sừ	Bản Pá Chá	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
125	Hồ A Hương	2021		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Dơ	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
126	Hồ Thị Thu Hương		2021	MGG Pá Chá	H'Mông	Giảng Thị Máy	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
127	Hồ Thị Mỹ		2021	MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Chua	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
128	Hồ Bách Sơn	2021		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Quý	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
129	Hồ A Sùa	2021		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Chau	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
130	Hồ Đắc Thành	2021		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Hừ	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
131	Hồ A Tiến	2021		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Kỳ	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
132	Hồ Linh Chi		2021	MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Măng	Bản Pá Chá	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
133	Hồ Thị Ngọc Yến		2021	MGG Pá Chá	H'Mông	Hạng Thị Dầu	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
134	Hồ Văn Khánh	2021		MGG Pá Chá	H'Mông	Sùng Thị Trang	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
135	Vàng A Thu	2021		MGG Pá Chá	H'Mông	Vàng A Giảng	Bản Pá Chá	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
136	Hồ Mạnh Duy	2021		MGG Pá Chá	H'Mông	Hồ A Chu	Bản Pá Chá	DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
137	Giảng Thị Ngọc Văn		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Giảng A Minh	Bản Huổi Un	Trẻ 5T-DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
138	Sẻ Làn Dia	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Sẻ A Cửa	Bản Huổi Un	Trẻ 5T-DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
139	Lầu Thị Dung		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Lầu A Lénh	Bản Huổi Un	Trẻ 5T-DKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
140	Chá Thị Giang		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Chá A Bì	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
141	Giàng A Hải	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng A Chớ	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
142	Giàng Thị Ngọc Hương		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng A Dững	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
143	Giàng Thị Khoa		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng Thị Tinh	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
144	Chá Thị Thiên May		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Chá A Tùng	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
145	Giàng Thị Mo		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng A Chá	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
146	Giàng Thị Nủ		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng A Tú	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
147	Chá Thị Oanh		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Chá A Dĩa	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
148	Giàng Ly Phổng	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng A Lầu	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
149	Giàng A Phong	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng A Chia	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
150	Chá A Sy	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Chá A Chur	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
151	Giàng Đúc Thị	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng A Cá	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
152	Chá A Tỷ	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Chá A Minh	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
153	Lý A Đa	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Lý A Kâu	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
154	Giàng Thị Ví		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng Thị Dũa	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
155	Sẻ A Viên	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Sẻ A Chá	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
156	Chá Thị Thanh Xuân		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Chá A Thắng	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
157	Giàng A Chơ	2019		MGL Huổi Un	H'Mông	Vả Thị Cho	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
158	Chá Thị Ánh Thơ		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Chá A Sáy	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
159	Giàng Thị Ánh Thơ		2019	MGL Huổi Un	H'Mông	Giàng A Dĩa	Bán Huổi Un	Trẻ 5T-ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
160	Lầu Linh Đan		2020	MGN Huổi Un	H'Mông	Lầu A Thanh	Bán Huổi un	ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
161	Chá Thị Nguyệt Nhi		2020	MGN Huổi Un	H'Mông	Chá A Lầu	Bán Huổi un	ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
162	Giàng A Thỉnh	2020		MGN Huổi Un	H'Mông	Giàng A Dũa	Bán Huổi un	ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
163	Giàng A Mua	2020		MGN Huổi Un	H'Mông	Vàng Thị Dung	Bán Huổi un	ĐKKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ, Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
164	Lầu A Toán	2020		MGN Huỗi Un	H'Mông	Lầu A Minh	Bản Huỗi un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
165	Sẻ A Cống	2020		MGN Huỗi Un	H'Mông	Chá A Chur	Bản Huỗi un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
166	Chá A Vanh	2020		MGN Huỗi Un	H'Mông	Chá A Páo	Bản Huỗi un	HỘ NGHÈO	150.000	5	750.000
167	Giàng Kim Yên		2020	MGN Huỗi Un	H'Mông	Giàng A Dế	Bản Huỗi un	HỘ NGHÈO	150.000	5	750.000
168	Chá Thị Dừa		2020	MGN Huỗi Un	H'Mông	Chá A Chur	Bản Huỗi un	HỘ NGHÈO	150.000	5	750.000
169	Giàng Thị Nhi		2020	MGN Huỗi Un	H'Mông	Giàng A Sỏ	Bản Huỗi un	HỘ NGHÈO	150.000	5	750.000
170	Lầu Thị Thoa		2020	MGN Huỗi Un	H'Mông	Lầu A Mạnh	Bản Huỗi un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
171	Chá A Tiến	2020		MGN Huỗi Un	H'Mông	Chá A Lồng	Bản Huỗi un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
172	Chá Thị Kiều Phương		2020	MGN Huỗi Un	H'Mông	Chá A Sừ	Bản Huỗi un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
173	Giàng Thị Di		2020	MGN Huỗi Un	H'Mông	Giàng A Chá	Bản Huỗi un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
174	Giàng Chu Đức	2020		MGN Huỗi Un	H'Mông	Giàng A Cờ	Bản Huỗi un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
175	Giàng A Hoàn	2021		MGB Huỗi Un	H'Mông	Giàng A Dưa	Bản Huỗi Un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
176	Chá Thị Thom		2021	MGB Huỗi Un	H'Mông	Chá A Tháng	Bản Huỗi Un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
177	Chá Thị Nhân Tuyết		2021	MGB Huỗi Un	H'Mông	Chá A Pỏ	Bản Huỗi Un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
178	Lý Súa Di		2021	MGB Huỗi Un	H'Mông	Lý A Kâu	Bản Huỗi Un	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
179	Giàng A Say	2021		MGB Huỗi Un	H'Mông	Giàng A Minh	Bản Huỗi Un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
180	Sẻ A Tuấn	2021		MGB Huỗi Un	H'Mông	Sẻ A Dĩa	Bản Huỗi Un	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
181	Chá Thị Chi		2021	MGB Huỗi Un	H'Mông	Chá A Gấu	Bản Huỗi Un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
182	Chá Chi Kiên	2021		MGB Huỗi Un	H'Mông	Chá A Sai	Bản Huỗi Un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
183	Giàng Thị Linh Nhi		2021	MGB Huỗi Un	H'Mông	Sùng Thị Dinh	Bản Huỗi Un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
184	Chá Thị Vân		2021	MGB Huỗi Un	H'Mông	Chá A Bi	Bản Huỗi Un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
185	Chá Ngọc Loan		2021	MGB Huỗi Un	H'Mông	Chá A Day	Bản Huỗi Un	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
186	Chá Thị Nhung		2021	MGB Huỗi Un	H'Mông	Chá Thị Bàu	Bản Huỗi Un	ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
187	Giàng Thị Mai Ong		2021	MGB Huỗi Un	H'Mông	Giàng A Tớ	Bản Huỗi Un	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
188	Giàng Thị Nhi		2021	MGB Huổi Un	H'Mông	Giàng A Khua	Bản Huổi Un	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
189	Lầu Thiên An	2021		MGB Huổi Un	H'Mông	Lầu A Cường	Bản Huổi Un	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
190	Giàng A Thư	2021		MGB Huổi Un	H'Mông	Vàng Thị Dung	Bản Huổi Un	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
191	Giàng A Phong	2021		MGB Huổi Un	H'Mông	Giàng A Phái	Bản Huổi Un	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
192	Lầu Thị Như		2021	MGB Huổi Un	H'Mông	Lầu A Lénh	Bản Huổi Un	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
193	Giàng Quang Khải	2021		MGB Huổi Un	H'Mông	Giàng A Dĩa	Bản Huổi Un	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
194	Giàng Trà My		2021	MGB Huổi Un	H'Mông	Giàng Thị Dá	Nậm Nhùn - Lai châu	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 222/QĐ - UBND, ngày 20. tháng 2 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
	Trường MN số 2 xã Mường Pồn										
1	Lò Thị Nhã Uyên		2019	MG lớn trung tâm	Thái	Lò Thị Thương	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
2	Lò Thu Huyền		2019	MG lớn trung tâm	Thái	Quảng Thị Hạnh	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
3	Lường Thu Trang		2019	MG lớn trung tâm	Thái	Quảng Thị Hoan	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Khuyết tật+Hộ nghèo	150.000	5	750.000
4	Lò Duy Duyệt	2019		MG lớn trung tâm	Khơ Mú	Lò Văn Xóm	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
5	Lò Xuân Trạm	2019		MG lớn trung tâm	Khơ Mú	Lò Văn Sê	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
6	Lò Hải Đăng	2019		MG lớn trung tâm	Khơ Mú	Lò Văn Lâm	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
7	Quảng Thị Đào		2019	MG lớn trung tâm	Khơ Mú	Quảng Thị Chơi	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
8	Cà Thành Minh	2019		MG lớn trung tâm	Thái	Cà Văn Thành	Bản Huổi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
9	Lò Hải An	2019		MG lớn trung tâm	Thái	Lò Thị Hương	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
10	Lò Phi Hùng	2019		MG lớn trung tâm	Thái	Lò Thị Hồng Linh	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
11	Quảng Long Tường	2019		MG lớn trung tâm	Thái	Lò Thị Lanh	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
12	Lường Gia Hưng	2019		MG lớn trung tâm	Thái	Lường Văn Bắc	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
13	Lò Thị Linh Sơn		2019	MG lớn trung tâm	Thái	Lò Thị Thơ	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
14	Lò Anh Đức	2019		MG lớn trung tâm	Khơ Mú	Lò Thị Luyến	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
15	Lò Văn Lâm	2019		MG lớn trung tâm	Khơ Mú	Lò Thị Cảnh	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
16	Nguyễn Hà Linh		2019	MG lớn trung tâm	Thái	Lò Thị Thoại	Bản Mường Pồn - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
17	Lò Thị Trâm Anh		2019	MG lớn trung tâm	Thái	Lò Văn Điện	Bản Mường Pồn - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
18	Lò Gia Hưng	2019		MG lớn trung tâm	Thái	Lò Thị Cúc	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
19	Vàng Thị Gấu		2019	MG lớn trung tâm	Mông	Vàng A Phòng	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
20	Giảng Thị Xi		2019	MG lớn trung tâm	Mông	Giảng A Lầu	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBKK	150.000	5	750.000
21	Lò Hải Đăng	2019		MG lớn Huổi Chan 1	Khơ Mú	Lò Thị Huệ	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tạng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
22	Quàng Văn Phong	2019		MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Quàng Thị Doan	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
23	Lò Văn Chiến	2019		MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Lò Văn Nhện	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
24	Lò Thanh Thu		2019	MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Lò Văn Quyết	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
25	Lò Minh Đức	2019		MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Lò Thị Nhung	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
26	Lò Thị Ngọc Yến		2019	MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Lò Thị Khiêm	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
27	Quàng Bảo An	2019		MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Quàng Thị Viên	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
28	Quàng Thị Thảo Bổng		2019	MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Quàng Thị Viên	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
29	Quàng Khôi Phúc	2019		MG lớn Huổi Chan1	Thái	Quàng Văn Thân	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
30	Lý Thị Bích		2019	MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Lý Thị Chuyền	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
31	Lý Văn Dũng	2019		MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Lý Văn Dương	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
32	Cà Ngọc Diệp		2019	MG lớn Huổi Chan1	Thái	Cà Thị Nga	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
33	Lê Công Vinh	2019		MG lớn Huổi Chan1	Kinh	Cà Thị Thiên	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
34	Cà Hải Đăng	2019		MG lớn Huổi Chan1	Thái	Quàng Thị Loan	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
35	Lò Mỹ Lệ		2019	MG lớn Huổi Chan1	Thái	Lý Thị Là	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
36	Lò Thị Hân		2019	MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Lò Thị Nàng	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
37	Lò Như Quỳnh		2019	MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Quàng Thị Bua	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
38	Lý Tuyết Nhung		2019	MG lớn Huổi Chan1	Kho Mú	Lý Thị Biên	Bản Huổi Chan 1 xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
39	Lù Minh Khang	2020		MG ghép trung tâm	Thái	Quàng Thị Diễm	Bản Linh - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
40	Lù Minh Duy	2020		MG ghép trung tâm	Thái	Quàng Thị Cương	Bản Linh - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
41	Lù Thị Thanh Nhân		2020	MG ghép trung tâm	Thái	Lù Văn Hiến	Bản Linh - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
42	Lường Tuấn Khải	2020		MG ghép trung tâm	Thái	Vì Thị Ngân	Bản Linh - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
43	Quàng Ngọc Bảo	2020		MG ghép trung tâm	Thái	Lù Thị Bình	Bản Linh - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
44	Quàng Thị Thùy Linh		2020	MG ghép trung tâm	Kho Mú	Quàng Thị Y	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
45	Lò Minh Vương	2020		MG ghép trung tâm	Kho Mú	Lò Văn Thịnh	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
46	Quàng Minh Khang	2020		MG ghép trung tâm	Kho Mú	Quàng Thị Tuyền	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
47	Lường Duy Thành	2020		MG ghép trung tâm	Kho Mú	Quàng Thị Thu	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
48	Lò Thị Thảo	2020		MG ghép trung tâm	Khơ Mú	Lò Thị Viên	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
49	Lò Văn Tứ	2020		MG ghép trung tâm	Khơ Mú	Lò Văn Hoàn	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
50	Lò Phúc Hưng	2021		MG ghép trung tâm	Thái	Lò Thị Thơ	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
51	Quảng Thị Trương Tuyền		2021	MG ghép trung tâm	Thái	Quảng Thị Loan	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
52	Lò Thanh Tùng		2021	MG ghép trung tâm	Thái	Lò Thị Cương	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
53	Lường Thị Thảo Vy		2021	MG ghép trung tâm	Thái	Lường Văn Đông	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
54	Lò Minh Hoàng		2021	MG ghép trung tâm	Thái	Lò Thị Hằng	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
55	Khoảng Hiệu Dũng		2021	MG ghép trung tâm	Thái	Lò Thị Vân	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
56	Lường Đức Phúc		2021	MG ghép trung tâm	Thái	Lường Văn Diên	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
57	Lò Đức Thiện		2021	MG ghép trung tâm	Khơ Mú	Lò Văn Diệp	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
58	Lò Thị Kiều Trang		2021	MG ghép trung tâm	Khơ Mú	Lò Văn Thịnh	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
59	Quảng Bảo Thiên		2021	MG ghép trung tâm	Khơ Mú	Lò Thị Minh	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
60	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		2021	MG ghép trung tâm	Kinh	Nguyễn Văn Thắng	Bản Tin Tộc - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
61	Cà Khang Việt		2021	MG ghép trung tâm	Thái	Cà Văn Thi	Bản Mường Pồn 1 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
62	Quảng Thị Minh Thúy		2021	MG ghép trung tâm	Thái	Lò Thị Mai	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
63	Lò Hương Giang		2021	MG ghép trung tâm	Thái	Lò Văn Quyết	Bản Co Chạy - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
64	Sùng A Chính		2020	MG ghép trung tâm	Mông	Sùng A Súa	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
65	Giảng A Vang		2020	MG ghép trung tâm	Mông	Giảng A Páo	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
66	Sùng A Phòng		2020	MG ghép trung tâm	Mông	Sùng A Lạ	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
67	Sùng A Sý		2020	MG ghép trung tâm	Mông	Sùng A Tổng	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
68	Sùng A Minh		2021	MG ghép trung tâm	Mông	Sùng A Dia	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
69	Cháng A Lù		2021	MG ghép trung tâm	Mông	Cháng A Thương	Bản Lĩnh - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	4	600.000
70	Lò Văn Hưng		2020	MG ghép Huồi Chan 1	Khơ Mú	Lò Thị Chính	Bản Huồi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
71	Quảng Thanh Thư		2020	MG ghép Huồi Chan 1	Khơ Mú	Quảng Văn Mai	Bản Huồi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
72	Lò Thanh Vương		2020	MG ghép Huồi Chan 1	Khơ Mú	Lò Văn Mậu	Bản Huồi Chan 1 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
73	Lò Minh Tuấn		2020	MG ghép Huồi Chan 1	Khơ Mú	Lò Văn Xiên	Bản Huồi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng) *
		Nam	Nữ								
74	Cà Duy Thành	2020		MG ghép Huỗi Chan 1	Thái	Cà Văn Cương	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
75	Quàng Thị Thảo Uyên		2020	MG ghép Huỗi Chan 1	Thái	Lò Thị Minh	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
76	Quàng Hà Vy		2021	MG ghép Huỗi Chan 1	Kho Mú	Cà Thị Là	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
77	Cà Trâm Anh		2021	MG ghép Huỗi Chan 1	Thái	Lò Thị Văn	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
78	Lò Thị Phương Anh		2021	MG ghép Huỗi Chan 1	Thái	Lò Thị Xiên	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
79	Lò Quang Hải	2021		MG ghép Huỗi Chan 1	Kho Mú	Lò Văn Nhện	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
80	Lý Thị Thủy Duyên		2021	MG ghép Huỗi Chan 1	Kho Mú	Lý Văn Doi	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
81	Lường Hạo Nguyên	2021		MG ghép Huỗi Chan 1	Thái	Lường Văn Tinh	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
82	Lò Thị Ngọc Ánh		2021	MG ghép Huỗi Chan 1	Kho Mú	Lý Thị Là	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
83	Cà Anh Tú	2021		MG ghép Huỗi Chan 1	Thái	Quàng Thị Loan	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
84	Lò Thị Thu Trang		2021	MG ghép Huỗi Chan 1	Kho Mú	Lò Thị Chính	Bản Huỗi Chan 1 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
85	Chá Thị Gầu Kía		2019	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Là	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
86	Chá A Sà	2019		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Cầu	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
87	Vàng A Đúc	2019		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Phòng	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
88	Chá Thị Ê Ly		2019	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Dúng	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
89	Vàng Hồng Ân	2019		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Cầu	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
90	Chá Thị Ny		2019	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Tềng	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
91	Vàng Thị Ly La		2019	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Há	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
92	Vàng A Dế	2019		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Lừ	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
93	Hờ A Chá	2019		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Hờ Thị Ly	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã DBKK	150.000	5	750.000
94	Vàng Thị Hân		2020	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Gầu	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
95	Vàng Thị Linh		2020	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Phòng	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
96	Chá Thị Phương		2020	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Cây	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
97	Vàng A Tầu	2020		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Say	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
98	Chá A Thành	2020		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Lòng	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
99	Vàng A Thiên	2020		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Tùng	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
		Nam	Nữ								
100	Vàng Thị Chan		2020	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Tủa	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
101	Vàng A Tú	2020		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Dơ	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
102	Vàng Thị Vi		2020	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Vặn	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
103	Vàng Thị Đũa		2020	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Cờ	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
104	Vàng Thị Vân Trắng		2020	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Há	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
105	Vàng Thị Ía		2020	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Mua	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
106	Chá Thị Minh Châu		2021	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Chớ	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
107	Vàng Thị Lưu Linh		2021	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Thuận	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
108	Vàng A Nam	2021		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Lữ	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
109	Vàng A Châu	2021		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng A Chừ	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
110	Chá Thành Đạt	2021		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Vắn	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
111	Chá Thị Sinh		2021	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Vư	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
112	Chá Thị Thanh Thủy		2021	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Dinh	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
113	Chá A Đình	2021		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Tệng	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
114	Chá A Lân	2021		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Bí	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
115	Chá A Tỉnh	2021		MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Chá A Thanh	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
116	Vàng Thị Chia		2021	MG ghép Huỗi Chan 2	Mông	Vàng Thị Ong	Bản Huỗi Chan 2 - xã Mường Pồn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 21.42- /QĐ - UBND, ngày 20... tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Hua Thanh										
1	Lò Trần Quang Bảo	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Lê	Bản tàu 1- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
2	Lò An Nhiên		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Dũng	Bản tàu 2- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
3	Lò Minh Tiến	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Hà	Bản tàu 2- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
4	Quảng Công Minh	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Cà Thị Thảo	Bản tàu 3- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
5	Lò Anh Tú	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Anh	Bản tàu 3- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
6	Cầm Đăng Khởi	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Kinh	Nguyễn Thị Hợi	Bản tàu 3- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
7	Lò Thị Bảo Hân		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Tuyết	Bản tàu 3- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
8	Quảng Thanh Huyền		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Cà Thị Loan	Bản tàu 3- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
9	Quảng Tuấn Hải	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Thu Hà	Bản tàu 3- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
10	Lò Nguyễn Khởi	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Nam	Bản Na Hỷ- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
11	Lò Tường Vy		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Dũng	Bản Na Hỷ- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
12	Quảng Anh Thư		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Quảng Thị Thương	Bản Na Hỷ- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
13	Lò Minh Khởi	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Quảng Thị Trinh	Bản Na Hỷ- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
14	Lò Thị Yến Nhi		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Lan	Bản Na Hỷ- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
15	Quảng Đình Nguyễn	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Quảng Đình Thái	Bản Na Ten - xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
16	Lò Nhật Linh		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Tinh	Bản Na Ten - xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
17	Cà Trí Dũng	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Phụng	Bản Na Ten - xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
18	Đặng Mộc Doanh		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Kinh	Quảng Thị Vân	Bản Na Hỷ- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
19	Quảng Ngọc Quyên		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Thoa	Bản Na Hỷ- xã Hua Thanh	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000

20	Lò Minh Khang	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Liên	Bản Na Ten - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
21	Quảng Việt Cường	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	K Mú	Quảng Văn Hèo	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
22	Quảng Tuấn Kiệt	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	K Mú	Lò Thị Lợi	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
23	Lò Văn Đức	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	K Mú	Lò Thị Hiêng	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
24	Quảng Tuấn Kiệt	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	K Mú	Quảng Văn Quý	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
25	Lò Thị Lin		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	K Mú	Lò Thị Hánh	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
26	Mùa Xuân Sang	2019		MG 5 - 6 Tuổi TT	Mông	Lý Thị Thu	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
27	Vừ Thúy Mai		2019	MG 5 - 6 Tuổi TT	Mông	Vừ A Và	Bản Xá Nhù- xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
28	Quảng Minh Nhật	2020		MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Liên	Bản tàu 1 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
29	Quảng Quỳnh Chi		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Quảng Văng Tiếng	Bản tàu 2 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
30	Lò Thị Bảo Anh		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Phương	Bản tàu 2 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
31	Lò Thị Bảo Châu		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Phương	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
32	Lò Thị Hải Yến		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lương Thị Xa	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
33	Quảng Ninh An		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Khánh	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
34	Lò Ánh Dương		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Quảng Thị Chiến	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
35	Lò Anh Trí	2020		MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Thương	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
36	Quảng Tường Vy		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Tòng Thị Trang	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
37	Quảng Anh Đức	2020		MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Quảng Văn Thanh	Bản Nà Ten - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
38	Lò Ngọc Bảo An	2020		MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Sơn	Bản Nà Hỷ - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
39	Nguyễn Quỳnh Nhi		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Nà Hỷ - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
40	Lò Phương Anh		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Mai	Bản tàu 2 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
41	Quảng Chấn Phong	2020		MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Quảng Thị Phương	Bản Nà Hỷ - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
42	Lò Hạ Vy		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Nga	Bản Nà Hỷ - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
43	Lò Anh Vũ	2020		MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Sơn	Bản Nà Hỷ - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
44	Lò Minh Vy		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Phương	Bản Nà Ten - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
45	Cà Thị Như Quỳnh		2020	MG 4-5 Tuổi TT	Thái	Quảng Thị Mai	Xã Rạng Đông, Huyện Tuần Giáo	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
46	Quảng Hải Anh	2020		MG 4-5 Tuổi TT	K. Mú	Quảng Văn Kết	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000

47	Lò Kiều Oanh		2020	MG 4-5 Tuổi TT	K. Mú	Lò Văn Khoa	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
48	Quảng Linh Đan		2020	MG 4-5 Tuổi TT	K. Mú	Quảng Văn Nam	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
49	Hồ Phúc Khang	2020		MG 4-5 tuổi TT	Thái	Quảng Thị Nhân	Bản Tàu 3, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
50	Quảng Thị Minh Diệp		2020	MG 4-5 Tuổi TT	K. Mú	Quảng Văn Anh	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
51	Lò Văn Bảo An	2021		MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Lò Văn Thế	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
52	Quảng Minh Anh		2021	MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Quảng Thị Viên	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
53	Quảng Đức Bình	2021		MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Quảng Thị Ngọc	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
54	Lò Văn Phát	2021		MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Lò Thị Nhân	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
55	Quảng Thị Hải Yến		2021	MG 3-4 Tuổi TT	K.Mú	Quảng Văn Quý	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
56	Lò Khánh Vũ	2021		MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Lò Văn Ba	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
57	Quảng Hải Việt	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Tuyết	Bản Nhà Hỷ - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
58	Nguyễn Thanh Trà		2021	MG 3-4 Tuổi TT	Kinh	Lò Thị Đợi	Bản Nhà Hỷ - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
59	Lường Minh Khôi	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lường Văn Kiểm	Bản Tàu 2 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
60	Lò Bảo Khang	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lường Thị Hoa	Bản Nhà Hỷ - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
61	Cầm Gia Hưng	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Cầm Văn Hiếu	Bản Nhà Hỷ - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
62	Quảng Trúc Anh		2021	MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Quảng Thị Ngân	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
63	Lò Thị Bảo Ngọc		2021	MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Thương	Bản Tàu 1 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
64	Quảng Hữu Lộc	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Quảng Văn Lún	Bản Tàu 2 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
65	Quảng Anh Quý	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Quảng Văn Chanh	Bản Tàu 2 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
66	Quảng Minh Khang	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Loan	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
67	Quảng Tuấn Sang	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lù Thị Hiến	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
68	Quảng Thị Huyền Anh		2021	MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Thim	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
69	Lò Minh Đức	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Dẫn	Bản Nhà Ten - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
70	Quảng Gia Bảo	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Quảng Văn Quân	Bản Nhà Ten - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
71	Lường Mạnh Đạt	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Nờ	Bản Tàu 1 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
72	Lò Thị Minh Anh		2021	MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lò Văn Phương	Bản tàu 3 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
73	Lò Thị Quốc Khánh		2021	MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Quảng Thị Tinh	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
74	Lò Thị Ánh Thư		2021	MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Lò Văn Chuyên	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000

75	Quảng Tuấn Phong	2021		MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Quảng Văn Bun	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
76	Lò Đăng Khôi	2021		MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Lò Văn Kim	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
77	Quảng Như Quỳnh		2021	MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Quảng Thị Xuân	Bản Tàu 1 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
78	Lò Thị Quỳnh Ngân		2021	MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Thùy Linh	Bản Nà Ten - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
79	Lò Thị Phương Nhi		2021	MG 3-4 Tuổi TT	K Mú	Lò Thị Xuân	Bản Co Pục - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
80	Quảng Duy Khánh	2021		MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Lò Thị Hồng	Bản Nà Ten - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
81	Lò Ngọc Chi		2021	MG 3-4 Tuổi TT	Thái	Vì Thị Tươi	Bản Tàu 2 - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
82	Vừ Thúy Phương		2021	MG 3-4 Tuổi TT	Mông	Vừ A Và	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
83	Mùa A Cho	2020		MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Mùa Thị Tinh	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
84	Sùng Mây Dương		2020	MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Giàng Thị Sinh	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
85	Vừ Thị Nhi Hiền		2020	MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Lầu Thị Nhánh	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
86	Sòng Ý Lan		2020	MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Mùa Thị Mây	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
87	Sùng Thị Ngọc Minh		2020	MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Hờ Thị Ếnh	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
88	Thảo Thị Bảo Ngọc		2020	MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Hoàng Thị Dung	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
89	Sùng A Phong	2020		MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Mùa Thị Mai	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
90	Vừ Thị Thi		2020	MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Sùng Thị Vi	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
91	Vừ Thị Tông		2020	MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Giàng Thị Sua	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
92	Giàng Gia Bảo	2021		MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Mùa Thị Cây	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
93	Sùng Anh Dũng	2021		MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Mùa Thị Đỏ	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
94	Sùng Thị Nhi		2021	MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Vừ Thị Mai	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
95	Vừ Thị Nhi		2021	MGG 3-4T Xá Nhù	Mông	Sùng Thị Vi	Bản Xá Nhù - xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
96	Vừ Thị Chanh		2019	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Tú	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
97	Lầu A Công	2019		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vàng Thị Anh	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
98	Vừ Thị Ánh Dương		2019	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Sính	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
99	Vừ Bảo Duy	2019		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Ly	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
100	Vừ Thị Linh Hương		2019	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Tú	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
101	Lầu A Nam	2019		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Lầu A Chú	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
102	Lầu A Minh	2019		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Lầu A Tăng	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

103	Vàng Thị Tuyết Nhi		2019	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Lầu Thị Xi	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
104	Vừ Sơn Trường Nhi	2019		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Hồng	Bản Huổi Cọ, xã Mường Nhé	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
105	Vừ Thị Tuyết Nhi		2020	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Lầu	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
106	Vàng Nguyệt Ánh		2020	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Lầu Thị Xi	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
107	Vừ Huy Hoàng	2020		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Tinh	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
108	Lầu Phúc Quý	2020		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vàng Thị Anh	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
109	Hờ Ngọc Sơn	2020		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Hờ A Thénh	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
110	Thào A Thái	2020		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Thào A Đông	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
111	Hờ A Thành	2020		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Giàng Thị Cúc	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
112	Vừ Thị Vàng		2020	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Dơ	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
113	Hạng A Lữ	2020		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Hạng A Vàng	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
114	Hờ Nu Tri	2021		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Hờ A Minh	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
115	Vừ Thị Phương Linh		2021	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Và	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
116	Vừ A Minh	2021		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Sùng Thị Đứ	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
117	Vừ Thị Nga		2021	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Phan	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
118	Vừ Chí Thành	2021		MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Vừ A Và	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
119	Giàng Thuỷ Trang		2021	MGG 3,4,5T Pa Sáng	Mông	Giàng A Minh	Bản Pa Sáng, xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
120	Ly A Chia	2019		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Ly A Súa	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
121	Sùng Thị Nhung		2019	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Sùng A Tàng	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
122	Sùng Quang Bảo	2019		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Sùng A Dế	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
123	Giàng A Ký	2019		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Giàng A Sủ	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
124	Giàng Thị Dính		2019	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Giàng A Dừa	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
125	Lầu Thị Ngọc Nhi		2019	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Ly Thị Say	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
126	Ly Thị Ghên		2020	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Ly A Tủa	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
127	Giàng Thị Phương		2020	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Giàng A Chổng	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
128	Ly Thị Ngọc An		2020	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Ly A Nén	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
129	Ly A Dén	2020		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Giàng Thị Pàn	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
130	Sùng A Châu	2020		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Sùng A Chung	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000

131	Ly Thi Ngoc Phuong		2020	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Ly A Sùng	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
132	Ly Thi Phuong		2020	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Giàng Thị Chia	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
133	Sùng A Tháo	2020		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Sùng A Thu	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
134	Lầu A Hồng	2020		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Lầu A Máy	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
135	Ly Thi Vân		2020	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Ly A Chư	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
136	Hàng Thị Công		2020	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Hàng A Tằng	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
137	Ly Thi Lan		2020	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Sùng Thị Khánh	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
138	Sùng Thị Ngoc Vân		2021	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Sùng A Tằng	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
139	Lầu Tuấn Kiệt	2021		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Lầu A Minh	Bản Nặm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
140	Giàng Thị Ánh		2021	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Giàng A Đức	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
141	Ly Minh Trang		2021	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Ly A Ly	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
142	Ly A Tư	2021		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Ly A Chổng	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
143	Hồ Hùng Vương	2021		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Hồ A Sáng	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
144	Hồ Thị Thùy Linh		2021	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Hồ A Chu	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
145	Ly Hoàng Tú	2021		MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Ly A Vàng	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
146	Giàng Thị Ly		2021	MGG 3,4,5T Nặm Ty 2	Mông	Giàng A Chổng	Bản Nặm Ty 2 xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
147	Giàng A Sùng	2020		MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Giàng A Khú	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
148	Hồ A Phòng	2020		MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Hồ A Sai	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
149	Hồ A Sinh	2020		MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Hồ A Say	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
150	Hồ Thị Kim Ngân		2020	MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Hồ A Tùng	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
151	Hồ Thị Vàng		2020	MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Hồ A Chư	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
152	Giàng Thị Mai Sơ		2020	MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Giàng A Vành	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
153	Lầu X Hồng Phong	2021		MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Lầu A Thấy	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
154	Hồ A Dũng	2021		MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Giàng Thị Dung	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
155	Hồ Tuấn Anh	2021		MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Thào Thị Nú	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
156	Hồ Thị Duyên		2021	MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Hồ A Dơ	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
157	Giàng A P6	2021		MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Giàng A San	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
158	Giàng T Kim Dung		2021	MGG 3-4 Nặm Ty 1	Mông	Giàng A Vành	Bản Nặm Ty 1- xã Hua Thanh	Vùng DBKK	150.000	5	750.000



159	Lầu A Lư	2021		MGG 3-4 Nậm Ty 1	Mông	Lầu A Hờ	Bản Nậm Ty 1 - xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
160	Văng Thị Dung		2021	MGG 3-4 Nậm Ty 1	Mông	Giàng A Húa	Bản Nậm Ty 1 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
161	Giàng A Ký	2021		MGG 3-4 Nậm Ty 1	Mông	Giàng A Súa	Bản Nậm Ty 1 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
162	Lầu Minh Hiếu	2021		MGG 3-4 Nậm Ty 1	Mông	Hạng Thị Thú	Bản Nậm Ty 1 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
163	Hờ Mạnh Cừ	2021		MGG 3-4 Nậm Ty 1	Mông	Hờ A Lữ	Bản Nậm Ty 1 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
164	Hờ T Ngọc Phương		2021	MGG 3-4 Nậm Ty 1	Mông	Hờ A Nénh	Bản Nậm Ty 1 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
165	Lầu A Thành	2021		MGG 3-4 Nậm Ty 1	Mông	Lầu A Tú	Bản Nậm Ty 1 - xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
166	Giàng A Nụ	2019		MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Giàng A Say	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
167	Giàng Thị Công		2019	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Giàng A Trư	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
168	Lầu Thị May Sy		2019	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Lầu A Hờ	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
169	Hờ A Thành	2019		MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Hờ A Chu	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
170	Hờ Thị Lia		2019	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Hờ A Giàng	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
171	Hờ Thị Thu Trang		2019	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Hờ A Pó	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
172	Giàng Thị Pàn		2019	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Giàng A Lầu	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
173	Lầu Ba Nam	2019		MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Lầu A Phủng	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
174	Giàng A Đông	2019		MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Giàng A Vừ	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
175	Giàng Thị Sơ		2019	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Giàng A Hạng	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
176	Hờ Thị Phương Ly		2019	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Hờ A Lữ	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
177	Giàng Tuấn Anh	2019		MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Giàng A Vừ	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
178	Lầu Minh Phái	2019		MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Lầu A Chính	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
179	Lầu A Phong	2019		MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Lầu A Kháng	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
180	Giàng Thị Phương		2020	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Giàng A San	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
181	Hờ Quốc Huy	2020		MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Hờ A Hạng	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
182	Lầu Thị Ngọc Kim		2020	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Lầu A Đàng	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
183	Lầu Đức Long	2020		MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Lầu A Sầu	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
184	Lầu Thị Mai Xa		2020	MGG 4-5T Nậm Ty1	Mông	Lầu A Ký	Bản Nậm Ty 1 xã Hua Thanh	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 242/QĐ - UBND, ngày 20 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Năm sinh									
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Núa Ngam										
1	Tạ Hoàng Gia Linh		2021	MG bé	Kinh	Lò Thị Mai	Ta Lét- Hệ Muông	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
2	Quảng Tuấn Anh	2021		MG bé	K mú	Quảng Văn Phương	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
3	Quảng Minh Đức	2021		MG bé	K mú	Quảng Văn Hoa	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
4	Vũ Phương Nga		2021	MG bé	Kinh	Vũ Văn Việt	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
5	Lò Bảo Tiến	2021		MG bé	K mú	Lò Văn Hiệp	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
6	Lò Phương Trần		2021	MG bé	K mú	Lò Thị Chiêng	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
7	Lương Việt Khang	2021		MG bé	Thái	Lương Văn Hùng	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
8	Lò Việt Hoàng	2021		MG bé	K'mú	Lò Văn Sầu	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
9	Sùng Minh Quân	2021		MG bé	Hmông	Sùng A Minh	Bản Háng Á	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
10	Lò Thị Triệu Mẫn		2021	MG bé	K mú	Lò Văn Dũng	Xã Rạng Đông-Tuần Giáo	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
11	Lò Anh Đô	2020		MG Nhỡ	K mú	Lò Văn Hải	Pá Ngam I - Núa Ngam	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
12	Lò Minh Châu		2020	MG Nhỡ	Thái	Lò Văn Thi	Ta Lét- Hệ Muông	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
13	Lò Ngọc Diệp		2020	MG Nhỡ	Thái	Lò Văn Hiệp	Ta Lét- Hệ Muông	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
14	Lò T Thanh Trúc		2020	MG Nhỡ	Thái	Lò Thị Hồng	Ta Lét- Hệ Muông	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
15	Lò Gia Khánh	2020		MG Nhỡ	Thái	Lò Thị Tiên	Ta Lét- Hệ Muông	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
16	Lò Thị Mai Nhi		2020	MG Nhỡ	K mú	Lò Thị Tiên	Pá Ngam I- Núa Ngam	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
17	Lương Văn Đức	2020		MG Nhỡ	Thái	Lò Thị Hóa	Ta Lét- Hệ Muông	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
18	Toán Ngọc Thái Hà Nhi		2020	MG Nhỡ	Hà Nhi	Lương Thị Hoài	Xã Leng Su Sin- Mường Nhé	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
19	Toán Ngọc Thái Hà Chi		2020	MG Nhỡ	Hà Nhi	Lương Thị Hoài	Xã Leng Su Sin- Mường Nhé	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hệ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
20	Lò Thị Phương Thủy		2020	MG Nhỡ	K mú	Lò Thị Lành	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
21	Nguyễn Minh Nhật	2020		MG Nhỡ	Kinh	Nguyễn Văn Cương	Thanh Chính- Noong Luống	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
22	Vũ Khánh Duy	2019		MG Lớn	Kinh	Vũ Văn Toán	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
23	Lò Thị Thu Hiền		2019	MG Lớn	K. Mú	Lò Văn Phong	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
24	Lò Anh Thiệu	2019		MG Lớn	K. Mú	Lò Thị Dung	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
25	Lò Minh Khang	2019		MG Lớn	Thái	Lò Thị Phương Nhung	Bản Pa Tản- Pa Tản Mường Nhé	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
26	Nguyễn Minh Quân	2019		MG Lớn	Kinh	Nguyễn Văn Cương	Bản Chính- Noong Luống	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
27	Hà Gia Bảo	2019		MG Lớn	Thái	Quảng Thị Kkánh	Hua thanh - Điện Biên	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
28	Lò Thị Nguyệt	2019		MG Lớn	Thái	Lò Văn Tiến	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
29	Lò Khánh Đạt	2019		MG Lớn	K mú	Lò Văn Khoa	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
30	Mùa T Phương Linh		2019	MGG Tin Lán A	H mông	Mùa Thị Dúa	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
31	Ly Tiến Sỹ	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chénh	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
32	Giàng Duy Mạnh	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Tro	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
33	Ly T Phương Chí		2020	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chổng	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
34	Ly A Sơn	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Sò	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
35	Ly Hoàng Chính	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Hờ	Tin Lán A- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
36	Giàng A Chung	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Pó	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
37	Ly Trung Kiên	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Vàng Thị Tông (Bà ngoại)	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
38	Mùa T Xuân Na		2020	MGG Tin Lán A	H mông	Mùa Thị Dúa	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
39	Giàng T Phi Phương		2020	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Sénh	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
40	Giàng Thư Thương	2021		MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Vừ	Tin Lán A- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
41	Ly Thị Xuân Mong		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng Thị Vừ	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
42	Giàng T Tháo My		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Thénh	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
43	Ly Thị Tuyết Nhung		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Hồng	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
44	Ly T Linh Chi		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chénh	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
45	Vừ A Phổng	2021		MGG Tin Lán A	H mông	Vừ Thị Tông	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
46	Giảng Gia Bảo	2021		MGG Tin Lán A	H'mông	Ly Thị Phái	Tin Lán A - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
47	Giảng Thị Mai Chính		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Dừa	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
48	Vàng Thị Cú	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hù	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
49	Giảng Quốc Cường	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Ly	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
50	Giảng Mạnh Cường	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Ly	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
51	Giảng Sinh Hùng	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
52	Vàng Thị Mai Hương		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Chá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
53	Vàng Thị Mỹ		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hải	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
54	Giảng Đông Nam	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Tú	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
55	Giảng Seo Phừ	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Chá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
56	Vừ A Sơn	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
57	Giảng Công Viên	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Chứ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
58	Giảng Thị Ánh Tuyết		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Dénh	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
59	Giảng Phương Vy		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Sá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
60	Giảng A Dũng	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng Thị Mỹ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
61	Vàng Thị Lia		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Mùa Thị Khua	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
62	Mùa Thị Thùy Linh		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Mùa A Tỷ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
63	Giảng Ngọc Long	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Ka	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
64	Giảng Bảo Long	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Sá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
65	Giảng Thị Hoa Mai		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Từa	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
66	Giảng A Quý	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Đồng	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
67	Giảng A Sáu	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Khả	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
68	Vừ A Sơn	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ Thị Pà	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
69	Giảng Huyền Trang		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Dénh	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
70	Vàng A Minh	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Pàng	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
71	Giảng Diệu Linh		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Mạnh	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
72	Giảng Thị Yến		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Giảng A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
73	Vừ Minh Thương		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
74	Mùa Gi Trung	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Cua	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
75	Giàng Mạnh Hùng	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Chá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
76	Vàng Phương Mai		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hải	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
77	Vàng A Hải (Nhĩa)	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hù	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
78	Giàng Thị Linh		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng Thị Chi	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
79	Ly Thị Thuý Ý	2019		Tin Lán B	H Mông	Ly A Chổng	Tin Lán B- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
80	Giàng Thị Mai Xinh	2020		Tin Lán B	H Mông	Giàng A Tủa	Tin Lán B- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
81	Giàng Thị Mai Dung	2021		Tin Lán B	H Mông	Giàng A Sò	Tin Lán B- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
82	Giàng Đức Tuấn	2021		Tin Lán B	H Mông	Giàng Sô Nhia	Tin Lán B- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
83	Giàng Mạnh Cường	2021		Tin Lán B	H Mông	Giàng A Thu	Tin Lán B- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
84	Vì Hải Đăng	2019		MG na sag 1	Lào	Vì Thị Hiền	Na sag 1- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
85	Lò Nhật Long	2021		MGG Na Sang 2	Thái	Lò Thị Cương	Bản Xôm 3 xã Pá Khoang	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
86	Quảng Thị Quỳnh Anh		2019	MGG Pá Bông	Khơ mú	Quảng Văn Thành	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
87	Lò Thị Bích Dán		2019	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Hiến	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
88	Lò Bích Năm	2019		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Ván	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
89	Lò Thị Như Ngọc		2019	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Biên	Pá Bông- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
90	Lò Sơn Tùng	2019		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Thị Kẹo	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
91	Lò Minh Đức	2019		MGG Pá Bông	K.Mú	Lò Văn Hưng	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
92	Lò Tuấn Kiệt	2019		MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Nọi	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
93	Lò Gia Hưng	2020		MGG Pá Bông	Thái	Quảng Thị Hoà	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
94	Quảng Thị Mai Lan		2020	MGG Pá Bông	Khơ mú	Quảng Văn Thành	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
95	Lò Thị Thu Ngọc	2020		MGG Pá Bông	Thái	Lò Văn Nọi	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
96	Lò Văn Hồng	2020		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Khiên	Pá Bông- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
97	Lò Anh Tuấn	2021		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Biên	Pá Bông- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
98	Lò Thị Thùy Linh		2021	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Điện	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
99	Lò Minh Đăng	2021		MGG Pá Bông	Thái	Lò Văn Nọi	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
100	Lò Gia Bảo	2021		MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Đối	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
101	Lò Thị Thu Ngân	2019		MGG Pá Bông	Khơ Mú	Lò Văn Khiêm	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 818 /QĐ - UBND, ngày đo... tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Hệ Muống										115.500.000
1	Quảng Ngọc Hân		2019	MGG Na Dôn	Thái	Quảng Văn Lưu	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
2	Lường Mai Chi		2019	MGG Na Dôn	Thái	Lò Thị Hà	Sải Lương- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
3	Lò Mạnh Giang	2019		MGG Na Dôn	Thái	Lò Thị Hương	Sải Lương- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
4	Lò Đăng Khoa	2019		MGG Na Dôn	Thái	Lò Văn Quang	Sải Lương- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
5	Lò Minh Tuyết		2019	MGG Na Dôn	Thái	Quảng Thị Pánh	Sải Lương- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
6	Lường Thị Như Quỳnh		2019	MGG Na Dôn	Thái	Quảng Thị Sơn	Bản Na Tổng 2- Xã Na Tổng	Xã KV 4	150.000	5	750.000
7	Lò Minh Khởi	2020		MGG Na Dôn	Thái	Lò Văn Diên	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
8	Lò Huy Hoàng	2020		MGG Na Dôn	Thái	Lò Thị Thơ	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
9	Lường Bảo Ngọc		2020	MGG Na Dôn	Thái	Lường V Tình	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
10	Cả Hồng Nhung		2020	MGG Na Dôn	Thái	Cả Văn Nghiễn	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
11	Đèo Kim Oanh		2020	MGG Na Dôn	Thái	Tòng Thị Thảo	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
12	Quảng Đức Phúc	2020		MGG Na Dôn	Thái	Quảng Văn Út	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
13	Lò Đức Thành	2020		MGG Na Dôn	Thái	Lò Thị Dân	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
14	Quảng Thanh Trúc			MGG Na Dôn	Thái	Quảng Thị Bích	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
15	Lường Hà Vy		2020	MGG Na Dôn	Thái	Lò Thị Khiên	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
16	Lò Hải Yến		2020	MGG Na Dôn	Thái	Lò Văn Doan	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
17	Quảng T Bảo Châu		2020	MGG Na Dôn	Thái	Quảng Văn Phượng	Sải Lương- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
18	Đèo Thị Nhi		2020	MGG Na Dôn	Thái	Đèo Văn Dũng	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
19	Quảng Quốc Kiên	2020		MGG Na Dôn	Thái	Lò Thị Ngươi	Sải Lương- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000
20	Tòng Đức Huy	2021		MGG Na Dôn	Thái	Tòng Văn Minh	Na Dôn- Hệ Muống	Xã KV 3	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
21	Quảng Khánh Ly		2021	MGG Na Dôn	Thái	Quảng Thị Yên	Na Dôn- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
22	Quảng Duy Phú	2021		MGG Na Dôn	Thái	Tòng Thị Thoan	Na Dôn- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
23	Lò Thị Thảo Vy		2021	MGG Na Dôn	Thái	Lò Thị Xuyên	Na Dôn- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
24	Cả Nhật Minh	2021		MGG Na Dôn	Thái	Lò Thị Hằng	Na Dôn- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
25	Lương Bảo Quý	2021		MGG Na Dôn	Thái	Lương Văn Biên	Na Dôn- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
26	Đèo Bích Phương		2021	MGG Na Dôn	Thái	Đèo Văn Dũng	Na Dôn- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
27	Nguyễn Khánh Linh		2021	MGG Na Dôn	Kinh	Quảng Thu Hà	Sải Lương- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
28	Bạc Duy Anh	2021		MGG Na Dôn	Thái	Bạc Cẩm Tại	Sải Lương- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
29	Cả Thiên Bảo	2021		MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Lò Thị Thư	Ta Lét I, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
30	Lò Anh Chiêu	2021		MGG 3,4 Lọng Sọt	Khơ Mú	Lò Thị Hạnh	Lọng Sọt, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
31	Tòng Khánh Duy	2021		MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Quảng Thị Minh	Ta Lét I, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
32	Tòng Thảo Nhi		2021	MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Tòng Văn Nhuận	Ta Lét II, Hệ Muồng	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
33	Vì Mạnh Trường	2021		MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	vi thị phương	Ta Lét II, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
34	Lò Đăng Khoa	2021		MGG 3,4 Lọng Sọt	Khơ Mú	Hùng Thị Niêm	Lọng Sọt, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
35	Lương Hạo Vũ	2021		MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Tòng Thị Vui	Ta Lét II, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
36	Lương Minh Hùng	2021		MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Lò Văn Chung	Ta Lét II, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
37	Lương Ngọc Vy		2021	MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Quảng Thị Dương	Ta Lét II, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
38	Lò Quốc Định	2020		MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Lương Thị Dịp	Bản Huổi Cánh, xã Phu Luông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
39	Cút Thiên Hậu	2020		MGG 3,4 Lọng Sọt	Khơ Mú	Cút Văn Cánh	Lọng Sọt, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
40	Cút Khánh Phong	2020		MGG 3,4 Lọng Sọt	Khơ Mú	Cút Thị Hoa	Lọng Sọt, Hệ Muồng	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
41	Lò Thiên Ân	2020		MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Tòng Thị Thơm	Ta Lét I, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
42	Lò Mỹ Dung		2020	MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Lò Văn Minh	Ta Lét I, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
43	Lò Xuân Ước	2020		MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Lò Văn Mười	Ta Lét I, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
44	Lương Nhật Anh	2020		MGG 3,4 Lọng Sọt	Thái	Lương Văn Trị	Ta Lét 2, Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
45	Sùng A Cánh	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Mùa Thị Dợ	Na Côm- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
46	Lý Thị Ngọc Chi		2019	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Giảng Thị Thành	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
47	Giảng A Hủ	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng Thị Khoa	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
48	Vàng Thông Minh	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng A Thénh	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
49	Lý A Phong	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Và Thị Vi	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
50	Lý A Thái	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Quảng Thị Mai	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
51	Sùng A Thái	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Giảng Thị Rúa	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
52	Lý Thành Đạt	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Giảng Thị Sau	Na Côm- Hệ Muổng	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
53	Vàng Anh Long	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng A Di	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
54	Vàng Thị Dung		2019	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Sùng Thị Tổng	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
55	Sùng Thị Hồng Liên		2019	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng Thị Bấu	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
56	Vàng Thị Thùy Linh		2019	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng A Hồng	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
57	Vàng Sơn Minh	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng A Mua	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
58	Giảng A Phòng	2019		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Giảng A Dé	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
59	Giảng Pà Vùa		2019	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Giảng A Sính	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
60	Vàng Thị Sênh		2019	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng A Ly	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
61	Sùng Ngọc Linh		2019	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng Thị Ông	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
62	Giảng Thị Ánh		2020	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Giảng A Cháng	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
63	Vàng Thị Hà Linh		2020	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng A Dé	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
64	Giảng T Phương Thảo		2020	MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vừ Thị Mai	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
65	Lý A Sơn	2020		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Vàng Thị Lan	Na Côm- Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
66	Sùng A Vừ	2020		MGG 4,5 Na Côm	H'Mông	Sùng A Trứ	Na Côm- Hệ Muổng	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
67	Lò T Thùy Dương		2019	MGG Công Bình	Thái	Lò Thị Trinh	Bản Pá Hẹ - Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
68	Lò Gia Hùng	2019		MGG Công Bình	Khơ mú	Quảng Thị Phong	Công Bình - Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
69	Lường Ngọc Diệp		2019	MGG Công Bình	Thái	Lường Thị Tâm	Bản Pá Hẹ - Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
70	Lò T Tuyết Mai		2019	MGG Công Bình	Thái	Lò Văn Cương	Bản Pá Hẹ - Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
71	Lò T Thanh Trúc		2019	MGG Công Bình	Khơ mú	Lò Văn Quyền	Công Bình - Hệ Muổng	Xã KV 3	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
72	Lò T Kiều Oanh		2019	MGG Công Bình	Khơ mú	Lò Văn Khánh	Công Bình - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
73	Cà Thị Hoa		2019	MGG Công Bình	Khơ mú	Lò Thị Kiên	Pá Hẹ - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
74	Lò Thị Ngọc Bích		2020	MGG Công Bình	Khơ mú	Lò Thị Nguyên	Bản Suối Lư 1-Xã Keo Lôm ĐBBĐ	Xã KV 3	150.000	5	750.000
75	Lò Quốc Duy	2020		MGG Công Bình	Khơ mú	Lò Văn Nghiêm	Công Bình - Hệ Muồng	Hệ nghèo	150.000	5	750.000
76	Lò An Nhiên		2020	MGG Công Bình	Thái	Lò Văn Linh	Pá Hẹ - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
77	Lò Trọng Việt	2020		MGG Công Bình	Thái	Lò Văn Sơn	Pá Hẹ - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
78	Lường Mạnh Quân	2020		MGG Công Bình	Thái	Lò Thị Chập	Pá Hẹ - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
79	Tòng Toàn Thắng	2021		MGG Công Bình	Thái	Quảng Thị Ún	Pá Hẹ - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
80	Cà Ánh Nguyệt		2021	MGG Công Bình	Thái	Cà Thị Cu	Pá Hẹ - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
81	Lò Anh Đạt	2021		MGG Công Bình	Thái	Lò Văn Tiến	Pá Hẹ - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
82	Sầm Ngọc Nhi		2020	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Thái	Sầm Văn Khiêm	Ta Lét 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
83	Quảng T. Hồng Ngọc		2020	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Khơ Mú	Quảng Thị Tiên	Loong Sọt- Hệ Muồng	Nghèo	150.000	5	750.000
84	Tòng Thị Chinh		2020	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Thái	Lò Thị Tươi	Ta Lét 2- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
85	Quảng Quỳnh Trang		2020	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Thái	Lường Thị Hân	Ta Lét 2- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
86	Lò Ngọc Hà		2019	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Khơ Mú	Lò Văn Thủy	Loong Sọt- Hệ Muồng	Nghèo	150.000	5	750.000
87	Cút Văn Phúc	2019		Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Khơ Mú	Cút Thị Dương	Loong Sọt- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
88	Lò Diệu Huyền		2019	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Khơ Mú	Hùng Thị Long	Loong Sọt- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
89	Lò Ngọc Lệ		2019	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Thái	Lò Văn Mười	Ta Lét 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
90	Quảng Ngọc Hà		2019	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Khơ Mú	Quảng Văn Việt	Loong Sọt- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
91	Quảng Duy Trần	2019		Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Khơ Mú	Lò Thị Lưn	Loong Sọt- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
92	Quảng Mai Trang		2019	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Khơ Mú	Quảng Văn Việt	Loong Sọt- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
93	Lò Tùng Anh	2019		Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Thái	Chèo A Chiêu	Ta Lét 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
94	Lò Huy Hoàng	2019		Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Thái	Lò Văn Công	Ta Lét 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
95	Lò Gia Phát	2019		Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Thái	Lò Thị Nga	Ta Lét 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
96	Lò Thị Hải Yến		2019	Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Thái	Lò Văn Tâm	Ta Lét 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
97	Vũ Tiến Đạt	2020		Lớp 4-5 tuổi Loong Sọt	Kinh	Cà Thị Xoan	Loong Sọt- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
	Nam	Nữ								
98	Lữ Hoàng Châu	2021	MGG trung tâm	Thái	Lữ Văn Xôm	Năm Hệ 2 - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
99	Lò Hồng Diễm	2021	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Hải	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
100	Lương Việt Hào	2021	MGG trung tâm	Thái	Lương Văn Đông	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
101	Cà Kiến Văn	2021	MGG trung tâm	Thái	Cà Văn Chính	Hệ 2- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
102	Trương Minh Hải	2021	MGG trung tâm	Thái	Quảng Thị Oanh	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
103	Đặng Thanh Nhân	2021	MGG trung tâm	Thái	Lương Thị Thu	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
104	Lương Duy Thành	2021	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Thùy Nhon	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
105	Lò Thảo Vân	2021	MGG trung tâm	Thái	Lương Thị Quyết	Năm Hệ 2- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
106	Lương Nhật Anh	2020	MGG trung tâm	Thái	Lương Văn Xôm	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
107	Lương Minh Anh	2020	MGG trung tâm	Thái	Lương Văn Thông	Năm Hệ 2- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
108	Lò Minh Tân	2020	MGG trung tâm	Thái	Quảng Thị Giót	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
109	Tòng Quốc Việt	2020	MGG trung tâm	Thái	Tòng Văn Hiến	Bản Pá Hệ - Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
110	Lương Diệu Linh	2020	MGG trung tâm	Thái	Lương Văn Hiếu	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
111	Lò Vũ Tùng Lâm	2020	MGG trung tâm	Thái	Lò Văn So	Bản Ban - Sam Mưn	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
112	Lương Hải Việt	2020	MGG trung tâm	Thái	Quảng Thị Thơm	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
113	Trương Thiên Ân	2019	MGG trung tâm	Thái	Chào U Mấy	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
114	Lò Thị Hương Giang	2019	MGG trung tâm	Thái	Lò Văn Thân	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
115	Lò Trung Kiên	2019	MGG trung tâm	Thái	Lương Thị Hương	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
116	Lò Ngọc Mai	2019	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Bích	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
117	Lương Thị Như Ngọc	2019	MGG trung tâm	Thái	Đặng Văn Niên	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
118	Lương Minh Quang	2019	MGG trung tâm	Thái	Lương Thị Bình	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
119	Lò Ngọc San	2019	MGG trung tâm	Thái	Lò Văn Khiên	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
120	Lò Đình Tạng	2019	MGG trung tâm	Thái	Trương Thị Chung	Năm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
121	Lò Anh Tuấn	2019	MGG trung tâm	Thái	Lò Văn Thanh	Năm Hệ 2- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
122	Lò Ngọc Bích	2019	MGG trung tâm	Thái	Lò Văn Kim	Năm Hệ 2- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
123	Tòng Thị Thu Hằng	2019	MGG trung tâm	Thái	Tòng Văn Thanh	Na don- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
124	Lương Thủy Vân	2019	MGG trung tâm	Thái	Lương Văn Tò	Năm Hệ 2- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
125	Quảng Quang Dũng	2019	MGG trung tâm	Thái	Lò Văn Hường	Năm Hệ 2- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000
126	Lò Bảo An	2020	MGG trung tâm	Thái	Lò Thị Nhân	Bản Nậm Hệ 1- Hệ Muồng	Xã KV 3	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh		Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
	Nam	Nữ										
127	Lò Văn Thế Khang	2021			MGG trung tâm	Thái	Lương Thị Dũng	Bán Nậm Hệ 1- Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
128	Phạm Hà Phương		2020		MGG trung tâm	Thái	Hoàng Thị Quy	Bán Nậm Hệ 1- Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
129	Vàng A Chung	2020			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Sùng Thị Dưa	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
130	Vàng Ngọc Nam	2020			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng A Chu	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
131	Vàng A Son	2020			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Giàng Thị Húa	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
132	Sùng Trường Hải	2020			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Giàng Thị Rúa	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
133	Vàng Xinh Ka		2020		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng A Sừ	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
134	Lý Phi Lít	2020			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Lý A Cù	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
135	Vàng A La	2020			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Sùng A Son	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
136	Vàng Thị Dung		2020		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Lầu Thị So	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
137	Vàng Thị Pà		2020		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng A Chur	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
138	Vàng Mai Trang		2020		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng A Di	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
139	Vàng Thị Dinh		2020		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng A Hừ	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
140	Sùng Ngọc Dúa		2021		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Mùa Thị Dợ	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
141	Sùng Ngọc Chi		2021		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Giàng Thị Xua	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
142	Lý Anh Kiệt	2021			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Giàng Thị Sầu	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
143	Vàng Hải Đăng	2021			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng A Mua	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
144	Vàng A Cánh	2021			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng A Chu	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
145	Vừ Thị Linh		2021		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vừ Thị Báu	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
146	Sùng Trung Hiếu	2021			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng Thị Ông	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
147	Lý T Như Quỳnh		2021		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Giàng Thị Thành	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
148	Vàng A Tuấn	2021			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Sùng Thị Sính	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
149	Sùng A Vénh	2021			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng Thị Chứ	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
150	Sùng A Dương	2021			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Lầu Thị Dợ	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
151	Vàng A Dơ	2021			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng A Ly	Na Côm -Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
152	Vàng Thị Giảng		2021		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Lầu Thị Dợ	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
153	Vừ Duy Chung	2021			MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vừ Thị Phương	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000
154	Sùng Thị Mai		2021		MGG 3,4 Na Côm	HMông	Vàng Nhia Há	Na Côm -Hệ Muông	Xã KV 3	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 212 /QĐ - UBND, ngày 20. tháng 12 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Na Ú										109.500.000
1	Vừ Thuý Ngân		2021	MGB Trung Tâm	Mông	Vừ A Nénh	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
2	Vừ Chấn phong	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Vừ A Tủa	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
3	Và A Thu	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Và A Dơ	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
4	Sinh Thị Hương		2021	MGB Trung Tâm	Mông	Sinh A Thánh	Bản Na Ú - xã Na Ú	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
5	Và Bình Minh	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Và Sĩ Di	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
6	Ly Duy Hải	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Ly A Hu	Bản Na Ú - xã Na Ú	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
7	Vừ Thiên Vũ	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Sinh Thị Dơ	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
8	Ly Thị May Trang		2021	MGB Trung Tâm	Mông	Ly A Thái	Bản Na Ú - xã Na Ú	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
9	Và Thị Thu Hà	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Giảng Thị Giấy	Bản Na Ú - xã Na Ú	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
10	Và A Công	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Và A Hánh	Bản Na Ú - xã Na Ú	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
11	Vừ Thị Ngọc Nhung		2021	MGB Trung Tâm	Mông	Vừ A Tinh	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
12	Và Tuấn Kiệt	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Và A Sông	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
13	Và Thị Lia	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Và A Biên	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
14	Vừ Duy Hải	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Vừ A Hừ	Bản Na Ú - xã Na Ú	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
15	Và Thọ Đố	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Và A Mạnh	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
16	Và Bình An	2021		MGB Trung Tâm	Mông	Và A Lênh	Bản Na Ú - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
17	Sinh Thị Sinh		2021	MGB Trung Tâm	Mông	Ly Thị Mua	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
18	Sinh Văn Hoàng	2021		MGB Hua Thanh	Mông	Sinh A Sáu	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
19	Lê Thị Linh Chi		2021	MGB Hua Thanh	Mông	Lê Tiến Khoa	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
20	Và Thị Mai		2021	MGB Hua Thanh	Mông	Và A Tú	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
21	Sùng Thị Tinh		2021	MGB Hua Thanh	Mông	Sùng A Cừ	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
22	Sinh Thị Sua		2021	MGB Hua Thanh	Mông	Sinh A Hu	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
23	Sùng A Phúc	2021		MGB Hua Thanh	Mông	Và Thị Anh	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
24	Vừ Bảo Trường	2021		MGB Hua Thanh	Mông	Sinh Thị Mo	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
25	Sùng Anh Tùng	2021		MGB Hua Thanh	Mông	Sùng A Mông	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
26	Sinh A Chi	2021		MGB Hua Thanh	Mông	Sinh Khua Pó	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
27	Và A Dơ	2021		MGB Hua Thanh	Mông	Và Sĩ Di	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
28	Và Ka Ly	2021		MGB Hua Thanh	Mông	Hạ Thị Gia	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
29	Và A Hồng	2021		MGB Hua Thanh	Mông	Và Chá Pó	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000
30	Ly May Víp		2021	MGB Hua Thanh	Mông	Sinh Thị Dĩa	Bản Hua Thanh - xã Na Ú	Vùng ĐBKK	150.000	5	750.000

31	Mùa A Cường	2021		MGB Hua Thanh	Mông	Mùa A Pô	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
32	Và Anh Đức	2019		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Vừ Thị Cả Lúa	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
33	Và Anh Đức	2019		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Và A Thái	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
34	Vừ Ly Na		2019	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Vừ A Nénh	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
35	Ly Diệu Linh		2019	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Ly A Sáu	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
36	Lâu Thị Ly		2019	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Ly Thị Pa	Bản Na U' - xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
37	Ly Ngọc Anh	2019		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Ly A Gia	Bản Na U' - xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
38	Vừ Thị Xinh		2019	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Vừ A Pô	Bản Na U' - xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
39	Và Thị Ngọc Dung		2019	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Và A Thảng	Bản Na U' - xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
40	Ly Thị Thu Hà		2019	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Ly A Hu	Bản Na U' - xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
41	Và A Vĩ	2019		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Và A Khua	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
42	Sùng A Chua	2019		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Sùng Thị Cọ	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
43	Và Minh Phong	2020		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Mùa Thị Đình	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
44	Vừ Siêu Việt	2020		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Sinh Thị Dọ	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
45	Và Thị Lan Ngọc		2020	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Và A Đình	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
46	Sinh Thị Mai Phương		2020	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Sinh A Thánh	Bản Na U' - xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
47	Ly A Dương	2020		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Ly A Chu	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
48	Và Anh Dũng	2020		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Và A Kai	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
49	Vừ Bằng Tuyết		2020	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Vừ A Dơ	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
50	Vừ Thị Pa Nhia		2020	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Vừ A Pô	Bản Na U' - xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
51	Và A Đông	2020		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Và Thị Dọ	Bản Na U' - xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
52	Và Tiến Dũng	2020		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Và A Sô	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
53	Sinh A Cung	2020		MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Sinh A Lữ	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
54	Vừ Huyền Anh		2020	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Vừ A Sênh	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
55	Ly Thị Lan		2020	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Ly A Thái	Bản Na U' - xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
56	Ly Thị Tông		2020	MGG 4-5T Trung Tâm	Mông	Ly A So	Bản Na U' - xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
57	Sùng Thị Nồng		2019	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Minh	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
58	Và Chi Cao	2019		MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Và A Tú	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
59	Sùng A Chi	2019		MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Sáu	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
60	Và Duyên Mạnh	2019		MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Và A Tú	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
61	Sùng Thị Nga		2019	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Ta	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
62	Sinh A Tuấn	2019		MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sinh A Hu	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
63	Và Hồng Duy	2019		MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Và A Sinh	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
64	Sùng Tiểu Vy		2019	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng Thị Báu	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
65	Ly A Chung	2019		MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Giảng Thị Hà	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
66	Sùng Duy Khang	2019		MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Hư	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
67	Sinh T Xuân Ka		2019	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sinh A Đình	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
68	Và Thị Sơn Ni		2019	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Và A Pháp	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
69	Sùng Ngọc Bích		2019	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Lông	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
70	Sinh Nà Sáu	2019		MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sinh Khua Pô	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
71	Sùng A Minh	2019		MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Dơ	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
72	Sùng Thị Xâm		2020	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Phênh	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng DBKK	150.000	5	750.000

73	Sùng Bích Thủy	2020	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng Nừ Trinh	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
74	Sinh Duy Thiên	2020	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sinh Chữ Số	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
75	Và Thị Nức	2020	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Và A Sinh	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
76	Sùng Minh Đạo	2020	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Súa	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
77	Và Tùng Anh	2020	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Và A Xi	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
78	Sùng Mai Hương	2020	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Nhia	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
79	Và Chung Ngọc	2020	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Và A Số	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
80	Giảng Anh Dũng	2020	MGG 4-5T Hua Thanh	Mông	Sùng A Cừ	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
81	Vừ Thị Ká Sĩa	2019	MGG Con Cang	Mông	Vừ A Nénh	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
82	Vừ Yến Nhi	2019	MGG Con Cang	Mông	Vừ Thị Pa Tà	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
83	Và Thị Khánh Ly	2019	MGG Con Cang	Mông	Ly Thị Dinh	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
84	Quảng Thiên Bảo	2019	MGG Con Cang	Thái	Quảng Văn Thực	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
85	Và Hưng Trí	2020	MGG Con Cang	Mông	Và A Dụ	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
86	Vừ Thị Trang	2020	MGG Con Cang	Mông	Vừ A Xây	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
87	Và Thị Tuyết	2020	MGG Con Cang	Mông	Và A Chữ	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
88	Và Thị Anh Hồng	2020	MGG Con Cang	Mông	Và A Dế	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
89	Và Mai Phương	2020	MGG Con Cang	Mông	Và A Lữ	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
90	Sùng Nguyệt Anh	2020	MGG Con Cang	Mông	Sùng A Tổng	Bản Hua Thanh- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
91	Và Thị NiNa	2021	MGG Con Cang	Mông	Và A Nu	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
92	Và Hải Đăng	2021	MGG Con Cang	Mông	Sùng Thị Mán	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
93	Và Thị Bảo Anh	2021	MGG Con Cang	Mông	Sùng Thị Xông	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
94	Vừ A Tiến	2021	MGG Con Cang	Mông	Vừ A Pó	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
95	Vừ Thị Thủy Linh	2021	MGG Con Cang	Mông	Vừ A Nénh	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
96	Và Ngọc Sơn	2021	MGG Con Cang	Mông	Và A Pó	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
97	Vàng Thị Yến Nhi	2021	MGG Con Cang	Mông	Vàng A Dia	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
98	Quảng Hồng Diễm	2021	MGG Con Cang	Thái	Quảng Văn Thực	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
99	Và A Thương	2021	MGG Con Cang	Mông	Và Thị Pa Dinh	Bản Con Cang- xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
100	Ly Thị Yến Chi	2019	MGG Ca Hâu	Mông	Ly A Pó	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
101	Vừ Thị Ngân Hà	2019	MGG Ca Hâu	Mông	Vừ A Lá	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
102	Ly Thị Dinh Lại	2019	MGG Ca Hâu	Mông	Ly A Sừ	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
103	Vừ Gia Bảo	2019	MGG Ca Hâu	Mông	Vừ A Vua	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
104	Vàng Thị Viên	2019	MGG Ca Hâu	Mông	Vàng A Thái	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
105	Ly A Huy	2020	MGG Ca Hâu	Mông	Ly A Lầu	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
106	Vừ Thị Thiên	2020	MGG Ca Hâu	Mông	Vừ A Cau	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
107	Vừ A Tăn	2020	MGG Ca Hâu	Mông	Vừ A Lá	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
108	Giảng A Bì	2020	MGG Ca Hâu	Mông	Giảng A Cừ	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
109	Vừ A Cảnh	2021	MGG Ca Hâu	Mông	Vừ A Phương	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
110	Vừ Thị Ha Na	2021	MGG Ca Hâu	Mông	Vừ A Công	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
111	Vàng Phúc Long	2021	MGG Ca Hâu	Mông	Vàng A Thái	Bản Ca Hâu - xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
112	Vừ A Thịnh	2019	MGG Na Láy	Mông	Sinh Thị Dung	Bản Na Láy xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
113	Vàng Thị Yến Nhi	2019	MGG Na Láy	Mông	Vàng A Sả	Bản Na Láy xã Na U'	Vùng ĐBK	150.000	5	750.000
114	VÀ Thị Yến Nhi	2019	MGG Na Láy	Mông	Sùng Thị Bì	Bản Na Láy xã Na U'	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

115	Chá A Bảo	2019		MGG Na Láy	Mông	Chá A Chua	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
116	Và Tâm Thủy		2019	MGG Na Láy	Mông	Và A Chua	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
117	Vừ A Cảnh	2020		MGG Na Láy	Mông	Chá Thi Mỹ	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
118	Lý Nhi Mông		2020	MGG Na Láy	Mông	Ly A Pó	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
119	Vàng Thị Linh		2020	MGG Na Láy	Mông	Vàng A Sá	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
120	Vừ Hoàng Phúc	2020		MGG Na Láy	Mông	Vừ A Sầu	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
121	Giàng Thị Như		2020	MGG Na Láy	Mông	Giàng Chi Nu	Bản Ka Hâu xã Na Ủ	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
122	Vừ A Đông	2020		MGG Na Láy	Mông	Vừ A Dơ	Bản Ka Hâu xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
123	Giàng Thị Linh Nguyệt		2020	MGG Na Láy	Mông	Và a Khứ	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
124	Chá A Phương	2021		MGG Na Láy	Mông	Chá A Va	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
125	Chá A Khánh	2021		MGG Na Láy	Mông	Chá A Chua	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
126	Và Thị Chi Giang		2021	MGG Na Láy	Mông	Và A Chua	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
127	Giàng Duy Khánh	2021		MGG Na Láy	Mông	Và A Khứ	Bản Na Láy xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
128	Thào Thị Hoa		2020	MGG Na Láy	Mông	Vàng Thi Ghênh	Bản Hua Thanh- xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
129	Vàng Khải Duy	2019		MGG Púng Bư	Mông	Vàng A Long	Bản Púng Bư- xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
130	Và Thị Nhi		2019	MGG Púng Bư	Mông	Và A Sùng	Bản Púng Bư- xã Na Ủ	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
131	Giàng Thị Cú		2019	MGG Púng Bư	Mông	Giàng A Nỏ	Bản Na Côm- xã Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
132	Vàng Anh Sơn	2019		MGG Púng Bư	Mông	Vàng A Chia	Bản Na Côm- xã Hệ Muông	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
133	Vàng Thị Ánh		2019	MGG Púng Bư	Mông	Vàng A Sênh	Bản Na Côm- xã Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
134	Và Thị Diên		2020	MGG Púng Bư	Mông	Và A Cừ	Bản Púng Bư- xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
135	Lầu A Nénh	2020		MGG Púng Bư	Mông	Lầu A Dính	Bản Púng Bư- xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
136	Lầu A Cường	2020		MGG Púng Bư	Mông	Lầu A Công	Bản Púng Bư- xã Na Ủ	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
137	Và A Chính	2020		MGG Púng Bư	Mông	Và A Nu	Bản Púng Bư- xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
138	Vàng Cúc Phương		2020	MGG Púng Bư	Mông	Vàng A Nủ	Bản Na Côm- xã Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
139	Vàng Thị Dế		2020	MGG Púng Bư	Mông	Vàng A Chia	Bản Na Côm- xã Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
140	Và Thị Day		2021	MGG Púng Bư	Mông	Và A Pó	Bản Púng Bư- xã Na Ủ	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
141	Và Thị May		2021	MGG Púng Bư	Mông	Và A Cừ	Bản Púng Bư- xã Na Ủ	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
142	Vàng Thị Ngọc		2021	MGG Púng Bư	Mông	Vàng A Dưa	Bản Na Côm- xã Hệ Muông	Vùng DBKK	150.000	5	750.000
143	Giàng Thị Nhia		2021	MGG Púng Bư	Mông	Giàng A Nỏ	Bản Na Côm- xã Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
144	Vàng Minh Duy	2021		MGG Púng Bư	Mông	Vàng A Mưa	Bản Na Côm- xã Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
145	Vàng Minh Tiến	2021		MGG Púng Bư	Mông	Vàng A Nủ	Bản Na Côm- xã Hệ Muông	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
146	Lầu A Chó	2021		MGG Púng Bư	Mông	Lầu A Sỏ	Bản Na Côm Xã Hệ Muông	Vùng DBKK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 122... /QĐ-UBND, ngày 22... tháng 02 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Pa Thơm										33.000.000
1	Lò Tiến Thành	2019		MGGPT	Lào	Lò Văn Thân	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
2	Lò Tuấn Anh	2019		MGGPT	Lào	Lò Thị Ly	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
3	Lò Minh Tú	2019		MGGPT	Lào	Nguyễn Thị Lan	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
4	Lò Văn Thông	2019		MGGPT	Lào	Lò Văn Cơn	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
5	Lò Mạnh Phú	2020		MGGPT	Lào	Lò Thị Phon	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
6	Lò T Yến Thư		2020	MGGPT	Lào	Lò Thị Ớn	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
7	Lò T Hằng Nga		2020	MGGPT	Lào	Lò Văn Biển	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
8	Lò Ngọc Ánh		2021	MGGPT	Lào	Lò Văn Thân	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
9	Lò Thị Gia Hân		2021	MGGPT	Lào	Lò Thị Lay	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
10	Lò Hà My		2021	MGGPT	Lào	Lò Thị Lợi	Bản Pa Thơm - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
11	Lò Gia Kiệt	2019		MGGTT	lào	Lò Văn Long	Bản pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
12	Lò Nhã Tú Vy		2019	MGGTT	lào	Lò Thị Hồng	Bản pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
13	Phạm Thị Phượng		2019	MGGTT	Kinh	Quảng Thị Piếng	Bản pa Xa Xá - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
14	Vĩ bảo Lộc	2019		MGGTT	Lào	Vĩ Văn Hoàng	Bản pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
15	Quảng Tuấn Kiệt	2019		MGGTT	Khơ-mú	Quảng Văn Lanh	Bản pa Xa Xá - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
16	Thân Đức Duy	2019		MGGTT	Kinh	Lò Thị Diện	Bản pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
17	Lò Thị Ngọc Ánh	2020	2020	MGGTT	Lào	Lò Văn Bun	Pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
18	Lò Anh Thư	2020	2020	MGGTT	Lào	Lò Thị Thủy	Pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
19	Quảng Văn Quế	2020		MGGTT	Khơ Mú	Quảng Văn Hương	Pa Xa Xá - Pa Thơm	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
20	Lò Việt Anh	2020		MGGTT	Lào	Lò Thị May	Pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
21	Lò Hồng Hà	2020		MGGTT	Lào	Lò Văn Sơn	Pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
22	Vĩ Tuệ Mẫn	2020	2020	MGGTT	Lào	Tòng Thị Thính	Pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
23	Lò Đức Trọng	2020		MGGTT	Lào	Tòng Thị Trang	Pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
	Nam	Nữ								
24	Lò Hải Đăng		MGGTT	Lào	Lò Văn Tĩnh	Pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
25	Quàng Văn Cường		MGGTT	Khơ-mú	Quàng Văn Sương	Pa Xa Xá - Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
26	Quàng Minh Quân		MGGTT	Khơ-mú	Quàng Thị Ngânh	Pa Xa Xá - Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
27	Quàng Minh Trí		MGGTT	Khơ- mú	Quàng Văn Trinh	Pa Xa Xá - Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
28	Lò Việt Anh		MGGTT	Lào	Lò Thị Văn	Pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
29	Phạm Ngọc Nhi		MGGTT	Lào	Lò Thị Kim Anh	Pa Xa Lào - Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
30	Quàng Anh Đức		MGGTT	Khơ- mú	Quàng Văn Tuyển	Pa Xa Xá - Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
31	Quàng Thế Lực		MGGTT	Khơ- mú	Quàng Văn Quyền	Pa Xa Xá - Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
32	Quàng Thị Hiếu Lam		MGGTT	Khơ- mú	Quàng Thị Văn	Pa Xa Xá - Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
33	Lường T. Bích Phương	2019	MGGXC	Khơ-mú	Lường Văn Linh	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
34	Lò Văn Khánh	2019	MGGXC	Khơ-mú	Quàng Thị Oí	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
35	Quàng Mạnh Bảo	2019	MGGXC	Khơ-mú	Quàng Văn Un	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
36	Lò Gia Khiêm	2019	MGGXC	Khơ-mú	Lò Văn Lập	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
37	Quàng Đức Duy	2019	MGGXC	Khơ-mú	Quàng Văn Tun	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
38	Lường Anh Tú	2019	MGGXC	Khơ-mú	Lường Văn Phúc	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
39	Lường Bảo Khang	2019	MGGXC	Khơ-mú	Lò Thị Sương	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
40	Lường Minh Giang	2019	MGGXC	Khơ-mú	Lường Văn Quyết	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
41	Lường Minh Y	2019	MGGXC	Khơ-mú	Lường Văn Quyết	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
42	Quàng Tuấn Kiệt	2019	MGGXC	Khơ-mú	Quàng Văn Việt	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
43	Lường Đức Trọng	2021	MGGXC	Khơ-mú	Lường Văn Linh	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Thôn bản ĐBKK	150.000	5	750.000
44	Quàng Minh Tuấn	2021	MGGXC	Khơ-mú	Quàng Văn Quỳnh	Bản Xa Cuông- Pa Thơm	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 44 /QĐ - UBND, ngày 14 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Mường Nhà										56.250.000
1	Vàng Xuân Trường	2021		MG Bé TT	Mông	Vàng A Chia	Pha Lay - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
2	Vàng Ánh Vy		2021	MG Bé TT	Mông	Vừ A Công	Hệ Muống - HDB	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
3	Và Minh Hiếu	2021		MG Bé TT	Mông	Sùng Thị Thái Chu	Na Ủ - H. Điện Biên	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
4	Và A Nu	2019		MGG TT	Mông	Sùng Thị Thái Chu	Na Ủ - H. Điện Biên	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
5	Lầu A Thénh	2019		MGG TT	Mông	Lầu A Dĩa	Xa Dung - ĐB Đông	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
6	Nguyễn.N.Bảo Phúc	2019		MGG TT	Kinh	Nguyễn Ngọc Dũng	Na Tông - H. ĐB	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
7	Nguyễn.N.Bảo Khang	2019		MGG TT	Kinh	Nguyễn Ngọc Dũng	Na Tông - H. ĐB	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
8	Lầu Thành Lập	2019		MGG TT	Mông	Lầu A Nénh	Xa Dung - ĐB Đông	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
9	Hạ Ngọc Tú	2019		MGG TT	Mông	Hạ A Chu	Phi Nhừ - ĐB Đông	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
10	Vừ Bảo Long	2020		MGG TT	Mông	Vừ A Hà	Na Tông - H. ĐB	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
11	Sùng A Tuấn	2020		MGG TT	Mông	Sùng A Thái	Xa Dung - ĐB Đông	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
12	Sùng Minh An	2020		MGG TT	Mông	Vừ Thị Súa	B. Hồi Hương - MN	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
13	Lò Trịnh Minh Quang	2020		MGG TT	Thái	Trịnh Thị Yên	Na Tông - H. ĐB	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
14	Lầu Quyết Thắng	2020		MGG TT	Mông	Lầu A Pó	Xa Dung - ĐB Đông	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000
15	Vừ Ánh Ngọc		2020	MGG TT	Mông	Vừ A Hồ	Thuận Châu - Sơn La	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
16	Lầu Thị Hoa		2020	MGG TT	Mông	Lầu A Cu	Hồi Hương - MN	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
17	Mùa Mạnh Hùng	2020		MGG TT	Mông	Phàng Thị Tấu	xã Tỏa Tinh- T Giáo	Xã có ĐKKT-XHĐBK	150.000	5	750.000

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
18	Lâu Quang Bảo	2021		MGG TT	Mông	Thào Thị Tấu	Xa Dung - DB Đông	Xã có ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
19	Giàng Quang Hải	2021		MGG TT	Mông	Giàng A Lông	Hồng Thu - Sin Hồ	Xã có ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
20	Hàng A Tinh	2021		MGG TT	Mông	Hàng A Sang	Đào San - P Thỏ	Xã có ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
21	Lường Thái Hoàng	2021		MGG TT	Lào	Lường Văn Lý	Na Khoang - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
22	Vừ Thiên Ha	2021		MGG TT	Mông	Sùng A Dia	Na U' - H. Điện Biên	Xã có ĐKKT-XHDBKK	150.000	5	750.000
23	Hoàng Gia Khanh	2020		MG nhỡ TT	Tày	Lò Thị Thương	Bản on - N. Luống	Thôn, bản DBKK	150.000	5	750.000
24	Nguyễn Thị Quỳnh Chi		2019	MG lớn - TT	Kinh	Lò Thị Hương	Sam Mún - HDB	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
25	Lò Việt Quốc	2019		MGG Bản Ban	Thái	Lò Văn Phòng	Bản Ban - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
26	Sùng A Minh	2020		MGG Phi Cao	Mông	Sùng A chú	Phi Cao - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
27	Thào A Tâm	2019		MGG Phi Cao	Mông	Thào A Tủa	Phi Cao - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
28	Sùng Hải Đăng	2019		MGG HSL	Mông	Ly Thị Chính	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
29	Vàng A Hừ	2019		MGG HSL	Mông	Vàng A Chố	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
30	Lầu A Di	2019		MGG HSL	Mông	Hàng Thị Vả	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
31	Ly Ngọc Anh	2019		MGG HSL	Mông	Hà Thị Vả	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5	750.000
32	Giàng A Chênh	2019		MGG HSL	Mông	Giàng A Dia	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
33	Giàng A Như	2020		MGG HSL	Mông	Giàng A Vênh	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
34	Mùa Thị Lú	2020		MGG HSL	Mông	Mùa A Tủa	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
35	Lầu Thị Ia	2020		MGG HSL	Mông	Lầu A Chua	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
36	Vàng Thị Vít	2020		MGG HSL	Mông	Vàng A Sả	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
37	Giàng Thị Thu	2020		MGG HSL	Mông	Giàng A Dia	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
38	Ly Thị La	2021		MGG HSL	Mông	Hà Thị Vả	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5	750.000
39	Vàng Thị Ánh	2021		MGG HSL	Mông	Vàng A Sả	Pha Thanh - M Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
40	Sông A Na	2021		MGG HSL	Mông	Sông Bả Sùng	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kính phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
41	Hà A Tùng	2019		MGG P.Thanh	Mông	Hà A Sáu	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
42	Hạ Thị Mai		2019	MGG P.Thanh	Mông	Hà A Sênh	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
43	Vừ A Định	2019		MGG P.Thanh	Mông	Vừ A Tro	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
44	Vừ Thị Mai		2019	MGG P.Thanh	Mông	Vừ A Sênh	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
45	Hà A Vi	2019		MGG P.Thanh	Mông	Vừ Thị Đi	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
46	Hà A Phênh	2019		MGG P.Thanh	Mông	Hà A Chồng	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
47	Vừ A Phóng	2019		MGG P.Thanh	Mông	Vừ A Say	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
48	Vừ A Tá	2020		MGG P.Thanh	Mông	Vừ A Dính	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
49	Hà A Sơn	2020		MGG P.Thanh	Mông	Vừ Thị Sư	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
50	Hạ Thị Dưa		2020	MGG P.Thanh	Mông	Hà A Dính	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
51	Hạ Thị Cống		2020	MGG P.Thanh	Mông	Hà A Tủa	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
52	Vừ A Xanh	2020		MGG P.Thanh	Mông	Vàng Thị Vừ	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
53	Vừ A Chi	2019		MGG P.Thanh	Mông	Vừ A Gừ	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
54	Vừ Thủy Linh		2019	MGG P.Thanh	Mông	Vừ A Tủa	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
55	Giàng A Khánh	2019		MGG P.Thanh	Mông	Giàng A Và	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
56	Vừ Thị Lía		2019	MGG P.Thanh	Mông	Vừ A Chữ	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
57	Hạ Thị Mại		2019	MGG P.Thanh	Mông	Hà Gà Thái	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
58	Thào A Sai	2019		MGG P.Thanh	Mông	Thào A Cho	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
59	Lầu A Tuấn	2019		MGG P.Thanh	Mông	Hạ Thị Lía	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
60	Hạ Thị Đũa Chi		2020	MGG P.Thanh	Mông	Hà A Hồng	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
61	Vừ A Hạnh	2020		MGG P.Thanh	Mông	Vừ A Nénh	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
62	Vàng A Phù	2020		MGG P.Thanh	Mông	Vàng A Xanh	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000
63	Ly Thị Nguyệt Phương		2021	MGG P.Thanh	Mông	Ly A Pó	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản ĐBK	150.000	5	750.000

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
64	Hà A Hà	2021		MGG P. Thanh Mông	Hà A Thếch	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
65	Hà A Thuỷ	2021		MGG P. Thanh Mông	Hà Gà Thái	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
66	Hà A Đế	2021		MGG P. Thanh Mông	Hà A Hồng	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
67	Vừ A Phú	2021		MGG P. Thanh Mông	Vừ A Chú	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
68	Vừ A Trường	2021		MGG P. Thanh Mông	Vừ A Gừ	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
69	Vừ Thị La		2021	MGG P. Thanh Mông	Vừ Thị Sur	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
70	Vừ Thị Xi		2021	MGG P. Thanh Mông	Vừ A Say	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
71	Hà A Cường	2021		MGG P. Thanh Mông	Hà A Sếnh	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
72	Vừ Thị Hoa		2021	MGG P. Thanh Mông	Vàng Thị Vừ	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
73	Hà Thị Thu Biên		2021	MGG P. Thanh Mông	Hà A Tũa	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
74	Hà Thị Chữ		2021	MGG P. Thanh Mông	Hà A Chổng	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000
75	Vừ Thị Lầu		2021	MGG P. Thanh Mông	Vừ A Thấy	Pha Thanh - M Nhà	Thôn, bản DBKK	150.000	5		750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2.22... /QĐ - UBND, ngày 22... tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN Pu Lau xã Mường Nhà										
1	Lầu Huyền Anh		2019	MGG Khon Kén	Hmông	Lầu A Dênh	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
2	Ly Thà Dénh	2019		MGG Khon Kén	Hmông	Ly A Trija	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
3	Ly Thị Nguyệt Như		2019	MGG Khon Kén	Hmông	Ly A Kỳ	Bản Khon Kén	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
4	Ly Thị Kim Phương		2019	MGG Khon Kén	Hmông	Ly A Câu	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
5	Lò Nhật Phong	2019		MGG Khon Kén	K.mú	Lò Thị Nghiệp	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
6	Lường Thị Lun		2020	MGG Khon Kén	K.mú	Lường Thị Thịnh	Bản Khon Kén	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
7	Ly Bình An	2020		MGG Khon Kén	Hmông	Ly A Chớ	Bản Khon Kén	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
8	Lò Thị Ngọc Ánh	2020		MGG Khon Kén	Thái	Lò Văn Phương	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
9	Lò Văn Thắm	2020		MGG Khon Kén	K.mú	Lường Thị Văn	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
10	Lường Mạnh Duy	2020		MGG Khon Kén	K.mú	Lường Văn Khánh	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
11	Ly A Phénh	2021		MGG Khon Kén	Hmông	Ly A Si	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
12	Ly A Nhia	2021		MGG Khon Kén	Hmông	Ly A Chua	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
13	Lò Thị Thuý Vy		2021	MGG Khon Kén	K.mú	Lò Thị Nghiệp	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
14	Ly A Phanb	2021		MGG Khon Kén	Hmông	Sộng Thị Pó	Bản Khon Kén	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
15	Lầu A Vũ	2021		MGG Khon Kén	Hmông	Lầu A Dênh	Bản Khon Kén	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
16	Vàng Anh Ba	2019		MGG Hồi Hương	Hmông	Sùng Thị Dénh	Bản Hồi Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
17	Vàng Thị Minh Châu		2019	MGG Hồi Hương	Hmông	Vàng A Chính	Bản Hồi Hương	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
18	Vừ Tuấn Kiệt	2019		MGG Hồi Hương	Hmông	Vừ A Đà	Bản Hồi Hương	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
19	Lầu Gia Minh	2019		MGG Hồi Hương	Hmông	Lầu A Thái	Bản Hồi Hương	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
20	Sùng Thị Nhia		2019	MGG Hồi Hương	Hmông	Sùng A Dính	Bản Hồi Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
21	Vàng Thị Kim Như		2019	MGG Hồi Hương	Hmông	Vàng A Xế	Bản Hồi Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
22	Vư Thị Như		2019	MGG Hời Hương	Hmông	Vư A Dor	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
23	Vang Thị Ánh Tuyết		2019	MGG Hời Hương	Hmông	Vang A Lông	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
24	Vư Kỳ Vọng		2019	MGG Hời Hương	Hmông	Vư A Thề	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
25	Sùng A Đạt		2019	MGG Hời Hương	Hmông	Sùng A Minh	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
26	Vang Chấn Phong		2019	MGG Hời Hương	Hmông	Vang A Phúc	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
27	Lầu Thị Ngọc Ánh		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Sùng Thị Chính	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
28	Vang Phong Cảnh		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Vang A Tú	Bản Hời Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
29	Sùng A Hùng		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Sùng A Minh	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
30	Sùng Bảo Huy		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Vang Thị Đế	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
31	Lầu Quang Khải		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Lầu A Sa	Bản Hời Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
32	Sùng Giung Mông		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Sùng A Vư	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
33	Vư Thị Nga		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Vư A Công	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
34	Lầu Thị Xi		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Lầu A Súa	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
35	Lầu Thị Thu		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Lầu A Hạ	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
36	Lầu Thị Hà Tri		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Lầu A Số	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
37	Sùng A Tuấn		2020	MGG Hời Hương	Hmông	Sùng A Ly	Bản Hời Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
38	Lầu Xuân Dũng		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Hạ Thị Dự	Bản Hời Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
39	Sùng Chí Thanh		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Sùng A Lông	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
40	Sùng Minh Trí		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Sùng A Minh	Bản Hời Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
41	Vư A Hà		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Vư A Đà	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
42	Lầu A Phan		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Lầu Hồng May	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
43	VàngThị Mỹ Lin		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Vàng A Sênh	Bản Hời Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
44	Lầu Thị Mai		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Lầu A Chu	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000
45	Vàng Thị Mò Mị		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Vàng A Sùng	Bản Hời Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
46	Sùng Mua Chi		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Lầu Thị Dính	Bản Hời Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
47	Vàng Mai Liên		2021	MGG Hời Hương	Hmông	Vàng A Phúc	Bản Hời Hương	Bản DBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
48	Vừ Sa Lạ	2021		MGG Hồi Hương	Hmông	Vừ A Lữ	Bản Hồi Hương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
49	Hạ Minh Đức	2019		MGG Pha Lay	Hmông	Hạ A Trọ	Bản Pha Lay	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
50	Vàng Thị Nga		2019	MGG Pha Lay	Hmông	Vàng Pó Chua	Bản Pha Lay	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
51	Vàng Mái Nà		2020	MGG Pha Lay	Hmông	Vàng Thị Ía	Bản Pha Lay	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
52	Vàng A Dơ	2020		MGG Pha Lay	Hmông	Mùa Thị Đơ	Bản Pha Lay	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
53	Giàng Thị Ái Nhi		2020	MGG Pha Lay	Hmông	Giàng A Chăn	Bản Pha Lay	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
54	Thào Quân Bảo	2020		MGG Pha Lay	Hmông	Thào Thị Lý	Bản Pha Lay	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
55	Vàng Minh Hồ	2021		MGG Pha Lay	Hmông	Vàng Pó Chua	Bản Pha Lay	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
56	Vàng Thị Lệnh		2021	MGG Pha Lay	Hmông	Vàng A phỏng	Bản Pha Lay	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
57	Vàng Thị Xuân		2021	MGG Pha Lay	Hmông	Vừ Thị Dơ	Bản Pha Lay	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
58	Hạ Thị Ngọc Ánh		2021	MGG Pha Lay	Hmông	Hạ A Chua	Bản Pha Lay	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
59	Thào A Hụ	2021		MGGTT 1	Hmông	Thào A Linh	Bản Pu Sút- Xóp cốp-Sơn La	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
60	Vàng Thị Pà		2020	MGGTT 1	Hmông	Vàng A Phòng	Bản Sơn Tổng	Bản ĐBK	150.000	5	750.000
61	Vàng A Hồng	2021		MGGTT 1	Hmông	Vàng A Phòng	Bản Sơn Tổng	Bản ĐBK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27/8/2021
TỪ THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025



(Kèm theo QĐ số 24/QĐ/UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng (hộ nghèo, ĐKKT- XHĐBKK, mô côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Định mức hỗ trợ	Số thá ng	Kinh phí
		Nam	Nữ								
	TRƯỜNG MN SỐ 1 XÃ NA TÔNG										105.750.000
1	Vì Thị Thanh Nhân		2019	MG lớn TT	Thái	Tòng Thị Thuoir	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
2	Lò Đình Trọng	2019		MG lớn TT	Lào	Vì Thị Khánh	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
3	Lò Tấn Phát	2019		MG lớn TT	Lào	Lò Văn Tuấn	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
4	Lò Tiến Linh	2019		MG lớn TT	Lào	Lò Thị Loan	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
5	Lù Thành Hưng	2019		MG lớn TT	Thái	Lù Văn Bích	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
6	Lò Minh Thông	2019		MG lớn TT	Thái	Quảng Thị Phiền	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
7	Lò Thanh Nhân		2019	MG lớn TT	Thái	Lò Thị Lan	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
8	Lò Thị Hoài An		2019	MG lớn TT	Thái	Vì Thị Dính	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
9	Lò Thị Phương Thảo		2019	MG lớn TT	Thái	Quảng Thị Thủy	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
10	Quảng Anh Dũng	2019		MG lớn TT	Thái	Lường Thị Hồng Vải	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
11	Lò Nguyễn Dư	2019		MG lớn TT	Lào	Lò văn Tâm	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
12	Lò Gia Huy	2019		MG lớn TT	Lào	Lường Thị Định	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
13	Lò Bảo Luân	2019		MG lớn TT	Lào	Vì Thị Hoa	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
14	Lò Thị Thu Huyền		2019	MG lớn TT	Thái	Lò Thị Thuận	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
15	Lò Thị Ánh Dương		2019	MG lớn TT	Thái	Lò Văn Biên	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
16	Quảng Đức Anh	2019		MG lớn TT	Thái	Quảng Văn Trung	Na tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Hộ khẩu thường trú	Đổi tượng (hệ nghèo, ĐKKT- XHĐBKK, mở còi, con liệt sỷ, khuyết tật)	Định mức hỗ trợ	Số thá ng	Kinh phí
		Nam	Nữ								
17	Đỗ Đức Minh Quân	2019		MG lớn TT	Kinh	Đỗ Xuân Bang	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
18	Quàng Thu Cúc		2019	MG lớn TT	Thái	Tòng thị Phương	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
19	Quàng Trung Kiên	2019		MG lớn TT	Thái	Tòng Thị Phương	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
20	Lường T Như Quỳnh		2019	MG lớn TT	Lào	Quàng Thị Sơn	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
21	Lò Tú Uyên		2019	MG lớn TT	Thái	Lò văn Chính	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
22	Lò Ngọc Diệp		2019	MG lớn TT	Thái	Lò Văn Thiên	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
23	Vì Minh Anh	2019		MG lớn TT	Thái	Lò Nguyệt Nga	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
24	Lò Huy Hoàng	2019		MG lớn TT	Thái	Vì Thị Xiên	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
25	Lao Minh Quân	2019		MG lớn TT	Kinh	Lường thị Oan	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
26	Giàng Thùy Linh		2019	MG lớn TT	H Mông	Lò Thị Phương	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
27	Lò Việt Bách	2019		MG lớn TT	Thái	Vì Thị Cương	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
28	Lò Anh Quân	2019		MG lớn TT	Thái	Lò Văn Hóa	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
29	Quàng Thị Minh Hà		2019	MG lớn TT	Thái	Vì Thị Xuân	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
30	Vì Trọng Nguyên	2019		MG lớn TT	Thái	Vì Thị Hoa	Pa Kín	ĐBKK	150.000	5	750.000
31	Dương Bảo Châu		2019	MG lớn TT	Kinh	Vì Thị Dinh	Tân Quang	ĐBKK	150.000	5	750.000
32	Lường Quang Khải	2019		MG lớn TT	Thái	Lường Thị Hiền	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000
33	Lường Vi Anh Minh	2019		MG lớn TT	Thái	Vì Thị Hoa	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000
34	Lò Minh Tân	2019		MG lớn TT	Thái	Tòng Thị Mai	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000
35	Tòng Khánh Nhân	2019		MG lớn TT	Thái	Quàng Thị Bình	Na Cà - Bình				
36	Lò Gia Hưng	2019		MG lớn TT	Thái	Lường Thị Kim Anh	Sam Măn - ĐBD	ĐBKK	150.000	5	750.000
37	Quàng Minh Anh	2020		MG nhỏ TT	Thái	Lò Thị Hạnh	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000



STT	Họ và tên	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng (hộ nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí
		Nam	Nữ								
38	Quảng Thị Thùy Linh		2020	MG nhỡ TT	Thái	Tòng Thị Phương	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
39	Quảng Diệu Thủy		2020	MG nhỡ TT	Thái	Lò thị Thảo	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
40	Lường Thanh Phong	2020		MG nhỡ TT	Thái	Lường Thị Nga	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
41	Tòng Khánh Duy	2020		MG nhỡ TT	Thái	Quảng Thị Nguyên	Na tông 1	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
42	Vì Xuân Trường	2020		MG nhỡ TT	Thái	Vì Văn Biên	Pa kín 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
43	Lường Huyền Anh		2020	MG nhỡ TT	Thái	Lò Thị Mai Hương	Pa kín 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
44	Nguyễn T. Thùy Trang		2020	MG nhỡ TT	Kinh	Lò Thị Phương	Pa kín 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
45	Quảng Thiên Ân	2020		MG nhỡ TT	Thái	Quảng Văn Biên	Na tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
46	Lò Văn Nguyên	2020		MG nhỡ TT	Thái	Lò Văn Quyết	Na tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
47	Vì Quỳnh Lan		2020	MG nhỡ TT	Thái	Vì Văn Cương	Hát Tao	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
48	Vì Đức Khải	2020		MG nhỡ TT	Thái	Lò Thị Phương	Hát Tao	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
49	Cà Thị Quỳnh hoa		2020	MG nhỡ TT	Thái	Vì Thị Nhung	Hát Tao	ĐBKK	150.000	5	750.000
50	Vì Anh Kiệt	2020		MG nhỡ TT	Thái	Vì Văn Máng	Hát Tao	ĐBKK	150.000	5	750.000
51	Tòng Thị Kiều Hân		2020	MG nhỡ TT	Thái	Tòng Văn Thư	Hát Tao	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
52	Tòng Thị Kim Ngân		2020	MG nhỡ TT	Thái	Tòng Văn Bình	Hát Tao	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
53	Vì Thị Thùy Duyên		2020	MG nhỡ TT	Thái	Vì Văn Quyết	Pa kín 1	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
54	Vì Trọng Việt	2020		MG nhỡ TT	Thái	Vì Thị Nương	Pa kín 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
55	Quảng T. Khánh Linh		2020	MG nhỡ TT	Thái	Quảng Văn Cương	Na Sân	ĐBKK	150.000	5	750.000
56	Lường Thị Thanh Nhân		2020	MG nhỡ TT	Thái	Lường Văn Hoàng	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000
57	Quảng Gia Bảo	2020		MG nhỡ TT	Thái	Tòng Văn Thính	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000
58	Tòng Khải An	2020		MG nhỡ TT	Thái	Vì Thị Quý	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000
59	Lò Vì Tiến Thịnh	2021		MG bé TT	Thái	Vì Thị Trang	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng (hộ nghèo, ĐKKT- XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Định mức hỗ trợ	Số thá ng	Kinh phí
		Nam	Nữ								
60	Lò Anh Thu		2021	MG bé TT	Thái	Lò Văn Thành	Pa Kín 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
61	Lò Hữu Cường	2021		MG bé TT	Thái	Lò Văn Tinh	Pa Kín 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
62	Lò Thị Gia Hân		2021	MG bé TT	Thái	Lò Văn Thủy	Pa Kín 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
63	Lò Đông Hải	2021		MG bé TT	Thái	Lò Văn Ánh	Pa Kín 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
64	Lù Minh Phương		2021	MG bé TT	Thái	Vì Thị Thế	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
65	Lù Minh Anh		2021	MG bé TT	Thái	Vì Thị Thế	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
66	Tòng Thu Trang		2021	MG bé TT	Thái	Tòng Văn Tiến	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
67	Lò Thị Thanh Trà		2021	MG bé TT	Lào	Vì Thị Đình	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
68	Giàng Minh Quang	2021		MG bé TT	H Mông	Lò Thị Phương	Pa Kín 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
69	Nguyễn Gia Bảo	2021		MG bé TT	Kinh	Quảng Thị Thu	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
70	Nguyễn Gia Huy	2021		MG bé TT	Kinh	Quảng Thị Thu	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
71	Lò Thị Hà Vy		2021	MG bé TT	Thái	Lò Thị Nhung	Pa Kín 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
72	Lò Mạnh Dũng	2021		MG bé TT	Thái	Lò Thị Phương	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
73	Cả Tuấn Anh	2021		MG bé TT	Lào	Cả Văn Kiên	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
74	Tòng Thanh Huyền		2021	MG bé TT	Thái	Vì Thị Oanh	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000
75	Lò Gia Huy	2021		MG bé TT	Lào	Lò Thị Thuận	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
76	Lò Đức Mạnh	2021		MG bé TT	Thái	Lò Văn Thuồng	Na Tông 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
77	Vì Mạnh Quân	2021		MG bé TT	Thái	Lò Thị Thi	Pa Kín 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
78	Lường Mạnh Quân	2021		MG bé TT	Thái	Vì Thị Phúc	Pa Kín 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
79	Lò Hải Đăng	2021		MG bé TT	Thái	Vì Thị Thu	Na Tông 2	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
80	Lường Minh Khang	2021		MG bé TT	Thái	Lý Thị Hằng	Pa Kín 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
81	Tòng Đức Đạt	2021		MG bé TT	Thái	Tòng Văn Oan	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000



STT	Họ và tên	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng (hộ nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí
		Nam	Nữ								
82	Vì Anh Khoa	2021		MG bé TT	Thái	Lò Thị Thư	Na Tông 1	ĐBKK	150.000	5	750.000
83	Vì Minh Quân	2021		MG bé TT	Thái	Lò Thị Hương	Pa Kín 2	ĐBKK	150.000	5	750.000
84	Lò Việt Hoàng	2021		MG bé TT	Thái	Lò Thị Lan	Hệ Muống	ĐBKK	150.000	5	750.000
85	Lò Thiên Phú	2019		MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lò Văn Pon	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
86	Lò T Thanh Duyên		2019	MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lò Văn Nhân	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
87	Lò Anh Đức	2019		MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lò Văn Pon	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
88	Lò Bảo Nam	2019		MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lò Thị Vân	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
89	Lường T Bảo Anh		2019	MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lường Thị Học	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
90	Lò Phú Trọng	2019		MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lò Văn Tâm	Na Hươm	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
91	Vừ A Dính	2019		MGG Na Hươm	HMông	Vừ Bà Xénh	Tân Quang	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
92	Lò Việt Hoàng	2020		MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lò Văn Đôn	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
93	Lò Thanh Tùng	2020		MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lò Thị Chiến	Na Hươm	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
94	Lường Ngọc Hân		2020	MGG Na Hươm	Thái	Quảng Thị Phương	Tân Quang	ĐBKK	150.000	5	750.000
95	Cút Tiến Đạt	2020		MGG Na Hươm	Khơ Mú	Cút Văn Kiểm	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
96	Mòng Trung Kiên	2020		MGG Na Hươm	Khơ Mú	Mòng Văn Phúc	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
97	Cút T Phương Quý		2020	MGG Na Hươm	Khơ Mú	Cút Văn On	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
98	Quảng Tuấn Du	2020		MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lò Thị Pom	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
99	Quảng Phương Thủy		2020	MGG Na Hươm	Khơ Mú	Lò Thị Biên	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
100	Lù Nguyễn Hữu Đạt	2020		MGG Na Hươm	Thái	Lù Thị Thu Hương	Na Hươm	ĐBKK	150.000	5	750.000
101	Tòng Đức Hùng	2020		MGG Na Hươm	Thái	Tòng Văn Toàn	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000
102	Lò Thủy Kiều		2020	MGG Na Hươm	Thái	Lò Văn Thiện	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000
103	Lường Mạnh Hùng	2020		MGG Na Hươm	Thái	Lò Thị Ngân	Na Ó	ĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng (hộ nghèo, ĐKKT- XHĐBKK, mở cõi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Định mức hỗ trợ	Số thả ng	Kinh phí
		Nam	Nữ								
104	Lò Thị Thảo Nhi		2020	MGG Na Hưom	Thái	Lò Văn Ún	Na Ổ	ĐBKK	150.000	5	750.000
105	Quàng Anh Hào	2020		MGG Na Hưom	Kho Mú	Lường Thị Biên	Na Hưom	ĐBKK	150.000	5	750.000
106	Tòng Tiến Long	2021		MGG Na Hưom	Thái	Trần Thị Thủy	Na Hưom	ĐBKK	150.000	5	750.000
107	Lò Thị Nguyệt Ánh		2021	MGG Na Hưom	Kho Mú	Lò Văn Tuấn	Na Hưom	ĐBKK	150.000	5	750.000
108	Lò Thị Phương Thảo		2021	MGG Na Hưom	Kho Mú	Lò Văn Nhân	Na Hưom	ĐBKK	150.000	5	750.000
109	Lò Bảo Nam	2021		MGG Na Hưom	Kho Mú	Lò Văn Thanh	Na Hưom	ĐBKK	150.000	5	750.000
110	Cút Thị Na		2021	MGG Na Hưom	Kho Mú	Cút Văn May	Na Hưom	ĐBKK	150.000	5	750.000
111	Lường Duy Khánh	2021		MGG Na Hưom	Kho Mú	Lò Thị Khảm	Na Hưom	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
112	Lò Lương Bảo	2021		MGG Na Hưom	Thái	Lò Văn Long	Na Ổ	ĐBKK	150.000	5	750.000
113	Quàng Thị Lan Anh		2021	MGG Na Hưom	Kho Mú	Mòng Thị Đình	Na Hưom	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
114	Quàng Thị Bảo Ngọc		2021	MGG Na Hưom	Kho Mú	Quàng Văn Khoan	Na Hưom	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
115	Mùa Xuân Hải	2019		MGG Hin Phon	H Mông	Mùa A Dénh	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000
116	Mùa Minh Dương	2019		MGG Hin Phon	H Mông	Mùa A Vả	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000
117	Mùa Đức Huy	2019		MGG Hin Phon	H Mông	Mùa A Cường	Hin Phon	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
118	Vừ Thanh Tùng	2019		MGG Hin Phon	H Mông	Vừ A Phòng	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000
119	Mùa Linh Chi		2019	MGG Hin Phon	H Mông	Mùa A Sô	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000
120	Mùa Thị Lía		2019	MGG Hin Phon	H Mông	Mùa A Chó	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000
121	Mùa Thị Phượng		2019	MGG Hin Phon	H Mông	Mùa A Tho	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000
122	Sùng Thị Dưa		2019	MGG Hin Phon	H Mông	Sùng A Sênh	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000
123	Vừ A Sơn	2020		MGG Hin Phon	H Mông	Lầu Thị Ly	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000
124	Mùa A Là	2020		MGG Hin Phon	H Mông	Mùa A Tả	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000
125	Mùa Thị Yến Nhi		2020	MGG Hin Phon	H Mông	Mùa A Thái	Hin Phon	ĐBKK	150.000	5	750.000



STT	Họ và tên	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng (hộ nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí
		Nam	Nữ								
126	Mùa Thị Nga		2020	MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Dũa	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
127	Mùa Thị Hồng		2020	MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Dũa	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
128	Mùa A Kỳ	2020		MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Chả	Hìn Phon	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
129	Mùa Mai Chi		2021	MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Phi	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
130	Mùa Thị Cúc		2021	MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Chù	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
131	Mùa Thị Mỹ Duyên		2021	MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Chả	Hìn Phon	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
132	Mùa Thanh Hải	2021		MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Sô	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
133	Mùa Ngọc Hải	2021		MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Hồng	Hìn Phon	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
134	Mùa Thị Hoa		2021	MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Thanh	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
135	Vừ Xuân Nam	2021		MGG Hìn Phon	H Mông	Lầu Thị Ly	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
136	Mùa Thị Nguyệt Nga		2021	MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Tho	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
137	Mùa Thị Phương Nhi		2021	MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Vừ	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
138	Mùa A Quân	2021		MGG Hìn Phon	H Mông	Mùa A Vả	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
139	Vừ Duy Thắng	2021		MGG Hìn Phon	H Mông	Vừ A Đức	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
140	Vừ Hồng Thắng	2021		MGG Hìn Phon	H Mông	Vừ A Thành	Hìn Phon	ĐBK	150.000	5	750.000
141	Vừ Thị Chu		2021	MGG Hìn Phon	H Mông	Lầu Thị Ly	Hộ nghèo	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO ND 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2.244.../QĐ - UBND, ngày 21 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

Stt	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Nam	Nữ								
Trường mầm non xã Mường Lói											
1	Thào A Tà	2019		MGL-Noong É	Mông	Thào A Vừ	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
2	Thào Thị Lan Y		2019	MGL-Noong É	Mông	Vàng Thị Máy	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
3	Thào A Lầu	2019		MGL-Noong É	Mông	Sùng Thị Mi	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
4	Thào A Dĩa	2019		MGL-Noong É	Mông	Thào A Chính	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
5	Giàng A Nam	2019		MGL-Noong É	Mông	Giàng A Thanh	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
6	Thào A Ly	2019		MGL-Noong É	Mông	Giàng Thị Di	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
7	Thào Thuý Nga		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Đà	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
8	Thào Thị Lan Nhi		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Sau	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
9	Vừ Phúc Long	2019		MGL-Noong É	Mông	Vừ A Mãnh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
10	Thào Thị Di		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Sênh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
11	Thào Thị Ngọc Ánh		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Súa	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
12	Thào Minh Hải	2019		MGL-Noong É	Mông	Lầu Thị Lia	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
13	Thào Dênh Hoà	2019		MGL-Noong É	Mông	Thào A Lừ	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
14	Giàng Huy Mạnh	2019		MGL-Noong É	Mông	Mùa Thị Dy	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
15	Thào Thị Si		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Sia	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
16	Thào Lia Sùng	2020		MGG-Noong É	Mông	Thào A Tùng	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
17	Thào A Quý	2020		MGG-Noong É	Mông	Vàng Thị Nụ	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
18	Thào Linh Chi		2020	MGG-Noong É	Mông	Vàng Thị Sia	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
19	Giàng Văn Minh	2020		MGG-Noong É	Mông	Sùng Thị Nénh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
20	Vừ A Khánh	2020		MGG-Noong É	Mông	Vừ A Hù	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
21	Thào Chí Thanh	2020		MGG-Noong É	Mông	Thào A Chá	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000

22	Thào Thị Ánh Xuân		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào Hồng May	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
23	Thào Thị Tuyết Mai		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào A Chỉnh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
24	Thào Quang Khải	2021		MGG-Noong É	Mông	Thào A Dá	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
25	Thào Thị Ngọc Duyên		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào A Sau	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
26	Thào A Vinh	2021		MGG-Noong É	Mông	Giàng A Giống	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
27	Giàng Sênh Nồ	2021		MGG-Noong É	Mông	Giàng A Thanh	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
28	Thào Thị Ý Nhi		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào A Súa	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
29	Thào A Lại	2021		MGG-Noong É	Mông	Lầu Thị Lia	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
30	Thào Thị Nguyệt Nắng		2021	MGG-Noong É	Mông	Hồ Thị Hành	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
31	Vừ Chí Minh	2021		MGG-Noong É	Mông	Vừ A Mãnh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
32	Thào Thị Sâu		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào A Hai	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
33	Thào A Tân	2021		MGG-Noong É	Mông	Giàng Thị Di	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
34	Thào Xuân Thành	2021		MGG-Noong É	Mông	Thào A Nủ	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
35	Thào A Chí	2021		MGG-Noong É	Mông	Vàng Thị Máy	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
36	Thào Quý Phước	2021		MGG-Noong É	Mông	Vàng Thị Pà	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
37	Lò Thị Thiên Mỹ		2019	MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Phôm	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
38	Ngô Quỳnh Anh		2019	MGL-Trung tâm	Lào	Vì Thị Diên	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
39	Lò Thiên Lộc	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Quyết	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
40	Lò Thị Kiều Loan		2019	MGL-Trung tâm	Lào	Vì Thị Hồng	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
41	Vì Thị Phương Uyên		2019	MGL-Trung tâm	Lào	Vì Văn Hoà	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
42	Lò Tiến Minh	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Long	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
43	Lò Anh Quân	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Pha	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
44	Lò Gia Huy	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Ly	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
45	Lò Thiên Bình	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Yên	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
46	Lò Triệu Phong	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Xinh	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
47	Lò Tuấn Kiệt	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Thìn	Bản Lói, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
48	Trịnh Quang Hiếu	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Thị Phong	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
49	Nguyễn Đỗ Khánh Ngân	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Nguyễn Duy Trường	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
50	Lò Thị Bảo Ngọc		2020	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Văn Phong	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
51	Vì Đức Vượng	2020		MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Hiêng	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000

52	Lò Phú Sang	2020	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Sọn	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
53	Lò Phúc Hưng	2020	MGG-Trung tâm	Lào	Vì Thị Thơm	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
54	Lò Thị Phương Huyền	2020	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Ngọc	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
55	Lò Diệu Anh	2020	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Văn Diên	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
56	Vì Thị Phương Dung	2020	MGG-Trung tâm	Lào	Vì Văn Minh	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
57	Lò Xuân Phúc	2020	MGG-Trung tâm	Lào	Vì Thị Biên	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
58	Quảng Thị Trà My	2020	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Khăm	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
59	Vì Đình Thắng	2021	MGG-Trung tâm	Lào	Vì Thị Thủy	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
60	Lò Thị Duyên Hồng	2021	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Văn Bình	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
61	Lò Thị Minh Thủy	2021	MGG-Trung tâm	Lào	Vì Thị Xóm	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
62	Lò Thị Phương Duyên	2021	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Thanh	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
63	Lò Kim Ly	2021	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Văn Quý	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
64	Lò Trường Giang	2021	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Hà	Bản Lối, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
65	Lường Hạo Nhiên	2019	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Lường Văn Hạnh	Bản Co Đũa, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
66	Pít Quang Khải	2019	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Pít Văn Thủy	Bản Co Đũa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
67	Lường Duy Nhất	2019	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Lường Văn Một	Bản Co Đũa, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
68	Cút Thị Thủy Phương	2019	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Cút Văn Chung	Bản Co Đũa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
69	Lường Anh Tuấn	2020	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Cút Thị Nghiêm	Bản Co Đũa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
70	Cút Thị Hồng Duyên	2020	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Cút Thị Lanh	Bản Co Đũa, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
71	Cút Thị Ngọc Linh	2021	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Cút Văn Chung	Bản Co Đũa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
72	Lò Minh Nga	2021	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Lò Văn Vượt	Bản Co Đũa, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
73	Pít Thị Thanh Nhân	2021	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Pít Văn Thủy	Bản Co Đũa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
74	Lường Thị Hồng Duyệt	2021	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Lường Thị Lói	Bản Co Đũa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
75	Lường Thị Thu Huyền	2021	MGG-Co Đũa	Khơ mú	Cút Thị Nghiêm	Bản Co Đũa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
76	Mòng Thị Danh	2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Mòng Văn Máng	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
77	Lò Thành Đạt	2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Pánh	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
78	Lường Thị Thư	2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Oan	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
79	Lường Thị Diệp	2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Lả	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
80	Lường Thị Hoa Anh Đào	2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Lanh	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
81	Lường Duy Mạnh	2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Tính	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000

82	Lương Thị Minh Thơm		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Nen	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
83	Lò Thị Giang		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Chung	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
84	Giảng Thị Kim Chi		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Giảng A Ly	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
85	Lò Văn Diệu	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Dũng	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
86	Lò Báo Cư	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Thìn	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
87	Lường Thị Mai Thanh		2020	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Lanh	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
88	Lường Thị Bát Quả		2020	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Thị Canh	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
89	Lường Thị My Ngân		2020	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Nhọt	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
90	Lò Văn Đoàn	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Nương	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
91	Lường Thị Quỳnh		2020	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Thị Lum	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
92	Lò Minh Thué	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Tiết	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
93	Lường Văn Kiệt	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Quyền	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
94	Mòng Bích Phương	2021		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Mòng Văn Máng	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
95	Lò Thị Kim Duyên		2021	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Chiêng	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
96	Lường An Phong	2021		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Lợi	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
97	Lò Minh Hiếu	2021		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Lâm	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
98	Lường Thành Đô	2021		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Cấn	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
99	Lò Thị Hồng Diệu		2021	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Trạ	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
100	Lường Xuân Quý	2019		MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lò Thị Liên	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
101	Lò Thị Hiền Trang		2019	MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lò Văn Thủy	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
102	Lò Xuân Bắc	2019		MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lò Văn Lả	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
103	Lường Anh Thuyến	2019		MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lường Văn Châm	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
104	Lường Thị Ngọc		2019	MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lường Thị Bớt	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
105	Lò Thị Tiểu Nhất		2020	MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lò Văn Hặc	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
106	Lò Thị Mai Hương		2020	MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lường Thị Thanh	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
107	Lường Thị Minh Trang		2020	MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lường Văn Thời	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
108	Lường Thị Hồng Vỹ		2021	MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lò Thị Liên	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
109	Lường Duy Huấn	2021		MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lường Văn Hoan	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
110	Lường Thanh Hưng	2021		MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lường Thị Lâm	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
111	Lò Thị Thanh Chúc		2021	MGG-Tin Tóc	Khơ mú	Lường Thị Thanh	Bản Tin Tóc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000

112	Mông Tuấn Diệp	2019		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Mông Văn Tân	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
113	Lò Văn Dương	2019		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Phương	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
114	Lường Văn Vương	2019		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lường Thị Bình	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
115	Lò Văn Hiếu	2019		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Thị Ban	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
116	Lường Thị Giao Duyên		2019	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lường Thị Thắm	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
117	Lò Thị Thanh Vân		2020	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Hương	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
118	Lò Thanh Thuý		2020	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Thị Lun	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
119	Lò Thị Hồng Diễm		2020	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Cương	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
120	Lò Thị Huyền Trang		2020	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Sèo Thị Nen	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
121	Lường Gia Phú	2021		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lường Văn Quyết	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
122	Lường Duy Quyền	2021		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lường Thị Thắm	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
123	Lò Văn Khá Bánh	2021		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Hương	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
124	Lò Lan Chi		2021	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Quảng Thị Nga	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
125	Lò Thị Ngọc Phương		2021	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Nguyệt	Bản Na Cọ, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
126	Lò Thị Thanh Thuý		2021	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Thuởng	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
127	Lường Duy Khánh	2019		MGG-Na Chén	Khơ mú	Lường Văn Đêm	Bản Na Chén, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
128	Lò Thị Tâm Như		2019	MGG-Na Chén	Khơ mú	Lò Văn Khởi	Bản Na Chén, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
129	Cút Tuấn Hải	2020		MGG-Na Chén	Khơ mú	Cút Văn On	Bản Na Chén, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
130	Lường Thị Hồng Phương		2020	MGG-Na Chén	Khơ mú	Cút Văn Thơ	Bản Na Chén, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
131	Lò Thị Phương Thảo		2021	MGG-Na Chén	Khơ mú	Lò Văn Khởi	Bản Na Chén, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
132	Lường Thu Hiền		2021	MGG-Na Chén	Khơ mú	Lường Văn Vinh	Bản Na Chén, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
133	Lò Thị Lan Phương		2019	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lò Thị Xanh	Bản Huổi Không, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
134	Lường Tiểu Thuý		2020	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lường Văn Anh	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
135	Lò Thị Minh Duyên		2020	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lường Văn Khặt	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
136	Lò Thị Hồng Thuý		2021	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lò Văn Cường	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
137	Lò Thị Ngọc Huyền		2021	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lò Thị Tương	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
138	Bùi Tuấn Kiệt	2021		MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lò Văn Hiền	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
139	Lường Thị Kiều		2021	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lường Thị Tâm	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2.22/QĐ - UBND, ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trưởng MN số 2 xã Na Tông										114.000.000
1	Lầu Anh Hải	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Lầu A Và	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
2	Vừ Thị Nhân		2021	MG Bé Trung tâm	H'Mông	Thào Thị Chải	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
3	Sùng A Thái	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sùng A Sáu	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
4	Hạng Thiên Quý	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Hạng A Thái	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
5	Sùng Trường Ken	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sùng A Lầu	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
6	Sênh Thiện Chí	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sênh A Và	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
7	Sùng A Chí	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sùng A Dia	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
8	Vừ A Trường	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Vừ A Đà	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
9	Sùng Minh Khang	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sùng A Khá	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
10	Giảng Lao Phi	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Giảng A Ly	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
11	Sùng A Ân	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Mùa Thị Lia	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
12	Sênh Thị Ngọc Ánh		2021	MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sênh A Mùa	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
13	Mùa Thị Chừ		2021	MG Bé Trung tâm	H'Mông	Mùa A Tông	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
14	Vừ Thị My		2021	MG Bé Trung tâm	H'Mông	Vừ Thị Dợ	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
15	Giảng Thị Kim Phượng		2021	MG Bé Trung tâm	H'Mông	Giảng A Chay	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
16	Sênh A Quý	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sênh A Tháng	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
17	Vừ A Xay	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Vừ A Phình	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
18	Sùng Tiến Trinh	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Lầu Thị Bàu	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
19	Sùng Thị Mai Huyền		2021	MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sùng A Sênh	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
20	Vàng Gia Bảo	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Vàng Thị Chi	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
21	Vừ A Chua	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Vừ Thị Mai	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
22	Sùng Thị Mai		2021	MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sùng A So	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
23	Vàng A Mảnh	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Vàng A Say	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
24	Sênh A Thái	2021		MG Bé Trung tâm	H'Mông	Sênh A Sung	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
25	Sùng A Cộng	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Sùng A Mùa	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
26	Giàng Đoàn Dân	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Giàng A lừ	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
27	Sênh Mu Dinh	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Sênh A Sá	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
28	Giàng Thị Nì		2020	MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Giàng A Hứ	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
29	Mùa Thị Vừ		2020	MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Mùa A Chữ	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
30	Giàng Anh Đào	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Giàng A Sá	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
31	Sùng A Cương	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Sùng A Lừ	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
32	Vừ Tiểu Bảo	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Vừ A Thành	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
33	Sùng Minh Tuấn	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Sùng A Mùa	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
34	Mùa Thị Dâu		2020	MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Mùa A Tòng	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
35	Giàng Minh Khang	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Giàng A Phứ	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
36	Sùng Ngọc Nhi		2020	MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Sùng A Chạ	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
37	Sùng A Thành	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Sùng A Co	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
38	Giảng Quang Đại	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Giảng A Ly	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
39	Thào Thị Nụ		2020	MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Thào A Tông	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
40	Mùa A Pó	2020		MG Nhỡ Trung tâm	H'Mông	Mùa A Đông	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
41	Sùng Hùng Anh		2019	MGL trung tâm	H'Mông	Sùng A Sênh	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
42	Sênh .T. Ngọc Bích		2019	MGL trung tâm	H'Mông	Sênh A Vả	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
43	Hạ Thị Dung		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Sùng Thị Co	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
44	Giảng A Hạ	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Mùa Thị Dưa	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
45	Lầu Thị Hoa		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Lầu A Cợ	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
46	Sùng Thị Ganh		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Sùng A Tú	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
47	Vừ Thị Lia		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Lầu Thị Khua	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
48	Vừ A Tùng	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Vừ A Phình	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
49	Vừ Thị Hồng Năm		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Vừ A Tinh	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
50	Giảng Thị Quỳnh Ninh		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Chá Thị Xia	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
51	Vừ A Sênh	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Và Thị Dợ	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
52	Lầu Thị Chừ		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Lầu A Chai	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
53	Mùa Duy Đức	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Mùa A Sur	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
54	Vừ Thị Ky		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Vừ A Dénh	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
55	Sùng T. Nguyệt Ánh		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Sùng A Lầu	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
56	Sùng Mạnh Hòa	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Sùng A Chừ	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
57	Vừ Anh Duy	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Vừ A Sớ	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
58	Sùng A Hải	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Sùng A Po	Bản Sơn Tổng	Xã ĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
59	Vừ A Hự	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Vừ A Nu	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
60	Hạ A Hoàng	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Hạ A Thái	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
61	Mùa Thị Ly		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Mùa A Tông	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
62	Sênh Lò Mai		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Sênh A Thàng	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
63	Vừ Thị Lanh Nhi		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Sùng Thị Pà	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
64	Vừ Siêu Phử	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Vừ A Mang	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
65	Sùng Thị Xinh		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Lầu Thị Máy	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
66	Mùa Thị Dân		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Vàng Thị Dénh	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
67	Lầu Thị Liên		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Lầu A Chai	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
68	Vừ A Bia	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Vừ A Dể	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
69	Giàng Kỳ Phành	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Giàng Thị Cừ	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
70	Lầu Thị Dung		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Vàng Thị Dợ	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
71	Vừ Thị Pà Cú		2019	MGL trung tâm	H' Mông	Vừ A Tủa	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
72	Sùng A Sênh	2019		MGL trung tâm	H' Mông	Sùng A So	Bản Sơn Tổng	Xã DBKK	150.000	5	750.000
73	Vừ Thị Nủ		2019	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vừ A Tông	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000
74	Sênh Thị Hồng Nhật		2019	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Sáu	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000
75	Vàng A Tông	2019		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Chia	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000
76	Vàng A Lau	2019		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Chia	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000
77	Vàng A Sinh	2019		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Già	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000
78	Giàng A Dương	2019		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Giàng A Chanh	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000
79	Vừ Mạnh Du	2019		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vừ A Nủ	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
80	Sênh Thị Chi		2019	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Va	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
81	Sênh A Són	2019		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Cẩu	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
82	Sênh Thị Mái		2019	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Lầu	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
83	Sênh A Báo	2020		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Panh	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
84	Vàng Thị Tâm		2020	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Mua	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
85	Vàng A Són	2020		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Chua	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
86	Sênh Duy Công	2020		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Điện	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
87	Vừ Thị Súa		2020	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vừ A Tổng	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
88	Vừ Thị Chia		2020	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vừ A Vả	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
89	Sùng A Nhìa	2020		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sùng A Chu	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
90	Vàng Thị Lan		2021	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Di	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
91	Vừ A Phênh	2021		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vừ A Chổng	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
92	Sênh Thị Ong		2021	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Va	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
93	Vàng A Chung	2021		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Vừ	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
94	Sênh Thị Húa		2021	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Tủa	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
95	Vừ Thị Cú		2021	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vừ A Phong	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
96	Vàng A Thành	2021		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Già	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
97	Vừ Huy Hoàng	2021		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vừ A Ti	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
98	Sênh A Bái	2021		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Tổng	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
99	Vừ Hải Dương	2021		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vừ A Chua	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
100	Sênh A Tân	2021		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sênh A Panh	Bản Huổi Chanh	Xã ĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng thưởng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
101	Vàng Thị Dế		2021	MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Chua	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000
102	Vàng A Tú	2021		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Vàng A Mưa	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000
103	Sùng Linh Vư	2021		MGG Huổi Chanh	H' Mông	Sùng A Cua	Bản Huổi Chanh	Xã DBKK	150.000	5	750.000
104	Lầu Dềnh Hứa	2019		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Dờ	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
105	Lầu Thị Sùng		2019	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Gấu	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
106	Lầu Chá Công	2019		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Chua	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
107	Lầu Thị Mai		2019	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Dế	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
108	Lầu Minh Đức	2019		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Xa	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
109	Sùng A Hành	2019		MGG Gia Phú A	H' Mông	Sùng A Cú	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
110	Lầu Súa Nữ	2019		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A So	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
111	Lầu A Tuấn	2019		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Tinh	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
112	Sùng A Dơ	2019		MGG Gia Phú A	H' Mông	Sùng A Cho	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
113	Lầu Thị Chay		2019	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Nénh	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
114	Hạng Thị Chia		2019	MGG Gia Phú A	H' Mông	Hạng A Súa	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
115	Giăng Sa Mông	2019		MGG Gia Phú A	H' Mông	Giăng A Ténh	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
116	Sùng Ngọc Kim		2020	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Gấu	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
117	Lầu A Hừ	2020		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Cua	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
118	Lầu Thị Nủ		2020	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Sùng	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
119	Mùa Thị Ly		2020	MGG Gia Phú A	H' Mông	Mùa A Dơ	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
120	Lầu A Hồng	2020		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Khái	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000
121	Lầu Ngọc Long	2020		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Khá	Bản Gia Phú A	Xã DBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
122	Sùng Thị Dung		2020	MGG Gia Phú A	H' Mông	Sùng A Cú	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
123	Lầu Thị Sĩa		2020	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Thỏ	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
124	Lầu Thị Dợ		2020	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Nénh	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
125	Lầu Bích Hương		2021	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Nénh	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
126	Lầu A Sơn	2021		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Khái	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
127	Lầu Mạnh Cường	2021		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Hạ	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
128	Lầu Công Mạnh	2021		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Dé	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
129	Lầu Thị Sênh		2021	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Cua	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
130	Lầu A Dềnh	2021		MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Thỏ	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
131	Sùng Pá Cú		2021	MGG Gia Phú A	H' Mông	Sùng A Phía	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
132	Lầu Thị Chi Na		2021	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu Và So	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
133	Lầu Thị Hoa		2021	MGG Gia Phú A	H' Mông	Lầu A Chua	Bản Gia Phú A	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
134	Thào A Sênh	2019		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Nénh	Bản Gia Phú B	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
135	Thào A Chua	2019		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Vừ	Bản Gia Phú B	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
136	Thò Thị Dung		2019	MGG Gia Phú B	H' Mông	Thò A Dua	Bản Gia Phú B	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
137	Thào A Di	2020		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Lồng	Bản Gia Phú B	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
138	Thào Hoàng Lâm	2020		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Minh	Bản Gia Phú B	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
139	Giảng A Cường	2020		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào Thị Ca	Bản Gia Phú B	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
140	Thào A Lầu	2020		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Sênh	Bản Gia Phú B	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
141	Thào Thị Ghi		2020	MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Tông	Bản Gia Phú B	Xã ĐBK	150.000	5	750.000
142	Thào Xuân Xe	2020		MGG Gia Phú B	H' Mông	Mùa Thị Lu	Bản Gia Phú B	Xã ĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
143	Thào Mạnh Hùng	2020		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Giảng	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000
144	Thào Thị Xuân		2021	MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Châu	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000
145	Thào Vàng Nénh	2021		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Kỳ	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000
146	Giảng Thị Văn		2021	MGG Gia Phú B	H' Mông	Giảng A Chư	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000
147	Thào A Thù	2021		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Lòng	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000
148	Thào Thị Lĩa		2021	MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Vừ	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000
149	Thào A Cường	2021		MGG Gia Phú B	H' Mông	Thào A Táng	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000
150	Giảng Thị Hoa		2021	MGG Gia Phú B	H' Mông	Giảng A Thắng	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000
151	Giảng A Cho	2021		MGG Gia Phú B	H' Mông	Giảng A Tủa	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000
152	Sùng A Và	2021		MGG Gia Phú B	H' Mông	Sùng A Dĩa	Bản Gia Phú B	Xã DBKK	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 222.../QĐ - UBND, ngày 22...tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

Stt	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Nam	Nữ								
Trường mầm non xã Mường Lói											
1	Thào A Tà	2019		MGL-Noong É	Mông	Thào A Vừ	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
2	Thào Thị Lan Y		2019	MGL-Noong É	Mông	Vàng Thị Máy	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
3	Thào A Lầu	2019		MGL-Noong É	Mông	Sùng Thị Mì	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
4	Thào A Dĩa	2019		MGL-Noong É	Mông	Thào A Chính	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
5	Giàng A Nam	2019		MGL-Noong É	Mông	Giàng A Thanh	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
6	Thào A Ly	2019		MGL-Noong É	Mông	Giàng Thị Di	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
7	Thào Thuý Nga		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Đà	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
8	Thào Thị Lan Nhi		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Sau	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
9	Vừ Phúc Long	2019		MGL-Noong É	Mông	Vừ A Mãnh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
10	Thào Thị Di		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Sênh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
11	Thào Thị Ngọc Ánh		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Súa	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
12	Thào Minh Hải	2019		MGL-Noong É	Mông	Lầu Thị Lía	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
13	Thào Dênh Hoà	2019		MGL-Noong É	Mông	Thào A Lừ	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
14	Giàng Huy Mạnh	2019		MGL-Noong É	Mông	Mùa Thị Dy	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
15	Thào Thị Si		2019	MGL-Noong É	Mông	Thào A Sia	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
16	Thào Lía Sùng	2020		MGG-Noong É	Mông	Thào A Tùng	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
17	Thào A Quý	2020		MGG-Noong É	Mông	Vàng Thị Nụ	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
18	Thào Linh Chi		2020	MGG-Noong É	Mông	Vàng Thị Sia	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
19	Giàng Văn Minh	2020		MGG-Noong É	Mông	Sùng Thị Nénh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
20	Vừ A Khánh	2020		MGG-Noong É	Mông	Vừ A Hù	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
21	Thào Chí Thanh	2020		MGG-Noong É	Mông	Thào A Chá	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000

22	Thảo Thị Ánh Xuân		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào Hồng May	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
23	Thảo Thị Tuyết Mai		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào A Chênh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
24	Thào Quang Khải	2021		MGG-Noong É	Mông	Thào A Đà	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
25	Thảo Thị Ngọc Duyên		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào A Sau	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
26	Thào A Vinh	2021		MGG-Noong É	Mông	Giàng A Giống	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
27	Giàng Sênh Nở	2021		MGG-Noong É	Mông	Giàng A Thanh	Bản Noong É, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
28	Thảo Thị Ý Nhi		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào A Súa	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
29	Thào A Lại	2021		MGG-Noong É	Mông	Lầu Thị Lia	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
30	Thảo Thị Nguyệt Năng		2021	MGG-Noong É	Mông	Hồ Thị Hành	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
31	Vừ Chí Minh	2021		MGG-Noong É	Mông	Vừ A Mênh	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
32	Thảo Thị Sâu		2021	MGG-Noong É	Mông	Thào A Hai	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
33	Thào A Tân	2021		MGG-Noong É	Mông	Giàng Thị Di	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
34	Thào Xuân Thành	2021		MGG-Noong É	Mông	Thào A Nủ	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
35	Thào A Chi	2021		MGG-Noong É	Mông	Vàng Thị Máy	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
36	Thào Quý Phước	2021		MGG-Noong É	Mông	Vàng Thị Pà	Bản Noong É, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
37	Lò Thị Thiên Mỹ		2019	MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Phôm	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
38	Ngô Quỳnh Anh		2019	MGL-Trung tâm	Lào	Vì Thị Diên	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
39	Lò Thiên Lộc	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Quyết	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
40	Lò Thị Kiều Loan		2019	MGL-Trung tâm	Lào	Vì Thị Hồng	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
41	Vì Thị Phương Uyên		2019	MGL-Trung tâm	Lào	Vì Văn Hoà	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
42	Lò Tiến Minh	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Long	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
43	Lò Anh Quân	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Pha	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
44	Lò Gia Huy	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Ly	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
45	Lò Thiên Bính	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Yên	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
46	Lò Triệu Phong	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Xinh	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
47	Lò Tuấn Kiệt	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Văn Thìn	Bản Lói, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
48	Trịnh Quang Hiếu	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Lò Thị Phong	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
49	Nguyễn Đỗ Khánh Ngân	2019		MGL-Trung tâm	Lào	Nguyễn Duy Trường	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
50	Lò Thị Bảo Ngọc		2020	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Văn Phong	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
51	Vì Đức Vượng	2020		MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Hiêng	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000

52	Lò Phú Sang	2020		MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Sọn	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
53	Lò Phúc Hưng	2020		MGG-Trung tâm	Lào	Vì Thị Thơm	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
54	Lò Thị Phương Huyền		2020	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Ngọc	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
55	Lò Diệu Anh		2020	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Văn Diên	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
56	Vì Thị Phương Dung		2020	MGG-Trung tâm	Lào	Vì Văn Minh	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
57	Lò Xuân Phúc	2020		MGG-Trung tâm	Lào	Vì Thị Biên	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
58	Quảng Thị Trà My		2020	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Khăm	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
59	Vì Đình Thăng	2021		MGG-Trung tâm	Lào	Vì Thị Thủy	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
60	Lò Thị Duyên Hồng		2021	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Văn Bình	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
61	Lò Thị Minh Thủy		2021	MGG-Trung tâm	Lào	Vì Thị Xôm	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
62	Lò Thị Phương Duyên		2021	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Thanh	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
63	Lò Kim Ly		2021	MGG-Trung tâm	Lào	Lò Văn Quý	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
64	Lò Trường Giang	2021		MGG-Trung tâm	Lào	Lò Thị Hà	Bản Lói, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
65	Lường Hạo Nhiên	2019		MGG-Co Đứa	Khơ mú	Lường Văn Hạnh	Bản Co Đứa, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
66	Pít Quang Khải	2019		MGG-Co Đứa	Khơ mú	Pít Văn Thủy	Bản Co Đứa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
67	Lường Duy Nhất	2019		MGG-Co Đứa	Khơ mú	Lường Văn Một	Bản Co Đứa, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
68	Cút Thị Thủy Phương		2019	MGG-Co Đứa	Khơ mú	Cút Văn Chung	Bản Co Đứa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
69	Lường Anh Tuấn	2020		MGG-Co Đứa	Khơ mú	Cút Thị Nghiêm	Bản Co Đứa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
70	Cút Thị Hồng Duyên		2020	MGG-Co Đứa	Khơ mú	Cút Thị Lanh	Bản Co Đứa, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
71	Cút Thị Ngọc Linh		2021	MGG-Co Đứa	Khơ mú	Cút Văn Chung	Bản Co Đứa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
72	Lò Minh Nga		2021	MGG-Co Đứa	Khơ mú	Lò Văn Vượt	Bản Co Đứa, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
73	Pít Thị Thanh Nhân		2021	MGG-Co Đứa	Khơ mú	Pít Văn Thủy	Bản Co Đứa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
74	Lường Thị Hồng Duyệt		2021	MGG-Co Đứa	Khơ mú	Lường Thị Lói	Bản Co Đứa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
75	Lường Thị Thu Huyền		2021	MGG-Co Đứa	Khơ mú	Cút Thị Nghiêm	Bản Co Đứa, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
76	Mòng Thị Danh		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Mòng Văn Máng	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
77	Lò Thành Đạt	2019		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Pánh	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
78	Lường Thị Thư		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Oan	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
79	Lường Thị Diệp		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Là	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
80	Lường Thị Hoa Anh Đào		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Lanh	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
81	Lường Duy Mạnh	2019		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Tính	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000

82	Lương Thị Minh Thơm		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Nen	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
83	Lò Thị Giang		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Chung	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
84	Giảng Thị Kim Chi		2019	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Giảng A Ly	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
85	Lò Văn Diệu	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Dũng	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
86	Lò Bảo Cu	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Thìn	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
87	Lường Thị Mai Thanh		2020	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Lanh	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
88	Lường Thị Bát Quả		2020	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Thị Canh	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
89	Lường Thị My Ngân		2020	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Nhọt	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
90	Lò Văn Đoàn	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Nương	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
91	Lường Thị Quỳnh		2020	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Thị Lưn	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
92	Lò Minh Thuê	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Tiết	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
93	Lường Văn Kiệt	2020		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Quyền	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
94	Mông Bích Phương	2021		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Mông Văn Máng	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
95	Lò Thị Kim Duyên		2021	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Chiềng	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
96	Lường An Phong	2021		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Thị Lợi	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
97	Lò Minh Hiếu	2021		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Lâm	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
98	Lường Thành Đố	2021		MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lường Văn Cán	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
99	Lò Thị Hồng Diệu		2021	MGG-Huổi Chon	Khơ mú	Lò Văn Trạ	Bản Huổi Chon, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
100	Lường Xuân Quý	2019		MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lò Thị Liên	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
101	Lò Thị Hiền Trang		2019	MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lò Văn Thủy	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
102	Lò Xuân Bắc	2019		MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lò Văn Lả	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
103	Lường Anh Thuyền	2019		MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lường Văn Châm	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
104	Lường Thị Ngọc		2019	MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lường Thị Bót	Bản Tin Túc, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
105	Lò Thị Tiểu Nhất		2020	MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lò Văn Hặc	Bản Tin Túc, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
106	Lò Thị Mai Hương		2020	MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lường Thị Thanh	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
107	Lường Thị Minh Trang		2020	MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lường Văn Thời	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
108	Lường Thị Hồng Vỹ		2021	MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lò Thị Liên	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
109	Lường Duy Huấn	2021		MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lường Văn Hoan	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
110	Lường Thanh Hưng	2021		MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lường Thị Lâm	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
111	Lò Thị Thanh Chúc		2021	MGG-Tin Túc	Khơ mú	Lường Thị Thanh	Bản Tin Túc, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000

112	Mông Tuấn Điệp	2019		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Mông Văn Tân	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
113	Lò Văn Dương	2019		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Phương	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
114	Lường Văn Vương	2019		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lường Thị Bình	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
115	Lò Văn Hiếu	2019		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Thị Ban	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
116	Lường Thị Giao Duyên		2019	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lường Thị Thắm	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
117	Lò Thị Thanh Vân		2020	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Hương	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
118	Lò Thanh Thủy		2020	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Thị Lun	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
119	Lò Thị Hồng Diễm		2020	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Cường	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
120	Lò Thị Huyền Trang		2020	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Sèo Thị Nen	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
121	Lường Gia Phú	2021		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lường Văn Quyết	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
122	Lường Duy Quyên	2021		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lường Thị Thắm	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
123	Lò Văn Khả Bảnh	2021		MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Hương	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
124	Lò Lan Chi		2021	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Quảng Thị Nga	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
125	Lò Thị Ngọc Phương		2021	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Nguyệt	Bản Na Cọ, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
126	Lò Thị Thanh Thủy		2021	MGG-Na Cọ	Khơ mú	Lò Văn Thưởng	Bản Na Cọ, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
127	Lường Duy Khánh	2019		MGG-Na Chén	Khơ mú	Lường Văn Đêm	Bản Na Chén, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
128	Lò Thị Tâm Như		2019	MGG-Na Chén	Khơ mú	Lò Văn Khởi	Bản Na Chén, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
129	Cút Tuấn Hải	2020		MGG-Na Chén	Khơ mú	Cút Văn On	Bản Na Chén, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
130	Lường Thị Hồng Phương		2020	MGG-Na Chén	Khơ mú	Cút Văn Thơ	Bản Na Chén, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
131	Lò Thị Phương Thảo		2021	MGG-Na Chén	Khơ mú	Lò Văn Khởi	Bản Na Chén, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
132	Lường Thu Hiền		2021	MGG-Na Chén	Khơ mú	Lường Văn Vinh	Bản Na Chén, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
133	Lò Thị Lan Phương		2019	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lò Thị Xanh	Bản Huổi Không, Mường Lói	Xã KV III	150.000	5	750.000
134	Lường Tiểu Thuyết		2020	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lường Văn Anh	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
135	Lò Thị Minh Duyên		2020	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lường Văn Khút	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
136	Lò Thị Hồng Thủy		2021	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lò Văn Cường	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
137	Lò Thị Ngọc Huyền		2021	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lò Thị Tương	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
138	Bùi Tuấn Kiệt	2021		MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lò Văn Hiền	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
139	Lường Thị Kiều		2021	MGG-Huổi Không	Khơ mú	Lường Thị Tâm	Bản Huổi Không, Mường Lói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 22/QĐ - UBND, ngày 22... tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Phu Luông										96.000.000
1	Lò Tuấn Anh	2019		MGL Trung tâm	Thái	Lường Thị Nhanh	Bản Xé - Xã Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
2	Lò Trung Kiên	2019		MGL Trung tâm	Thái	Lò Văn Tường	Bản Xé - Xã Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
3	Lò Thị Mỹ Diệp		2019	MGL Trung tâm	Lào	Lò Văn Thường	Bản Xé - Xã Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
4	Lò Xuân Bách	2019		MGL Trung tâm	Thái	Lò Văn Thêm	Bản Xé - Xã Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
5	Tòng Bảo Lâm	2019		MGL Trung tâm	Thái	Lò Thị Nga	Bản Xé - Xã Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
6	Nguyễn Phúc Lâm	2019		MGL Trung tâm	Kinh	Lò Thị Hằng	Bản Xé - Xã Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
7	Trần Ngọc Bảo Hán	2019		MGL Trung tâm	Kinh	Trần Văn Hiến	Bản Xé - Xã Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
8	Lò Trường An	2019		MGL Trung tâm	Lào	Cà Thị Phương	Bản Na Há - Xã Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
9	Lường Bảo Thiên	2019		MGL Trung tâm	Lào	Lò Thị Hào	Bản Na Há - Xã Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
10	Lò Thị Thảo Như	2019		MGL Trung tâm	Lào	Lò Thị Thắm	Bản Cọ - Quai Nưa - TG	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
11	Lò Nhật Quân	2019		MGL Trung tâm	Thái	Lò Thị Đông	Bản Khá-Púng Bánh-Sốp Cộp	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
12	Tòng Gia Nhi	2019		MGL Trung tâm	Thái	Tòng Văn Phương	Bản Phú - Quai Cang - TG	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
13	Lò Mạnh Dũng	2020		MGN Trung tâm	Lào	Tòng Thị Chơi	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
14	Lò An Nhiên	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Khiêm	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
15	Lò Thị Q.Duyên	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Tâm	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
16	Lò Quốc Bảo	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Thọ	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
17	Lò Thiên Nhã	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Thiên	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
18	Lường Trọng Hưng	2020		MGN Trung tâm	Thái	Lường Văn Càn	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
19	Lò Vinh Quyền	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Đồng	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
20	Lò Hiếu Lam		2020	MGN Trung tâm	Thái	Lò Văn Hồng	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
21	Lò Thị Hoài An		2020	MGN Trung tâm	Thái	Tạ Văn Chính	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
22	Lò Phúc Vương	2020		MGN Trung tâm	Thái	Cà Thị Ngân	Bản Xé, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
23	Đình Thị Lan Anh		2020	MGN Trung tâm	Lào	Đình Văn Tuấn	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
24	Lò Đại Dương	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Bua	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
25	Lò Đức Thiện	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Thành	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
26	Lường Gia Phúc	2020		MGN Trung tâm	Lào	Vì Thị Hương	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
27	Lò Ngọc Doanh		2020	MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Quyết	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
28	Lường Thu Hằng		2020	MGN Trung tâm	Lào	Lường Văn Phôm	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
29	Vì Bảo Duy	2020		MGN Trung tâm	Lào	Sùng Thị Chính	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
30	Lường Thị A.Nhiên		2020	MGN Trung tâm	Lào	Lường Thị Kiêm	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
31	Lò Cao Nguyên	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Cường	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
32	Lò Việt Hoàng	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Thị Pén	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
33	Lường Nhã Phương		2020	MGN Trung tâm	Lào	Lò Thị May	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
34	Lò Diệp Lan		2020	MGN Trung tâm	Lào	Lường Thị Hoan	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
35	Lò Trường Giang	2020		MGN Trung tâm	Lào	Lò Văn Sơn	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
36	Cao Diệp Anh		2020	MGN Trung tâm	Kinh	Lò Thị Thu	Bản Na Há - Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
37	Đỗ Minh Khoa	2020		MGN Trung tâm	Kinh	Đỗ Văn Thắng	Bản Xé - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
38	Nguyễn Ngọc T.Anh	2020	2020	MGN Trung tâm	Kinh	Nguyễn Thị Hải	Bản Xé - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
39	Lường Thị T.Nhàn	2020	2020	MGN Trung tâm	Lào	Quảng Thị Sen	Bản Na Há - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
40	Lường Văn Sơn	2021		MGB Trung tâm	Lào	Lường Thị Liên	Bản Na Há, Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
41	Lò An Na		2021	MGB Trung tâm	Lào	Lường Thị Niêm	Bản Na Há, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
42	Lò Đức Trinh	2021		MGB Trung tâm	Lào	Lò Văn Phong	Bản Na Há, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
43	Lò Thu Hà		2021	MGB Trung tâm	Lào	Lò Văn Hải	Bản Na Há, Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
44	Nông Thị Hà Linh		2021	MGB Trung tâm	Nùng	Nông Văn Mới	Bản Na Há, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
45	Lò Tuấn Dũng	2021		MGB Trung tâm	Lào	Lò Thị Sơn	Bản Na Há, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
46	Lường Thị K.Huyền		2021	MGB Trung tâm	Lào	Lường Văn Thủy	Bản Na Há, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
47	Lò Bích Anh		2021	MGB Trung tâm	Thái	Lò Văn Xuân	Bản Na Há, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
48	Trần Thị Mỹ Hạnh		2021	MGB Trung tâm	Kinh	Trần Văn Hiến	Bản Xẻ, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
49	Lã Tiến Dũng	2021		MGB Trung tâm	Kinh	Lò Thị Tiên	Bản Xẻ, Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
50	Lò Đức Việt	2021		MGB Trung tâm	Lào	Lò Văn Tới	Bản Xẻ, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
51	Quảng Phúc Thịnh	2021		MGB Trung tâm	Thái	Quảng Văn Ba	Bản Xẻ, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
52	Lường Bảo Lâm	2021		MGB Trung tâm	Lào	Lường Văn Thi	Bản Xẻ, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
53	Lò Thị Ánh Duyên		2021	MGB Trung tâm	Thái	Lò Thị Toan	Bản Xẻ, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
54	Lò Thị An Khuê		2021	MGB Trung tâm	Thái	Lò Văn Hân	Bản Xẻ, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
55	Nguyễn Huy Hùng	2021		MGB Trung tâm	Kinh	Nguyễn Huy Toàn	Bản Xẻ, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
56	Lò Trọng Hiếu	2021		MGB Trung tâm	Thái	Lò Thị Bình	Bản Xẻ, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
57	Lò Thảo Nhi		2021	MGB Trung tâm	Thái	Lò Văn Tự	Bản Xôm, Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
58	Lò Bảo Nam	2019		MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lò Thị Minh	B.Kham Pòm-X Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
59	Lường Phú Anh	2019		MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lường Văn Biên	B.Kham Pòm-X Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
60	Lò Văn Cảnh	2019		MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lò Thị Hợp	B.Kham Pòm-X Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
61	Lò Văn Quỳnh	2019		MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lò Thị Vân	B.Kham Pòm-X Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
62	Lò Thị P.Thảo		2019	MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lò Thị Minh	B.Kham Pòm-X Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
63	Lường Thị T.Hằng		2020	MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lường Thị Chuyên	B.Kham Pòm-X Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
64	Lường Thị C.Vy		2020	MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lường Văn Quỳnh	B.Kham Pòm-X Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
65	Lường T. K.Phượng		2021	MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lường Văn Nhi	B.Kham Pòm-X Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
66	Lò Thị Thủy Kiều		2021	MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lường Thị Lưn	B.Kham Pòm-X Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
67	Lò Thị Yến Nhi		2021	MGG Khăm pòm	Kho-mú	Lò Văn Nhọt	B.Kham Pòm-X Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
68	Lò Văn Hiếu	2021		MGG Khăm pòm	Khơ-mú	Lò Thị Vân	B.Kham Pòm-X Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
69	Lò T Triệu Mẫn		2021	MGG Khăm pòm	Khơ-mú	Lò Văn Dung	B.Kham Pòm-X Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
70	Quảng Thị Yến		2021	MGG Khăm pòm	Khơ-mú	Quảng Thị Uyên	B.Kham Pòm-X Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
71	Lò Thị Ngọc Ánh		2021	MGG K.Pòm	Khơ-mú	Lò Thị Hợp	B.Kham Pòm-X Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
72	Lường Thị V.Anh		2019	MGG Bàn xôm	Thái	Lường Văn Phin	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
73	Lò Huy Bách	2019		MGG Bàn xôm	Thái	Lò Văn Thư	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
74	Lò Thiệp Nhân	2019		MGG Bàn xôm	Thái	Lò Thị Nguyễn	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
75	Lò Anh Vũ	2019		MGG Bàn xôm	Thái	Cà Thị Thắm	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
76	Lò Bảo Nam	2019		MGG Bàn xôm	Thái	Lường Thị Diễm	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
77	Tòng Thị T.Linh		2020	MGG Bàn xôm	Thái	Tòng văn Nhân	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
78	Lường Vinh Quang	2020		MGG Bàn xôm	Thái	Lường Văn Phin	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
79	Quảng Thị T.Huyền		2020	MGG Bàn xôm	Thái	Lò Thị Thanh	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
80	Lò Văn Tuấn	2020		MGG Bàn xôm	Thái	Lò Thị Vạt	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
81	Lò Hải Đăng	2021		MGG Bàn xôm	Thái	Lò Văn Cảnh	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
82	Quảng Lò H.Vân		2021	MGG Bàn xôm	Thái	Lò Thị Thuận	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
83	Lò Thảo Nguyên		2021	MGG Bàn xôm	Thái	Lò Văn Doan	Bản xôm - Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
84	Lò Bảo Ân	2021		MGG Bàn xôm	Thái	Khoảng Thị Đào	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
85	Lò Đức Huy	2021		MGG Bàn xôm	Thái	Lò Thị Phiến	Bản xôm - Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
86	Quảng Thị A.Dương		2021	MGG Bàn xôm	Thái	Lò Thị Thơi	Bản xôm - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
87	Lò Thị T.Linh		2019	MGG Pá chả	Khơ Mú	Nạ Thị Thơ	Pá Chả - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
88	Lường T.L.Phương		2020	MGG Pá chả	Khơ Mú	Lường Thị Viên	Pá Chả - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
89	Lò Xuân Bách	2020		MGG Pá chả	Khơ Mú	Nạ Thị Lún	Pá Chả - Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
90	Lường Thành Cao	2021		MGG Pá chả	Khơ Mú	Quảng Thị Hoa	Pá Chả - Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
91	Quảng Đức Tài	2019		MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Quảng Văn Ngọc	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
92	Lò Anh Phú	2019		MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Quế	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
93	Lường Kim Phương		2019	MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Kiêm	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
94	Lò Thị Yên Lành		2019	MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Long	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
95	Lò Thị Mai Phương		2019	MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Lả	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
96	Lò Gia Huy	2020		MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Lợi	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
97	Lò Thị Ngân Xuyên		2020	MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lường Thị Liên	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
98	Lò Hồng Min		2020	MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Chung	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
99	Lò Anh Đại	2020		MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Thị Cánh	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
100	Lò Minh Công	2020		MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Kiêm	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
101	Lò Quỳnh Trang		2020	MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Quế	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
102	Quảng Thị Ánh Nhi		2020	MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Quảng Văn Ngọc	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
103	Lò Thị Yên Giang		2021	MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Long	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
104	Lò Anh Hùng	2021		MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Văn Lợi	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
105	Lò Thu Như		2021	MGG Huổi cánh	Khơ- mú	Lò Thị Cánh	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
106	Trương T Ngọc Ánh		2021	MGG Huổi cánh	Dao	Lò Thị Tiên	Bản Huổi Cánh-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
107	Lường Thiên Lưu	2019		MGG LN	Khơ- mú	Lường Thị Nghiêm	Lọng Ngua-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
108	Lường Thị Minh Ân		2020	MGG LN	Khơ- mú	Lường Văn Thuận	Lọng Ngua-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
109	Lò Hạo Nam	2020		MGG LN	Khơ- mú	Mong Thị Hoa	Lọng Ngua-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
110	Lò Đức Thiện	2020		MGG LN	Khơ- mú	Lò Văn Nghĩa	Lọng Ngua-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
111	Mong Nhất Đông	2021		MGG LN	Khơ- mú	Mong Văn Hà	Lọng Ngua-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
112	Lường Anh Tú	2021		MGG LN	Khơ- mú	Lường Văn Tuyết	Lọng Ngua-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
113	Mong Đức Triệu	2021		MGG LN	Khơ- mú	Mong Văn Hà	Lọng Ngua-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
114	Lường Văn Lịch	2021		MGG LN	Khơ- mú	Lường Văn Tuấn	Lọng Ngua-Phu Luông	ĐKKT-XHĐBKK	150.000	5	750.000
115	Thào A Khư	2019		MGG Bàn C5	H'Mông	Hờ Thị Súa	Bàn C5-Phu Luông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
116	Thào Thị Vừ		2019	MGG Bản C5	H'Mông	Thào A Chừ	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
117	Thào Xuân Hồng	2019		MGG Bản C5	H'Mông	Thào A Say	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
118	Vừ Thị Kía		2019	MGG Bản C5	H'Mông	Vừ A Pó	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
119	Thào Thị So		2020	MGG Bản C5	H'Mông	Lầu Thị Mỹ	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
120	Thào Thị Mai Hoa		2020	MGG Bản C5	H'Mông	Thào A Cà Súa	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
121	Thào A Chi Nu		2020	MGG Bản C5	H'Mông	Thào A Vừ Pó	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
122	Thào A Chênh	2020		MGG Bản C5	H'Mông	Thào A Ly	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
123	Thào A Nu	2020		MGG Bản C5	H'Mông	Lầu Thị Mỹ	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
124	Vừ A Nhia	2021		MGG Bản C5	H'Mông	Vừ A Pó	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
125	Thào A Tinh	2021		MGG Bản C5	H'Mông	Thào A Vá	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
126	Thào A Chín	2021		MGG Bản C5	H'Mông	Hờ Tị Súa	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
127	Thào Thị Chia Si		2021	MGG Bản C5	H'Mông	Thào A Di	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
128	Thào Thị Nhia		2021	MGG Bản C5	H'Mông	Thào A Chừ	Bản C5-Phu Lương	Hộ nghèo	150.000	5	750.000